

H X
9
V5
H63
1988:2
MAIN



B 4 414 377

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Không tư tưởng chỉ đạo của
kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội
5 năm 1986 — 1990 và năm 1991

2

1988

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

2

1988

Digitized by Google



TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Cơ quan lý luận và chính trị của
Trung ương Đảng cộng sản Việt nam

Xã luận

HX

9

V5

H.63

Những tư tưởng chỉ đạo lớn của kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội 5 năm 1986—1990 và năm 1988

1988:2
MAIN



Đại hội lần thứ VI của Đảng đã xác định nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát của những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là «đơn định mọi mặt tình hình kinh tế, xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo». Đại hội cũng đã xác định 5 mục tiêu cụ thể về kinh tế, xã hội là: sản xuất dồi dào và có tích lũy; bước đầu tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý nhằm phát triển sản xuất; xây dựng và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất mới phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; tạo ra chuyển biến tốt về mặt xã hội, bảo đảm nhu cầu củng cố quốc phòng và an ninh.

Kế hoạch 5 năm 1986—1990 là một bước rất quan trọng trong việc thực hiện những mục tiêu nói trên. Nhưng do mức thực hiện kế hoạch trong hai năm 1986—1987 đạt thấp nên tình hình kinh tế, xã hội chuyển biến chậm, nhiệm vụ còn lại trong ba năm tới rất nặng nề, đầy khó khăn, phức tạp. Thực hiện các mục tiêu của Đại hội VI không chỉ là yêu cầu của việc chấp hành nghiêm chỉnh Nghị quyết của Đảng, mà còn là đòi hỏi bức xúc của cuộc sống

thực tiễn. Hoàn cảnh trong nước và quốc tế đòi hỏi sự nỗ lực gấp bội. ý chí phấn đấu quyết liệt của toàn Đảng, toàn dân để đưa đất nước ta ra khỏi khó khăn và vững bước tiến lên...

Hội nghị lần thứ 4 Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa VI) xác định nhiệm vụ ba năm 1988 - 1990 là **«phấn đấu thực hiện bằng được mục tiêu ổn định một bước quan trọng tình hình kinh tế, xã hội, chuẩn bị điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế, xã hội trong các năm sau»**.

Để thực hiện mục tiêu trên, Nghị quyết Hội nghị Trung ương cũng đã nhấn mạnh điều quyết định là phát triển mạnh mẽ sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế, trước hết là tập trung sức thực hiện ba chương trình kinh tế, đặc biệt là chương trình lương thực, thực phẩm. Những biện pháp chủ yếu là: chuyển mạnh các hoạt động kinh tế sang hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật; có chính sách đúng đắn nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế khai thác mọi năng lực sản xuất, giải quyết hài hòa các mối quan hệ về lợi ích để tạo được phong trào lao động sáng tạo, nâng cao hiệu quả kinh tế; đổi mới tổ chức và cán bộ.

Nội dung kế hoạch kinh tế, xã hội trong ba năm tới phải thể hiện những tư tưởng chỉ đạo lớn sau đây:

1 - Coi ba chương trình kinh tế là cốt lõi của kế hoạch kinh tế, xã hội nhằm giải quyết bằng được nhu cầu cơ bản về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng thiết yếu và các nhu cầu bức thiết khác về đời sống của nhân dân lao động; tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu, bảo đảm thực hiện đúng các cam kết quốc tế, mở rộng các quan hệ kinh tế với Liên xô, với các nước xã hội chủ nghĩa và các nước khác.

Trong bố trí kế hoạch cũng như chỉ đạo thực hiện kế hoạch phải tập trung các điều kiện vật chất như tiền vốn, vật tư, năng lượng và giải quyết kịp thời các chính sách để thúc đẩy việc thực hiện có hiệu quả ba chương trình kinh tế, tạo ra môi trường có ý nghĩa về sản xuất lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng thiết yếu và hàng xuất khẩu.

Đặc biệt cần nhấn mạnh trong chương trình lương thực thực phẩm là phát thực hiện tốt 5 giải pháp quan trọng:

- **Bố trí đúng địa bàn sản xuất**, tập trung với mức cao hơn vật tư, vốn đầu tư cho đồng bằng sông Cửu Long - vùng trọng điền lúa lớn nhất của cả nước, cho đồng bằng sông Hồng và các vùng lúa cao sản của các địa phương khác để tạo những nguồn lương thực hàng hóa cho Nhà nước. Ở những nơi không có điều kiện sản xuất lương thực, hoặc sản xuất lương thực không có hiệu quả thì mạnh dạn chuyển hướng cây trồng, tạo ra những sản phẩm khác để trao đổi lương thực, kiên quyết không vì lương thực mà đi đến phá rừng, phá cây công nghiệp.

- **Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp**. Nâng cao hiệu quả sử dụng các công trình thủy lợi hiện có, đầu tư thêm cho thủy lợi. Cung ứng đủ và kịp thời nhiên liệu, năng lượng cho công tác tưới tiêu. Chuyển công tác dịch vụ thủy lợi sang hạch toán kinh doanh theo phương thức ký hợp đồng với người sản xuất. Đi đôi với khuyến khích phát triển và sử dụng rộng rãi các loại phân chuồng, phân hữu cơ, Nhà nước phải bảo đảm cung ứng đủ, kịp thời vụ và thuận tiện phân hóa học, thuốc trừ sâu cho sản

xuất nông nghiệp, cốt đó là nhân tố quyết định thắng lợi của sản xuất lương thực.

- Ứng dụng rộng rãi các kỹ thuật tiến bộ đã được kết luận đề nâng cao hiệu quả sử dụng vật tư, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của cây trồng, vật nuôi. Sử dụng rộng rãi các giống lúa mới, các giống ngô cho năng suất cao, giống khoai tây ít nhiễm bệnh. Đổi mới cơ cấu giống phù hợp với các vùng sinh thái khác nhau, xây dựng hệ thống giống kỹ thuật, bảo đảm đủ giống tốt, giống mới cho sản xuất, loại bỏ các giống thoái hóa. Chú trọng tăng cường công tác dự báo thời tiết phục vụ sản xuất.

- Thực sự chuyển hoạt động của ngành lương thực sang kinh doanh xã hội chủ nghĩa nhằm đạt 3 yêu cầu: tiết kiệm lương thực; giảm hao hụt, xóa bỏ lỗ; thúc đẩy chế biến lương thực và thay đổi dần cơ cấu bữa ăn. Phân đấu năm đại bộ phận lương thực hàng hóa trong xã hội để trang trải cho các nhu cầu của khu vực nhà nước.

- Đổi mới toàn diện và đồng bộ chính sách đối với nông nghiệp và nông dân nhằm giải phóng sức sản xuất nông thôn theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VI và Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ hai. Giải quyết thỏa đáng mối quan hệ giữa nhà nước với nông dân, ngoài thuế là nghĩa vụ bắt buộc duy nhất, mọi quan hệ trao đổi đều là quan hệ mua bán hàng hóa dựa trên cơ sở vận dụng quy luật giá trị. Đó phải là quan hệ thuận mua, vừa bán, thật sự bình đẳng, xóa bỏ các khoản "phụ thu lăm bõ" của bất cứ ngành nào, cấp nào đối với nông dân. Mặt khác, phải giải quyết tốt mối quan hệ trong nội bộ hợp tác xã theo hướng hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng, cải tiến công tác hạch toán và phân phối thu nhập để động viên nhiệt tình lao động của nông dân.

- Đối với chương trình hàng tiêu dùng, điều có tính chất quyết định là phải tập trung xử lý 2 vấn đề: nguyên liệu và chính sách theo hướng sử dụng rộng rãi và lâu dài các thành phần kinh tế, đối xử bình đẳng với tất cả các thành phần kinh tế, giải quyết song phẳng việc mua vật tư, bán sản phẩm theo nguyên tắc kinh doanh, không phân biệt đối xử. Đề khai thác nguồn nguyên liệu từ nông nghiệp và thủy sản phục vụ đặc lực cho công nghiệp chế biến, phải bảo đảm song phẳng, bình đẳng quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa sản xuất và chế biến, thực hiện việc ký kết hợp đồng trực tiếp mua bán vật tư, nguyên liệu theo phương thức và giá cả do hai bên thỏa thuận. Ngoài nguyên liệu nhập khẩu từ các nước xã hội chủ nghĩa, phải bổ sung ngoại tệ nhập vật tư từ thị trường tự bản và thực hiện rộng rãi việc gia công sản xuất hoặc hợp tác sản xuất với nước ngoài, coi đây là một phương hướng cực kỳ quan trọng trong nhiều năm tới.

Đối với chương trình xuất khẩu, nhiệm vụ quan trọng là phải tổ chức lại sản xuất hàng xuất khẩu, tập trung vốn và vật tư vào những mặt hàng có hiệu quả cao, vào những vùng chuyên canh, những mặt hàng xuất khẩu chủ lực; sắp xếp lại các tổ chức xuất, nhập khẩu nhằm thu gọn đầu mối, chấm dứt tình trạng tranh mua tranh bán. Đổi mới cơ chế mua hàng xuất khẩu theo hướng nhà nước mua hàng xuất khẩu theo giá thực bán trên thị trường và bán lại vật tư, hàng hóa cũng theo giá thực bán trên thị trường. Tạo nên mối quan hệ tương ứng về giá trị. Bằng cách đó, vừa xóa bỏ được việc mua bán bằng ngoại tệ trong nước, hạn chế bù lỗ xuất khẩu, vừa tập trung được nguồn hàng giao cho các nước.

Phát triển sản xuất, nhất thiết phải đi đôi với sắp xếp lại sản xuất, đổi mới cơ cấu sản xuất, kiên quyết tập trung vào các sản phẩm trọng điểm và địa bàn trọng điểm, chống lối trái đều. Phải rất coi trọng năng suất, chất lượng và hiệu quả, từ phát triển bề rộng đơn thuần chuyển sang kết hợp bề rộng với bề sâu, từ phát triển số lượng đơn thuần chuyển mạnh sang kết hợp số lượng với chất lượng, những gì không đem lại kết quả thiết thực thì nhất thiết phải sắp xếp lại.

Nói chung, việc thực hiện ba chương trình kinh tế, trong đó số 1 là chương trình lương thực — thực phẩm không thể tách rời việc xây dựng một nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng sản xuất hàng hóa, không thể tách rời các mục tiêu kinh tế khác như phát triển tương ứng các ngành công nghiệp nặng, kết cấu hạ tầng, nhất là giao thông vận tải và các ngành văn hóa, xã hội. Nhận thức này rất quan trọng vì nó chỉ đạo chúng ta trong việc xây dựng một kế hoạch kinh tế, xã hội có « điểm », có « diện », đồng bộ và hài hòa trên các lĩnh vực và ngành nghề.

2 — Kiên quyết chuyển các hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa bằng những bước đi tích cực, vững chắc, có hiệu quả thiết thực trên cơ sở những phương án đồng bộ, có thí điểm nhằm tiến tới ổn định tình hình phân phối lưu thông, thúc đẩy sản xuất phát triển, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả, củng cố và mở rộng kinh tế xã hội chủ nghĩa, bảo đảm mối quan hệ công nghiệp — nông nghiệp, quan hệ tích lũy — tiêu dùng, bảo đảm ba lợi ích.

Phải đổi mới cơ chế định giá và quản lý giá, sớm thực hiện cơ chế nội giá kinh doanh, tính đúng, tính đủ « đầu vào » và xử lý « đầu ra » một cách thỏa đáng, kiên quyết đấu tranh, từng bước ổn định vật giá. Khắc phục các rối ren, ách tắc, bảo đảm lưu thông hàng hóa thông suốt, ổn định đời sống các quan hệ kinh tế, xã hội, trong đó quan trọng nhất là thiết lập quan hệ mua bán hợp lý và ổn định giữa nhà nước với nông dân, bảo đảm cho nông dân nhận được tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng với giá cả ổn định, không phiến hạp, đồng thời nhà nước nắm được lương thực, nông sản hàng hóa một cách vững chắc. Chấn chỉnh hệ thống và sửa đổi phương thức cung ứng vật tư theo hướng chuyển sang hạch toán kinh doanh, cắt bỏ mọi khâu trung gian không cần thiết. Thực hiện cơ chế hạch toán kinh doanh đối với ngành giao thông vận tải, từng bước xóa bỏ, tiến tới có lãi. Đưa ngay các ngành thương nghiệp, lương thực, ngân hàng, xuất nhập khẩu, v.v. sang kinh doanh thực sự. Tiến hành cải tạo và quản lý thị trường có hiệu quả thật sự, làm cho thương nghiệp xã hội chủ nghĩa mạnh về kinh doanh, chi phối được thị trường xã hội với tỷ lệ ngày càng lớn và chất lượng ngày càng cao, góp phần quan trọng ổn định giá cả, phục vụ sản xuất và đời sống.

Thực hiện các biện pháp phân phối lại thu nhập quốc dân, nhất là tăng nhanh nguồn thu cho ngân sách nhà nước trên cơ sở phát triển và nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, và tăng mức đóng viên thu nhập quốc dân vào ngân sách nhà nước. Chỉ tiêu dùng trong phạm vi khả năng sản xuất, không ăn vào vốn vay bên ngoài và tài sản cố định, từng bước tạo tích lũy từ nội bộ nền kinh tế. Tiết kiệm chi, hạn chế, tiến tới chấm dứt phát hành tiền dè bìa chi ngân sách. Phân đầu tư dần vốn đầu tư và bố trí lại cơ cấu đầu tư, bảo đảm hiệu quả thiết thực.

3 — Tăng cường kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể làm cho thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa thể hiện được tính ưu việt; **phát huy**

nội tiềm năng của các thành phần kinh tế khác trong sản xuất và phục vụ đời sống.

Các cơ sở quốc doanh phải chuyển nhanh sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa để nâng cao hệ số sử dụng công suất, hiệu quả kinh tế, bảo đảm kinh doanh có lãi, tích lũy cho Nhà nước. Những đơn vị sản xuất, kinh doanh thua lỗ kéo dài, không có khả năng củng cố để làm ăn có lãi thì cơ quan quản lý trực tiếp phải quyết định giải thể hoặc chuyển sang các hình thức sở hữu khác. Chú trọng củng cố và tăng cường các nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh, quốc doanh thủy, hải sản và các cơ sở kinh tế quốc doanh khác trong nông, lâm, ngư nghiệp để làm tốt nhiệm vụ sản xuất, chế biến và dịch vụ cho các loại hình kinh tế khác. Việc kiện toàn và mở rộng kinh tế tập thể phải nhằm mục đích phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế và theo đúng nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi, quản lý dân chủ. Nhà nước khuyến khích và công nhận sự tồn tại lâu dài và tác dụng tích cực của kinh tế gia đình, kinh tế cá thể, kinh tế tư nhân sản xuất, dịch vụ; bảo hộ quyền sở hữu, quyền thừa kế tài sản và thu nhập hợp pháp của công dân trong các loại hình kinh tế này; thừa nhận tư cách pháp nhân và bảo đảm địa vị bình đẳng trước pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của họ.

Nổi chung là phải quán triệt đầy đủ tinh thần là thành phần nào sản xuất sản phẩm gì có lợi hơn thì phát huy cao độ tác dụng của thành phần đó, đồng thời không ngừng củng cố và tăng cường thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa.

4 - Coi trọng các nhiệm vụ về xã hội. Trước hết là phát tạo việc làm cho hàng triệu lao động hiện chưa có việc làm ổn định, bằng việc sử dụng rộng rãi khả năng của tất cả các thành phần kinh tế nhằm thu hút lực lượng lao động vào các ngành nghề cần, thủ công nghiệp ở thành phố cũng như nông thôn, khai thác đất đai trong vùng địa phương, ở các vùng kinh tế mới, mở mang dịch vụ, xây dựng kết cấu hạ tầng và đưa di cư giải tỏa lao động với nước ngoài...

Cùng với việc giải quyết việc làm, phải quan tâm đặc biệt các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa, những lĩnh vực liên quan chặt chẽ đến đời sống của người lao động. Trong tình hình vừa đa dạng, vừa phức tạp của lĩnh vực xã hội, phải tập trung xử lý cho được các vấn đề sau đây:

- Khắc phục các hiện tượng tiêu cực, thực hiện công bằng xã hội, chống tệ tham nhũng, lợi dụng chức quyền để kiếm thu nhập phi lao động, lĩnh trọng vô trách nhiệm gây lãng phí tài sản nhà nước, gây bất bình trong nhân dân.

- Khôi phục và duy trì trật tự, kỷ cương của xã hội, phổ biến sâu rộng luật pháp và xây dựng thói quen hành động theo pháp luật. Các vụ, việc đã phát hiện phải được xử lý nghiêm minh và kịp thời, thực hiện nguyên tắc mọi người đều bình đẳng trước pháp luật.

- Coi trọng ý kiến của cán bộ, nhân dân và dư luận xã hội trong quá trình nghiên cứu cũng như tổ chức thực hiện chính sách; sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng, nâng cao tính công khai và dân chủ, nhất là đối với những vấn đề có liên quan trực tiếp đến lợi ích của đông đảo nhân dân.

- Rà soát lại các luật lệ hiện hành, xây dựng các chính sách, chế độ nhằm mở rộng quyền hạn và trách nhiệm cho các ngành hoạt động văn hóa,

xã hội, tạo điều kiện cho các ngành này có nguồn thu để tự trang trải một phần kinh phí. Có chính sách ưu đãi phù hợp đối với những người hoạt động văn hóa, xã hội nhằm kích thích sự say mê sáng tạo và hứng thú nghề nghiệp của họ.

— Chăm sóc tốt hơn đời sống của cán bộ công nhân viên, trước hết là trong ngành y tế và giáo dục; đồng thời dành vốn đầu tư thích đáng để các cơ sở không liên tục xuống cấp như hiện nay. Cùng với vốn đầu tư của trung ương, phải phát huy khả năng của địa phương, của nhân dân trong sự nghiệp cực kỳ quan trọng này. Phải rất chú trọng nâng cao chất lượng hoạt động của các ngành y tế, giáo dục phục vụ tốt hơn đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

5 — Đáp ứng nhu cầu củng cố quốc phòng và an ninh, trước hết là các nhu cầu thường xuyên về đời sống và các hoạt động khác của lực lượng vũ trang. Các ngành, các địa phương phải thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ nhà nước giao về sản xuất và cung ứng vật tư, hàng hóa cho quốc phòng. Các cơ quan cung ứng trong quân đội bảo đảm đưa vật tư, hàng hóa xuống từng đơn vị, từng chiến sĩ đúng tiêu chuẩn, định lượng, có phương thức cung ứng thích hợp cho các đơn vị ở biên giới, hải đảo. Tồn chức tốt hơn hoạt động sản xuất, xây dựng kinh tế của quân đội, góp phần xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật cho quốc phòng và kinh tế, tự bảo đảm một phần nhu cầu của lực lượng vũ trang, góp thêm hàng hóa cho lưu thông xã hội và xuất khẩu.

6 — Chuẩn bị cho kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 1991 — 1995. Đạt được mục tiêu ổn định nói trên cũng chính là chuẩn bị, là tạo đà thuận lợi cho sự phát triển đi lên trong kế hoạch 1991 — 1995. Mặt khác, cần khẩn trương chuẩn bị thật tốt và chính xác cho việc xây dựng những công trình công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải trong những năm 1991 — 1995. Đặc biệt cần xúc tiến công tác nghiên cứu chiến lược kinh tế xã hội, kế hoạch dài hạn, xây dựng các chương trình hợp tác dài hạn với Liên xô và các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế, với Lào và Cam-pu-chia, tranh thủ mở rộng quan hệ hợp tác với các nước khác.

Những tư tưởng chỉ đạo trên đây phải được thể hiện ngay trong kế hoạch kinh tế, xã hội năm 1988, năm có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc thực hiện những nhiệm vụ của ba năm 1988 — 1990 nhằm tạo được sự chuyển biến mạnh trên các mặt:

— Đạt sản lượng lương thực 19 triệu tấn, tăng giá trị sản lượng công nghiệp hàng tiêu dùng 12,5% và kim ngạch xuất khẩu 17,6% so với năm 1987 nhằm giải quyết tốt hơn vấn đề lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Triển khai có hiệu quả các chương trình hợp tác kinh tế với Liên xô và mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại.

— Chuyển các hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, bảo đảm sản xuất, kinh doanh có năng suất, chất lượng, hiệu quả. Phát huy những khả năng tích cực của các thành phần kinh tế trong sản xuất, dịch vụ, gắn với sắp xếp và tổ chức lại nền kinh tế, tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa và tăng cường quản lý thị trường. Đổi mới chính sách phân phối lưu thông nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển, kinh doanh có hiệu quả và giảm bớt khó khăn về đời sống cho người lao động. Trên cơ sở đó, từng bước đi tới ổn định giá cả, hạn chế bội chi ngân sách, hạn chế phát hành tiền mặt cho chi ngân sách và tín dụng.

— *Đẩy mạnh các hoạt động khoa học — kỹ thuật và đưa kỹ thuật tiên bộ vào sản xuất, kinh doanh.*

— *Giải quyết một số vấn đề cấp bách về giáo dục, y tế và văn hóa.*

— *Sắp xếp lại một bước bộ máy đảng, nhà nước và các đoàn thể quần chúng từ Trung ương đến các cơ sở, nâng cao hiệu lực của bộ máy, thu gọn cơ quan quản lý nhà nước, giảm mạnh cấp trung gian và tinh giản biên chế hành chính. Chấn chỉnh gấp các tổ chức sản xuất, kinh doanh, lựa chọn sắp xếp cán bộ có năng lực và phẩm chất ở những vị trí cần thiết.*

— *Gắn việc giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội với tiến hành cuộc vận động lớn làm trong sạch Đảng, trong sạch bộ máy nhà nước và lãnh mạnh hóa các quan hệ xã hội, mở rộng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, tạo ra phong trào cách mạng của các tầng lớp nhân dân, thiết lập trật tự, kỷ cương trong hoạt động kinh tế, xã hội.*

Làm đúng và thực hiện tốt những tư tưởng chỉ đạo nói trên theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ tư (khóa VI) trong kế hoạch kinh tế quốc dân cả nước cũng như trong các kế hoạch cụ thể của từng ngành, từng cấp, từng đơn vị cơ sở là những điều kiện thực tế đề án định một bước quan trọng hình thành kinh tế, xã hội, từ đó khôi phục lòng tin, lãnh mạnh hóa các sinh hoạt xã hội, tạo tiền đề thuận lợi đi lên một cách vững chắc.



Đẩy mạnh thực hiện «chương trình tổng hợp tiến bộ khoa học kỹ thuật đến năm 2000»

ĐẶNG HỮU *

Sự phát triển của lực lượng sản xuất trong giai đoạn mới của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật được quyết định bởi các xu thế và khả năng của những công nghệ mới về nguyên tắc. Người ta gọi giai đoạn mới này là cuộc cách mạng về công nghệ, hay cách mạng khoa học - sản xuất. Nó đang và sẽ gây nên những biến chuyển sâu sắc về cơ cấu. Với những thành tựu kỹ thuật về điện tử và tin học, tự động hóa linh hoạt, kỹ thuật la de, sợi dẫn quang, các công nghệ mới và vật liệu mới, kỹ thuật gen... sự cải tổ cơ cấu trên thực tế đã động chạm đến một phạm vi lớn các ngành và phân ngành kinh tế, cách mạng hóa những phương tiện, phương pháp, đối tượng lao động, làm nảy sinh những yêu cầu mới về tổ chức sản xuất, về cơ giới hóa và tự động hóa sản xuất, về chất lượng sản phẩm, về mức độ và hình thức thu hút sản xuất vào phân công và hợp tác lao động trên quy mô quốc gia và nhất là quy mô khu vực và quốc tế. Cuối cùng, nó đặt ra những yêu cầu mới về trình độ văn hóa chuyên môn và nghiệp vụ đối với người lao động.

Bản chất của cuộc cách mạng công nghệ đang diễn ra là ở chỗ đổi mới và hoàn thiện bộ máy sản xuất hiện hành trên cơ sở những phương tiện kỹ thuật và công nghệ mới hần về

nguyên tắc, thay thế hàng loạt và hiện đại hóa các thiết bị đã lạc hậu.

Trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa thế giới, sự tác động của cuộc cách mạng công nghệ đã làm thay đổi mạnh mẽ cấu trúc của các trung tâm của chủ nghĩa đế quốc, khiến cho sự cạnh tranh và mâu thuẫn giữa chúng càng thêm gay gắt. Mỗi trung tâm này đều muốn bứt lên phía trước, theo các hướng công nghệ có triển vọng nhất, đầu tư nhiều vào các lĩnh vực có hàm lượng khoa học kỹ thuật cao nhằm chiếm lĩnh những thị trường chủ yếu và khu vực đầu tư vốn, chen ép những kẻ cạnh tranh với họ. Đồng thời, sự cải tổ cơ cấu động chạm khá mạnh đến khu vực ngoại vi của chủ nghĩa tư bản, trước hết là tại các nước đang phát triển mới xây dựng công nghiệp, nơi đang được chuyển giao đi vào những ngành sản xuất sử dụng nhiều năng lượng, vật liệu và lao động, cũng như các ngành sản xuất gây ô nhiễm môi trường dưới dạng những khu vực đầu tư tự do.

Chủ nghĩa đế quốc hiện nay, mà trước hết là đế quốc Mỹ, tính rằng, giai đoạn mới của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật và liên quan với nó là sự cải tổ cơ cấu sẽ cho phép chúng trung hòa bớt sức phá hoại của

* Giáo sư

các cuộc khủng hoảng kinh tế có tính chu kỳ, phục hồi tính năng động của những năm năm, mười và sáu mươi, củng cố địa vị của chúng đối với các nước đang phát triển và nhất là trong cuộc độ sức và đối đầu với chủ nghĩa xã hội.

Điều nguy hiểm nhất là Mỹ và các đồng minh của chúng sử dụng sự thách thức công nghệ như một thành phần chủ yếu của cuộc chạy đua vũ trang hoàn toàn mới về chất, đưa cuộc chạy đua vũ trang vào khoảng không vũ trụ. Hiện nay chúng đang ráo riết thực hiện chương trình SDI. Giới cầm quyền Mỹ hòng dựa vào khả năng công nghệ không nhỏ của mình để đồng thời làm thay đổi so sánh lực lượng giữa hai hệ thống về phía có lợi cho chúng và giữa Mỹ với hai trung tâm để quốc chủ nghĩa khác đang cạnh tranh với chúng là Tây Âu và Nhật bản, cũng như để củng cố vị trí của chúng trong thế giới thứ ba, trước hết là bằng các phương pháp « chủ nghĩa thực dân mới về công nghệ ». Để vượt lên hàng đầu trong cuộc chạy đua về công nghệ, các nước Tây Âu đã tập hợp lực lượng để triển khai chương trình O-rê-ka, còn Nhật bản thì thực hiện chính sách kỹ thuật độc đáo của mình.

Các nước để quốc tính toán rằng, khi bị tách biệt khỏi thị trường công nghệ quốc tế, thì Liên xô và cả cộng đồng xã hội chủ nghĩa sẽ không còn đủ sức độ với phương Tây cả trong cuộc chạy đua vũ trang và trong việc cải tổ cơ cấu nền kinh tế tương ứng với những yêu cầu mới trong cách mạng khoa học - kỹ thuật. Chúng cho rằng hạn chế trao đổi kỹ thuật giữa các đồng minh của Mỹ và các nước xã hội chủ nghĩa sẽ làm yếu đi vị trí của các nước này trên thị trường thế giới về phía có lợi cho Mỹ.

Trong bối cảnh như vậy, các nước xã hội chủ nghĩa thực hiện chiến lược chuyển nền kinh tế sang phát triển

theo chiều sâu trên cơ sở đầy nhanh tiến bộ khoa học - kỹ thuật. Liên xô coi đây nhanh tiến bộ khoa học - kỹ thuật là phương hướng chủ yếu trong chiến lược kinh tế của mình, là đòn bẩy cơ bản để phát triển kinh tế quốc dân theo chiều sâu, nâng cao hiệu quả của nó và như thế có nghĩa là đòn bẩy giải quyết những vấn đề xã hội quan trọng nhất.

Đường lối chung, đặc trưng cho chiến lược kinh tế của đại đa số các nước xã hội chủ nghĩa là tăng cường sử dụng rộng rãi và có hiệu quả các thành tựu mới nhất của cách mạng khoa học-kỹ thuật. Cộng đồng xã hội chủ nghĩa có cơ sở vật chất kỹ thuật và trí tuệ cần thiết, chiếm khoảng 1/3 tiềm lực khoa học, kỹ thuật và nền công nghiệp của thế giới, bao gồm cả ngành chế tạo máy, chiếm 2/5 tổng số sáng chế được tạo ra trên thế giới, có mạng lưới các cơ quan nghiên cứu khoa học và thiết kế chế tạo, các tổ chức khoa học-sản xuất, tích lũy được không ít kinh nghiệm giải quyết những vấn đề khoa học và kỹ thuật phức tạp mới nảy sinh. Chính chủ nghĩa xã hội giải phóng được những sự hạn chế về mặt kinh tế và xã hội trên con đường giải quyết những vấn đề tiến bộ khoa học, kỹ thuật phục vụ lợi ích chung của toàn xã hội. Tuy nhiên, như báo chí các nước xã hội chủ nghĩa nhiều lần nêu, tiến bộ khoa học kỹ thuật và khả năng của nó hiện chưa được sử dụng rộng rãi và có hiệu quả trong hàng loạt hoạt động sản xuất và phi sản xuất, điều này làm chậm quá trình chuyển nền kinh tế sang giai đoạn phát triển mạnh hơn, làm cho những tiềm năng không được dùng hết. Nguyên nhân chủ yếu là không có sự chuẩn bị đầy đủ trong cơ chế kinh tế để sử dụng kịp thời và đầy đủ khả năng khoa học, kỹ thuật hiện đại, là nguồn khuyến khích chủ yếu chỉ tập trung vào việc đạt các chỉ tiêu về số lượng, còn về chất lượng, hiệu quả thì chưa chú ý lắm. Để vượt

qua trở ngại này, tạo cho chủ nghĩa xã hội những sự khuyến khích thật sự vốn có trước những biến đổi kịp thời về chất trên cơ sở sử dụng có hiệu quả các thành tựu của khoa học, kỹ thuật, thì nhiệm vụ quan trọng nhất là hoàn thiện cơ chế kinh tế, nâng quan hệ sản xuất lên cho phù hợp với trình độ lực lượng sản xuất hiện đại trong giai đoạn cách mạng khoa học - kỹ thuật hiện nay. Nhiệm vụ lịch sử trọng đại đang đặt ra trước các đảng cộng sản của các nước anh em là: gắn chặt các thành tựu của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật với tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội.

Mọi người đều biết rõ, đối với một số nước xã hội chủ nghĩa, nhiệm vụ trên không thể nào thực hiện được nếu không có sự hợp tác rộng rãi và có hiệu quả trong khuôn khổ của cộng đồng xã hội chủ nghĩa, nếu thiếu một cơ chế tác động qua lại ổn định, và trong điều kiện hiện nay, nếu thiếu một chiến lược thỏa thuận về kinh tế - xã hội và khoa học kỹ thuật cho những năm trước mắt và cho tương lai xa hơn. Phát triển kinh tế theo chiều sâu trên cơ sở tiến bộ khoa học - kỹ thuật là nhân tố chủ yếu nhất quyết định sự phát triển của đất nước và của cả cộng đồng, cho nên sự hợp tác về khoa học kỹ thuật và sự liên kết có hiệu quả trong khâu này đang trở thành cơ sở của sự liên kết hóa xã hội chủ nghĩa nói chung, trở thành cơ sở ban đầu của toàn bộ chiến lược thỏa thuận của các nước anh em.

Khi nói đến vai trò đi đầu của hợp tác khoa học kỹ thuật chúng ta hiểu không chỉ là hợp tác trong nghiên cứu, cùng nhau thực hiện các công việc, trao đổi các kết quả khoa học kỹ thuật, sau đó đưa vào sử dụng trong nước, mà chủ yếu là hợp tác một cách tổng hợp trong lĩnh vực tiến bộ khoa học kỹ thuật, xác định một cách rõ rệt các mục tiêu và những phương tiện để cùng nhau thực hiện liên tục

theo một chu trình khép kín « khoa học - kỹ thuật - sản xuất » nhằm sản xuất đúng thời điểm các sản phẩm cần thiết với số lượng và chất lượng đạt và vượt trình độ thế giới. Cần bảo đảm sự hợp tác khoa học kỹ thuật gắn liền với các lĩnh vực hợp tác khác. Không thể xem xét sự liên kết kinh tế của các nước thành viên Hội đồng tương trợ kinh tế tách rời khỏi sự hợp tác khoa học kỹ thuật của các nước đó. Hợp tác kinh tế và thương mại thường là sự kế tiếp của hợp tác khoa học và kỹ thuật.

Yếu tố hết sức quan trọng để nâng cao hiệu quả của hợp tác khoa học kỹ thuật và kinh tế là điều kiện tiếp nhận các tiến bộ khoa học - kỹ thuật của mỗi nước. Nếu như trong từng nước không giải quyết tốt vấn đề này, không chuẩn bị tốt các điều kiện cần thiết về kinh tế và khoa học kỹ thuật, nhất là việc nghiên cứu, triển khai trong nước thì việc nhập, tiếp nhận các tiến bộ khoa học kỹ thuật từ ngoài vào sẽ không có hiệu quả.



Chương trình tổng hợp tiến bộ khoa học kỹ thuật đến năm 2000 được ký kết tháng 12-1985 tại khóa họp lần thứ 41 (đặc biệt) của Hội đồng tương trợ kinh tế đánh dấu bước phát triển mới trong hợp tác kinh tế, khoa học kỹ thuật giữa các nước thành viên Hội đồng tương trợ kinh tế. Theo chương trình này các nước đã thỏa thuận phối hợp chặt chẽ, đồng bộ các hoạt động nhằm tạo ra và sử dụng các kỹ thuật và công nghệ mới về nguyên tắc theo 5 hướng ưu tiên:

- Điện tử hóa nền kinh tế quốc dân
- Tự động hóa đồng bộ
- Năng lượng nguyên tử
- Những vật liệu mới và công nghệ gia công chúng
- Công nghệ sinh học.

Theo hướng ưu tiên về điện tử hóa nền kinh tế quốc dân, mục tiêu cơ bản của sự hợp tác là bảo đảm rộng rãi cho các lĩnh vực sản xuất và đời sống những phương tiện tính toán tiến bộ nhất, cơ sở để nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu, đẩy nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật, cải tổ về chất các lĩnh vực phi sản xuất. Để thực hiện mục tiêu ấy, cần chế tạo các máy tính cực mạnh thế hệ mới, có tốc độ trên mười tỷ phép tính/giây, có sử dụng nguyên tắc trí tuệ nhân tạo, phát triển mạnh các loại máy tính cá nhân công suất lớn, tốc độ cao, các phương tiện liên lạc bằng sợi dẫn quang, các hệ thống thông tin liên lạc và truyền hình, truyền thanh chất lượng cao, các phương tiện tự động hóa kiểm tra đo lường trong sản xuất, trong nghiên cứu khoa học... Dự kiến sẽ nâng cao đáng kể năng suất lao động trong mọi lĩnh vực, giảm 2 lần suất tiêu hao năng lượng, nguyên liệu trên một đơn vị sản phẩm, bảo đảm tiết kiệm vốn đầu tư cho sản xuất, giảm chi phí sản xuất.

Theo hướng tự động hóa, mục tiêu của sự hợp tác là: đưa vào ứng dụng rộng rãi trong sản xuất các hệ tự động hóa linh hoạt, các dây chuyền, băng tải rô to, người máy công nghiệp, các phương tiện tự động kiểm tra quy trình công nghệ và thiết bị công nghệ, các công nghệ sản xuất thiết bị siêu chính xác, các hệ tự động hóa thiết kế, nghiên cứu khoa học, tự động quản lý sản xuất... nhằm giảm khoảng 1,5 lần chi phí thiết kế và chế tạo sản phẩm, Bảo đảm chất lượng cao và tính thay thế lẫn nhau các tổ máy và mô đun chế tạo tại các nước thành viên Hội đồng tương trợ kinh tế. Giảm 2 lần mức tiêu hao lao động trong một đơn vị sản phẩm. Tăng năng suất lao động ít nhất 4 lần trong công tác năng chuyên, bốc xếp và kho tàng, giảm 1,5 - 2 lần thời gian chuẩn bị công nghệ cho sản xuất.

Tự động hóa đồng bộ sẽ có ảnh hưởng sâu sắc tới mọi lĩnh vực hoạt động của xã hội, tăng năng suất lao động một cách đáng kể trong các ngành cơ sở của nền kinh tế quốc dân.

Hợp tác trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử là nhằm đòi hỏi sâu sắc về chất ngành năng lượng của các nước thành viên, nâng cao hiệu quả và độ tin cậy của việc cung cấp điện, giảm sử dụng nhiên liệu hữu cơ, cải tiến việc cung cấp nhiệt cho các thành phố, bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý năng lượng ở các nước thành viên, tạo những tiền đề quan trọng để xây dựng một nguồn năng lượng hầu như vô tận trên cơ sở phản ứng nhiệt hạch điều khiển được.

Mục tiêu cơ bản của sự hợp tác trong lĩnh vực vật liệu mới là áp dụng rộng rãi trong nền kinh tế quốc dân các loại vật liệu hoàn toàn mới, có những đặc tính ưu việt hơn các vật liệu truyền thống như độ chịu mài mòn, chịu nhiệt, chịu axit, chịu phóng xạ v.v. cũng như tạo ra các công nghệ sản xuất và gia công chúng, phát triển những công nghệ sản xuất tiêu hao ít nhất năng lượng, nguyên liệu, vật liệu. Theo hướng này sẽ sử dụng rộng rãi các vật liệu tổ hợp (còn pô sit) và gốm có độ bền cao, chịu mòn, chịu nhiệt trong kỹ thuật điện, điện tử, luyện kim, hóa chất, nhất là trong chế tạo động cơ đốt trong, tuyền bin khí, chế tạo và sử dụng các chất dẻo mới thay thế các vật liệu thiên nhiên, các kim loại và hợp kim quý hiếm, cải tiến đáng kể chất lượng và nâng cao tuổi thọ máy móc, thiết bị. Sử dụng phương pháp luyện kim bột để tạo ra những vật liệu chịu mòn, chịu nhiệt độ cao. Chế tạo những vật liệu bán dẫn mới dùng cho vi điện tử, sử dụng công nghệ plat ma, chân không, áp suất cao, gây nổ, tạo các vật liệu siêu cứng, sử dụng la de công nghệ trong gia công cơ khí... sẽ nâng cao một cách cơ bản

trình độ kỹ thuật và công nghệ trong các ngành cơ khí luyện kim, điện tử, hóa chất, hạ giá thành sản phẩm.

• Mục tiêu của việc phát triển nhanh công nghệ sinh học là làm tăng đáng kể các nguồn lương thực, thực phẩm, phòng và chữa các bệnh hiểm nghèo, cải thiện việc bảo đảm nguyên liệu cho nền kinh tế quốc dân, phát triển sản xuất không phế liệu, sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường thiên nhiên. Để thực hiện mục tiêu ấy, phải tạo ra và sử dụng rộng rãi các giống cây, con mới có năng suất cao, chịu được các yếu tố không thuận lợi (thu được bằng phương pháp công nghệ gen và tế bào), tạo ra và sử dụng rộng rãi các loại phân vi sinh, các phương tiện vi sinh để bảo vệ thực vật, các chất kích thích, điều tiết sinh trưởng cây trồng, những hoạt chất sinh học và các chế phẩm mới dùng trong y học (in tec phê rôn, in xu lin, hooc môn tăng trưởng) để chẩn đoán sớm và điều trị những bệnh hiểm nghèo, những phụ gia thức ăn gia súc có giá trị cao, những phương pháp công nghệ sinh học mới trong công nghiệp chế biến thực phẩm, hóa chất, xử lý, chế biến các phế liệu nông nghiệp và công nghiệp, tạo nguồn bổ sung năng lượng và phân bón.

Thực hiện chương trình tổng hợp tiến bộ khoa học kỹ thuật, các nước thành viên Hội đồng tương trợ kinh tế sẽ đẩy nhanh tiến bộ kinh tế - xã hội, nâng cao mức sống và chất lượng cuộc sống của nhân dân, trong đó có việc cải thiện văn hóa, giáo dục và y tế, thỏa mãn đầy đủ hơn những nhu cầu của nhân dân.

Chương trình tổng hợp tiến bộ khoa học kỹ thuật sẽ góp phần đẩy nhanh quá trình đi đến sự đồng đều về trình độ phát triển kinh tế các nước thành viên Hội đồng tương trợ kinh tế, nâng cao hiệu quả giúp đỡ về khoa học, kỹ thuật và kinh tế của các nước thành viên châu Âu đối với Việt nam, Cu-ba và Mông cổ.

Các nước thành viên Hội đồng tương trợ kinh tế coi việc cùng nhau thực hiện triệt để chương trình tổng hợp tiến bộ khoa học kỹ thuật là một nhiệm vụ kinh tế và chính trị cực kỳ quan trọng.

Hai năm qua, sau khi chương trình được thông qua, công tác tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu của chương trình được khẩn trương triển khai. Khóa họp lần thứ 42 (năm 1986) Hội đồng tương trợ kinh tế đã có Nghị quyết đặc biệt về đẩy mạnh việc thực hiện chương trình tổng hợp tiến bộ khoa học kỹ thuật. Khóa họp lần thứ 43 (1987) cũng đề cao biện pháp đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện chương trình tổng hợp.

Tuy có những lúng túng bước đầu về cơ chế hợp tác, về việc tiến hành các thủ tục cụ thể v.v. nhìn chung giai đoạn tổ chức về cơ bản đã kết thúc và chương trình đang được thực hiện một cách khẩn trương và có kết quả. Trong năm 1986 đã chuyển giao cho sản xuất trên 400 kết quả nghiên cứu thuộc 30% các vấn đề của chương trình tổng hợp. Dự kiến năm 1987 chắc chắn có hàng nghìn các kết quả chuyển giao cho sản xuất và hàng trăm sản phẩm mới đạt trình độ khoa học kỹ thuật tiên tiến nhất thế giới.

Nước ta đang ở một trình độ rất thấp so với các nước thành viên khác của Hội đồng tương trợ kinh tế. Thu nhập quốc dân sản xuất tính theo đầu người chỉ bằng 4% so với các nước thành viên châu Âu, riêng sản xuất công nghiệp chỉ bằng 2%. Tiềm lực khoa học, kỹ thuật non yếu. Trình độ kỹ thuật trong sản xuất thấp kém. Nhưng không phải vì thế mà chương trình tổng hợp tiến bộ khoa học kỹ thuật ít có ý nghĩa đối với chúng ta. Trái lại, tham gia chương trình này là điều kiện cần thiết để có thể phát triển nhanh khoa học kỹ thuật và kinh tế, xã hội của nước ta, để có thể rút ngắn khoảng cách về trình độ

phát triển giữa nước ta và các nước thành viên khác. Vấn đề đặt ra là chọn lựa đúng đắn những mục tiêu và nội dung tham gia thực hiện chương trình này.

Xuất phát từ điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội nước ta, từ yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội trong giai đoạn tới, trên cơ sở những kết quả của các chương trình tiến bộ khoa học kỹ thuật nhà nước, cũng như công tác dự báo và nghiên cứu chiến lược phát triển khoa học kỹ thuật tiến hành trong mấy năm qua, nước ta đã lựa chọn mục tiêu và những nội dung đề tham gia chương trình tổng hợp. Chương trình này một mặt giúp ta vận dụng những thành tựu mới của khoa học và kỹ thuật để phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội những năm trước mắt, nhất là ba chương trình kinh tế lớn, mặt khác tạo điều kiện cho ta lựa chọn nắm bắt và phát triển một số lĩnh vực khoa học-kỹ thuật có triển vọng nhất đối với sự phát triển nhanh kinh tế, xã hội của nước ta trong những năm cuối thế kỷ này. Chương trình này sẽ thúc đẩy phát triển nhanh sự phân công lao động quốc tế và liên kết kinh tế giữa nước ta với các nước thành viên khác của Hội đồng tương trợ kinh tế, phát huy được tiềm năng, thế mạnh của ta trong sự phân công liên kết ấy.

Công nghệ sinh học là hướng ưu tiên cần được quan tâm hơn cả. Chúng ta đang tham gia nhiều đề tài theo hướng này. Với các phương pháp công nghệ gen, công nghệ tế bào, công nghệ vi sinh, chúng ta có thể tạo và nhân nhanh các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, chất lượng tốt, có khả năng chống chịu tốt trong các điều kiện sinh thái khác nhau; tăng nguồn phân bón, thức ăn gia súc, tăng khả năng bảo vệ thực vật, bảo quản, chế biến lương thực, thực phẩm; sản xuất nhiều thuốc kháng sinh, các

vắc xin và nhiều loại được phẩm khác; tạo thêm nhiều nguồn thức ăn giàu dinh dưỡng cho người; xử lý tốt phế thải nông nghiệp và công nghệ, làm sạch môi trường, tạo thêm nguồn năng lượng từ sinh khối v.v. Phát triển nhanh công nghệ sinh học ở nước ta sẽ cho phép khai thác có hiệu quả tiềm năng tài nguyên thiên nhiên nhiệt đới phong phú, nâng cao đáng kể năng suất và sản lượng lương thực và thực phẩm, giảm tiêu hao và sử dụng có hiệu quả hơn lương thực và thực phẩm, tạo nhiều nguyên liệu cho công nghiệp, phát triển hàng tiêu dùng và xuất khẩu, nâng cao sức khỏe của nhân dân, đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng.

Chúng ta cũng quan tâm nhiều đến phát triển điện tử và tin học. Tuy còn ở trình độ rất thấp nhưng chúng ta rất cần và có khả năng phát triển một số lĩnh vực khoa học kỹ thuật thuộc hướng mũi nhọn này. Trên cơ sở những thành tựu nghiên cứu triển khai đã đạt và đội ngũ cán bộ đã có, cần đưa nhanh những thành tựu mới nhất của kỹ thuật tin học vào các lĩnh vực sản xuất và đời sống xã hội, bảo đảm tiết kiệm vật tư, năng lượng, lao động, nâng cao hiệu lực của hệ thống quản lý, nâng cao hiệu quả, chất lượng của sản xuất. Với nguồn lao động dồi dào (cả lao động có kỹ thuật), chúng ta có thể tham gia hợp tác trong nghiên cứu, thiết kế sản xuất, lắp ráp một số linh kiện, thiết bị điện tử, phương tiện kỹ thuật tính toán, phương tiện thông tin liên lạc, Chang hạn máy tính cá nhân, máy tính mini, tổng đài điện tử tự động, thiết bị điện tử chuyên dụng, ra đi ô, ti vi, cát sét và những mặt hàng mà từ nghiên cứu, thiết kế đến sản xuất còn đòi hỏi nhiều nhân lực. Đặc biệt quan tâm đến phát triển phần mềm của kỹ thuật tính toán.

Chúng ta cũng tham gia nhiều đề tài theo hướng vật liệu mới, nhằm đưa

kỹ thuật và công nghệ mới vào sản xuất, tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng, nâng cao trình độ chế tạo máy móc, thiết bị, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn tài nguyên... Tập trung vào các đề tài có liên quan tới thể mạnh về tài nguyên của ta (đất hiếm, bô xít, thạch anh, ti tan, dầu khí, các nguyên liệu từ thực vật...), chúng ta có thể hợp tác nghiên cứu và sản xuất cung cấp cho các nước thành viên Hội đồng tương trợ kinh tế một số sản phẩm có giá trị.

Tham gia nghiên cứu và áp dụng một số đề tài về tự động hóa, chúng ta có điều kiện để khai thác tốt hơn, có hiệu quả hơn các hệ thống tự động đang có ở nhiều nhà máy của ta, đồng thời đưa kỹ thuật tự động hóa (tự động điều khiển, tự động đo lường, kiểm tra, phân tích xử lý...) vào các dây chuyền sản xuất, các thiết bị máy móc nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng và độ tin cậy của chúng. Chúng ta cũng tham gia hợp tác, nghiên cứu sản xuất các linh kiện, phụ tùng trong các hệ thống tự động hóa, trong việc xây dựng các hệ tự động hóa thiết kế, nghiên cứu khoa học.

Trong lĩnh vực sử dụng kỹ thuật hạt nhân vào sản xuất và đời sống, chúng ta cũng tham gia một số ít đề tài theo hướng phát triển năng lượng nguyên tử.

Khoảng một trăm đề tài thuộc năm hướng ưu tiên đã được thỏa thuận với các nước. Tuy lúng túng, chậm chạp lúc đầu, đến nay phần lớn các hiệp định, hợp đồng, giao kèo đã thực hiện các đề tài ấy đã được ký kết và đang được triển khai. Một số sản phẩm nghiên cứu đã đưa sang các nước thành viên để khảo nghiệm, đánh giá, nhiều sản phẩm được kết luận là đạt chất lượng tốt.

Các đề tài ta tham gia vào chương trình tổng hợp Hội đồng tương trợ

kinh tế được tổ chức gắn chặt với các chương trình tiến bộ khoa học kỹ thuật trọng điểm cấp nhà nước, thành một hệ thống thống nhất. Kinh phí chủ yếu do ngân sách nhà nước cấp, có một phần được huy động từ cơ sở sản xuất (những cơ sở áp dụng). Có hàng trăm cơ quan khoa học và cơ sở sản xuất, với một lực lượng khá đông cán bộ khoa học kỹ thuật tham gia thực hiện các đề tài này, tập trung trước hết vào các đề tài hợp tác từ nghiên cứu đến chuyên môn hóa sản xuất và trao đổi sản phẩm với các nước thành viên và các đề tài để đi tới nắm vững công nghệ mới, áp dụng vào sản xuất ở ta trong những năm trước mắt (mà phần lớn là những đề tài ta đã có nghiên cứu và làm thử ở chừng mực nhất định và thấy có nhiều triển vọng). Những đề tài còn lại là những đề tài giúp ta tiếp cận với những thành tựu khoa học kỹ thuật mới nhất và có triển vọng đối với ta trong những năm sau, chuẩn bị cho bước phát triển mạnh hơn về kinh tế và khoa học, kỹ thuật.

Trong việc thực hiện chương trình tổng hợp, Hội đồng tương trợ kinh tế đã thỏa thuận những điều kiện ưu đãi đối với Việt nam (và Cu-ba, Mông cổ) theo tinh thần đầy nhanh quá trình dần dần tạo được độ đồng đều và phát triển kinh tế, khoa học, kỹ thuật của các nước thành viên và trước hết là nâng nhanh trình độ của Việt nam (và Cu-ba, Mông cổ) lên ngang với trình độ các nước thành viên châu Âu của Hội đồng tương trợ kinh tế bằng cách giúp chúng ta đi thẳng vào một số lĩnh vực mũi nhọn, tiên tiến nhất, có tác động mạnh đối với sự phát triển kinh tế, xã hội của nước ta. Tham gia chủ động, tích cực vào việc thực hiện chương trình tổng hợp là điều kiện thiết yếu để rút ngắn khoảng cách giữa nước ta với các nước phát triển, vì vậy đó là nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội đặc biệt quan trọng của chúng ta.

Tiết kiệm—một quốc sách lớn

NGUYỄN KHIÊM *



IẾT kiệm lao động sống cũng như lao động quá khứ là một nhân tố của việc phát triển theo chiều sâu, là quy luật của sản xuất—luôn luôn gắn liền với quy luật tiết kiệm. « Việc tiết kiệm thời gian cũng như việc phân phối một cách có kế hoạch thời gian lao động trong các ngành sản xuất khác nhau, vẫn là quy luật kinh tế số một, trên cơ sở sản xuất tập thể » (1).

Trong những năm gần đây, tiết kiệm đã trở thành quốc sách của các nước xã hội chủ nghĩa kể cả các nước có trình độ phát triển cao. Một trong những mục tiêu của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật là nhằm tiết kiệm nguyên liệu, vật tư, tăng năng suất lao động. Người ta tính rằng, trong vài chục năm qua, khối lượng nguyên liệu, vật liệu và năng lượng của thế giới tiêu dùng bằng mức tiêu dùng của toàn bộ lịch sử loài người trước đó. Nguồn tài nguyên của các nước chỉ có hạn; điều kiện khai thác ngày càng khó khăn hơn; nhưng nhu cầu tiêu dùng tăng lên cực kỳ nhanh chóng. Vì vậy, yêu cầu đặt ra là một mặt phải sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả nhất nguyên liệu, vật liệu và năng lượng; mặt khác sử dụng hợp lý các phế liệu và tìm các nguyên, vật liệu thay thế. Việc thu hồi và tái chế các phế liệu đang là nhiệm vụ thường xuyên và ngày càng được quan tâm ở các nước xã hội chủ nghĩa phát triển như: Tiệp Khắc, CHDC Đức...

Chẳng hạn, theo UBKHNN Tiệp Khắc, trong 1 năm có thể thu nhặt được từ phế liệu: hơn 60 000 tấn thiếc, hơn 12 000 tấn kẽm; 392 000 tấn giấy, 42 000 tấn thép và hàng vạn tấn cao su, thủy tinh, sợi bông... Liên xô là một nước có nguồn tài nguyên phong phú, với trữ lượng lớn lao; song vẫn đề chống lãng phí trong nền kinh tế quốc dân, sử dụng tiết kiệm nguyên, vật liệu, năng lượng đã trở thành một chính sách có tính chất chiến dịch rộng rãi, dài hạn của xã hội. Tiết kiệm cũng đã trở thành một chính sách lớn của Đảng và Nhà nước Cu-ba. Từ tháng 1/1987 Cu-ba đã thực hiện 30 biện pháp tiết kiệm cả trong sản xuất lẫn trong tiêu dùng. Các nước tư bản chủ nghĩa phát triển (Mỹ, Nhật bản, Tây Đức) cũng đã áp dụng các chính sách kinh tế nhằm sử dụng một cách tiết kiệm và có hiệu quả các nguồn tài nguyên, đồng thời bằng các biện pháp kỹ thuật để tái chế và sử dụng triệt để các phế liệu.

Như vậy, tiết kiệm là một yêu cầu khách quan của mọi nền kinh tế, kể cả các nước phát triển. Nước ta, vốn là một nước nghèo các nguồn nguyên, nhiên, vật liệu nhưng việc quản lý sử dụng đang có nhiều lãng phí nghiêm trọng.

* Phó tiến sĩ kinh tế học.

(1) C. Mác—V. I. Lê-nin: *Bản về tiết kiệm và tăng năng suất lao động*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1971, tr. 22.

Sự lãng phí ở nước ta biểu hiện trên các mặt sau đây:

+ Trong xây dựng cơ bản:

— Số công trình xây dựng dở dang quá nhiều. Thời kỳ 1976 — 1980 chúng ta đã cùng một lúc khởi công hàng nghìn công trình lớn nhỏ và kéo dài đến 1981-1985, một số công trình phải đình hoãn việc thi công và chủ yếu xây dựng tiếp các công trình còn lại. Do xây dựng không đồng bộ, thiếu luận chứng kinh tế — kỹ thuật đầy đủ nên thời gian xây dựng các công trình đều kéo dài 3—4 năm so với dự kiến ban đầu, có công trình kéo dài hàng chục năm vẫn chưa đưa vào sử dụng, dẫn đến hậu quả làm ứ đọng vốn, vật tư, nguyên liệu gây tổn kém nhiều cho công quỹ.

— Trong khâu thi công, xây lắp, nguyên, vật liệu bị lãng phí nhiều nhất. Theo điều tra ở một số công trình xây dựng cơ bản, tổn thất do thay đổi chủ trương đầu tư địa điểm xây dựng, do thay đổi thiết kế kỹ thuật và biện pháp thi công, do việc quản lý vật tư còn nhiều sơ hở để lãng phí mất mát vật liệu, thiết bị... chiếm tới 30% tổng số vốn, ảnh hưởng đến tiến độ thi công và chất lượng công trình.

— Sơ bộ tính toán đến nay đã có tới vài chục công trình không được đưa vào sử dụng; hàng trăm công trình hoàn thành xây dựng cơ bản nhưng chỉ hoạt động 20—30% công suất. Tình trạng này gây thiệt hại cho nền kinh tế hàng chục tỉ đồng.

+ Lãng phí trong việc sử dụng vật tư năng lượng

Ai cũng biết hiện nay nhiều cơ sở phải ngừng sản xuất vì thiếu điện; thế nhưng tình trạng lãng phí điện năng đang ở mức báo động (tổn thất do chuyển tải khoảng 18%, do tiêu dùng 10%...) Theo tính toán, chỉ cần giảm 1% số tổn thất này, sẽ có thêm gần 15 triệu kW/h điện để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng cấp thiết.

Việc sử dụng vật tư không theo đúng định mức. Rất nhiều vật tư không được cân, đo, đong, đếm cần thận cho nên mức tiêu hao thực tế nói chung cao hơn nhiều so với định mức của Nhà nước. Việc quản lý vật tư rất lỏng lẻo, hệ thống kho tàng, bến bãi không được củng cố; dẫn đến hao hụt rất mất mát khá nhiều. Theo báo cáo của các ngành chủ quản, so với tổng số cung ứng thì: tổng khối lượng vật tư hao hụt bình quân là 15% trong đó ngành than 10—15%, phân bón, thuốc trừ sâu 10% gang 10—20%, thép 20%. Ngành điện từ 1982—1984 để mất 312081 tấn than. Ngành lâm nghiệp mỗi năm hao hụt 20 000m³ gỗ. Ở nhiều nơi, các thiết bị đồng bộ bị mất chỉ tiết, phụ tùng, chỉ riêng cảng Hải phòng có hàng nghìn tấn sắt thép, thiết bị vô chủ đang bị dãi nắng, phơi mưa, nhiều xe, máy do sử dụng không đúng quy trình quy phạm gây ra hư hỏng, giảm cấp nhanh.

+ Lãng phí trong tiêu dùng, và trong chi tiêu ngoại tệ:

Trong lúc đất nước còn nghèo, sản phẩm lâm và tư trong nước còn thiếu thốn, chất lượng chưa cao thì chính sách tiêu dùng phải quản triệt tinh thần tiết kiệm triệt để. Trong thực tế, hiện tượng ăn uống, chè chén đang là tệ nạn phổ biến ở các xí nghiệp, cơ quan. Chẳng hạn, chỉ trong 6 tháng đầu năm 1987, 6 khách sạn thuộc Công ty khách sạn du lịch Hà nội đã phục vụ 166 bữa tiệc hội nghị của các ngành ở trung ương và Hà nội, chi phí hết 13 triệu đồng! chưa tính các bữa tiệc tại cơ quan, xí nghiệp hoặc cửa hàng tư nhân. Ở cơ sở sản xuất, các khoản này thường đưa vào chi phí sản xuất, đó là một trong những nguyên nhân làm cho giá thành sản phẩm tăng nhanh. Ở các cơ quan hành chính thì ngân sách nhà nước phải chịu. Trong lúc chúng ta không có ngoại tệ để nhập đủ phân bón, thuốc trừ sâu cho sản xuất nông nghiệp, hoặc những

nguyên, vật liệu cần thiết cho sản xuất công nghiệp thì nhiều nơi đã dùng ngoại tệ mạnh để mua những đồ dùng sang trọng, những hàng hóa chưa thật cần thiết.

+ *Lãng phí trong việc sử dụng lao động, dẫu dài.*

Theo tính toán sơ bộ, hiện nay chúng ta mới sử dụng khoảng 80% số người lao động vào các ngành kinh tế quốc dân, có nghĩa là đang còn hàng triệu người chưa có việc làm. Đây là một sự lãng phí rất lớn, một gánh nặng cho xã hội. Mặt khác, ngay trong các cơ quan, xí nghiệp chúng ta mới sử dụng chừng 60—70% quỹ thời gian lao động, có nghĩa là còn lãng phí thêm hàng triệu lao động nữa.

Diện tích đất canh tác bình quân đầu người ở nước ta vào loại thấp nhất thế giới*. Nhưng việc quản lý đất đai còn lỏng lẻo, sử dụng lãng phí. Theo số liệu điều tra từ 1981 đến 1985, diện tích đất trồng lương thực đã giảm đi 7,89% (khoảng 370 000 ha). Diện tích chuyên trồng lúa giảm tới 17%. (Trong khi dân số tăng nhanh, diện tích bình quân đầu người có xu hướng giảm dần), nếu việc sử dụng đất đai cứ diễn ra như hiện nay, tất yếu sẽ dẫn đến những hậu quả to lớn. (Bình quân hằng năm, sản lượng lương thực chỉ tăng được khoảng 60 vạn tấn trong khi đó sản lượng lương thực mất đi do diện tích đất trồng lương thực giảm mỗi năm trên 1 triệu tấn.

+ *Lãng phí do bảo quản kém chất lượng, sản phẩm xấu.*

Theo tính toán khoa học, sau thu hoạch, sự tổn thất về số lượng và chất lượng nông sản còn rất lớn — khoảng 25% sản lượng. Ở nước ta, riêng lúa gạo hằng năm thường hao hụt tới 15—18% nghĩa là khoảng 2,1—2,9 triệu tấn, đủ nuôi gần chục triệu người trong một năm. Đối với khoai tây, khoai lang, rau quả, mức

độ hao hụt còn lớn hơn (trung bình khoảng 30—35%).

Chất lượng hàng tiêu dùng còn xấu và có xu hướng giảm dần. Nhiều loại vải, khăn mặt chỉ dùng một thời gian rất ngắn đã rách. Theo số liệu điều tra năm 1987 ở một xí nghiệp đã có 5—6 ngàn xe đạp phải đình xuất xưởng vì chất lượng quá xấu và hàng trăm tấn phụ tùng yêu cầu phải tái chế lại. Các loại sản phẩm khác như sấm lốp xe đạp, xà phòng, đồ sành sứ, thủy tinh... cũng có những hiện tượng tương tự. Nhiều mặt hàng xuất khẩu, do phẩm chất kém đã mất chỗ đứng trên thị trường quốc tế. Chất lượng hàng hóa giảm sút đang là hiện tượng phổ biến ở nước ta, tình trạng này đã gây ra lãng phí lớn về nguyên liệu, vật liệu, lao động, kể cả những vật tư quý hiếm phải nhập từ nước ngoài. Cùng khối lượng vật tư, nguyên liệu như nhau, nếu sản xuất theo đúng quy trình kỹ thuật và với cơ chế quản lý hợp lý sẽ cho ra những sản phẩm có chất lượng hơn. Hoặc cho dù việc sản xuất có đắt hơn chút ít, nhưng bền và đẹp, thì vẫn đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

Thực trạng tình hình nói trên bắt nguồn từ các nguyên nhân sau đây:

— Việc xác định cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư chưa đúng đã dẫn đến những hậu quả hết sức nghiêm trọng. Xây dựng cơ bản chiếm tỷ trọng lớn về vốn đầu tư nhưng hiệu quả sử dụng rất thấp, hàng trăm tỷ đồng thiết bị, vật tư đã bị ứ đọng hoặc hư hỏng dần... gây ảnh hưởng lớn đến việc phát triển các ngành kinh tế khác.

— Cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp là nguyên nhân chủ yếu gây nên lãng phí vật tư, năng lượng, tiền vốn và đẻ ra các hiện tượng tiêu

* Ở nhiều nước Đông Âu, diện tích canh tác bình quân đầu người 1 ha. Ở nước ta là 0,1 ha.

cực trong xã hội. Cơ chế này dựa trên chế độ cấp phát, làm ăn không cần tính toán lỗ lãi; kế hoạch áp đặt và đội từ trên xuống.

Gắn với cơ chế quản lý này là bộ máy quản lý cồng kềnh, nhiều tầng nấc trung gian, làm cho vật tư hao hụt, thất thoát nhiều.

— Trình độ kỹ thuật thấp kém, nhiều thiết bị máy móc hiện đại có giá trị lớn, chỉ sử dụng trong thời gian ngắn đã hư hỏng. Việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất nhằm giảm tiêu hao vật tư, nâng cao chất lượng sản phẩm chưa được quan tâm đúng mức. Chưa có hệ thống thu hồi các loại phế liệu và các chính sách khuyến khích tiết kiệm vật tư.

— Những quy chế, quy định về chi tiêu tài chính, sử dụng tài sản, vật tư ở các cơ quan nhà nước; các định mức kinh tế—kỹ thuật, tiêu chuẩn đo lường, chất lượng sản phẩm ở các cơ sở sản xuất không được thực hiện một cách nghiêm ngặt.

— Ngoài những nguyên nhân trên đây, sự thoái hóa biến chất của nhiều cán bộ, đảng viên lợi dụng chức quyền, chi tiêu vô nguyên tắc, tham ô, ăn cắp... làm thiệt hại nhiều tài sản xã hội chủ nghĩa. Thêm vào đó, tiết kiệm chưa trở thành ý thức thường xuyên của mọi người, kỷ cương, pháp luật của nhà nước không nghiêm.

Để thực hiện quyết định của HĐBT về triệt để tiết kiệm, cần tiến hành các biện pháp sau:

— Xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý nhằm sử dụng một cách tiết kiệm, có hiệu quả nguồn vốn xây dựng cơ bản. Trước hết là cần bố trí lại cơ cấu sản xuất, điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư, kiên quyết cắt giảm các công trình xét thấy chưa thật cần thiết. Tập trung đầu tư cho việc thực hiện 3 chương trình kinh tế lớn: sản xuất lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, như nghị quyết Đại hội VI của Đảng đã đề ra.

Tuy nhiên, trên thực tế việc thực hiện phương hướng này không phải dễ dàng. Vì nhà nước trung ương không nắm được toàn bộ vật tư tiền vốn và ở một số địa phương còn mang nặng tính cục bộ, phổ trương hình thức.

— Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế là một biện pháp quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, bảo đảm quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế, thực hiện hạch toán kinh tế. Xi nghiệp tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về lỗ lãi. Những xí nghiệp làm ăn thua lỗ kéo dài sẽ bị giải thể hoặc chuyển sang hình thức sở hữu khác. Cơ chế này sẽ khởi động sự cạnh tranh giữa các xí nghiệp, các đơn vị kinh tế, buộc họ phải tận dụng và khai thác mọi khả năng về vật tư, nguyên liệu, lao động nhằm sản xuất ra sản phẩm với chất lượng tốt và giá thành hạ. Đổi mới công tác kế hoạch hóa, cơ chế tài chính, cung ứng vật tư và tiêu thụ sản phẩm phải được tiến hành đồng bộ mới tránh được những tổn thất, hao hụt không cần thiết.

Về bộ máy quản lý, Nhà nước đã có nhiều chỉ thị, nghị quyết về giảm biên chế ở các cơ quan nhà nước; Nhưng trên thực tế, bộ máy quản lý ngày càng phình to, cồng kềnh, kém hiệu lực. Để thực hành tiết kiệm cần sớm thu gọn các bộ quản lý, cắt bỏ các tổ chức trung gian không cần thiết gây phiền hà tốn kém cho nhân dân. Sắp xếp lại và đồng bộ hóa các tổ chức sản xuất kinh doanh, các tổ chức dịch vụ và cung ứng vật tư sao cho vật tư đến nơi sản xuất và sản phẩm đến người tiêu dùng được thuận tiện.

— Áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất là phương hướng cơ bản và lâu dài nhằm tiết kiệm nguyên, vật liệu. Xu hướng hiện nay trên thế giới là áp dụng các thiết bị hợp lý mới và chuyển sang áp dụng công nghệ không

phế liệu và ít phế liệu. Ở Cộng hòa dân chủ Đức và Tiệp khác: 80% tổng số nguyên, vật liệu tiết kiệm được bằng phương pháp này. Ở nước ta, yêu cầu trước mắt là gắn công tác nghiên cứu khoa học với các cơ sở sản xuất, thực hiện cải tiến kỹ thuật để đem lại hiệu quả thiết thực. Đồng thời từng bước ứng dụng những thành tựu khoa học - kỹ thuật của thế giới vào các ngành kinh tế quốc dân. Chẳng hạn, việc vận dụng những kết quả của khoa học hóa - sinh và các môn khoa học khác vào việc bảo quản và chế biến nông sản (đặc biệt là hoa màu - lương thực) sẽ có ý nghĩa rất lớn. Hiện nay, các loại phế liệu, thứ liệu ở ta rất nhiều: như sắt thép, các loại nhựa, cao su, giấy vụn, thủy tinh. Việc thu gom các thứ này chưa được chú ý; một vài loại được thu nhặt mang tính chất cá nhân, tự phát. Vì vậy, cần có hệ thống tổ chức từ trung ương đến địa phương, cơ sở để thu nhặt các loại phế liệu; đồng thời tổ chức và ứng dụng công nghệ để tái chế các phế liệu. Việc tái chế này sẽ đem lại hiệu quả kinh tế lớn. Theo sự tính toán của các chuyên gia thì quá trình luyện thép từ kim loại vụn, phế liệu thường rẻ hơn 20 - 25 lần so với quá trình luyện thép từ gang.

— Để thực hiện quyết định của HĐBT về triệt để tiết kiệm, cần phải quy định cụ thể và thống nhất các chế độ, tiêu chuẩn, định mức sử dụng vật tư, tài chính một cách hợp lý, sát thực tế cuộc sống, đảm bảo những điều kiện sinh hoạt bình thường để tiến hành sản xuất và công tác có hiệu quả. Trên cơ sở những định mức kinh tế, kỹ thuật thực hiện sự kiểm tra nghiêm ngặt, khen thưởng hoặc xử phạt những đơn vị, cá nhân có thành tích tiết kiệm hoặc vi phạm tài sản xã hội chủ nghĩa.

Việc tiết kiệm phải được tiến hành bằng phương pháp tổ chức và quản lý khoa học, và tạo ra những điều

kiện vật chất cần thiết. Chẳng hạn: nói đến tiết kiệm điện mà không tiết kiệm ký lợp đồng dùng điện trực tiếp với mỗi gia đình, hoặc không cung cấp đủ đồng hồ đo điện cho họ thì không thể chấm dứt hiện tượng mất mát, lãng phí điện hiện nay. Năm 1987 Nhà máy sứ Hải dương, nhờ tổ chức lại lực lượng lao động trong khâu bảo vệ, tuyển chọn than, đã thu thêm 1800 tấn than đủ làm thêm 2 triệu sản phẩm. Nhà máy cao su Quy nhơn (Nghĩa bình) nhờ khoán định mức chi phí từng loại, sử dụng trang thiết bị theo đúng nội quy, tận dụng công suất, thực hiện tốt việc thu lại các phế liệu, 9 tháng đầu năm 1987 đã tiết kiệm được 5 tấn cao su nguyên liệu và nhiều loại hóa chất khác trị giá nửa triệu đồng.

— Bảo quản và nâng cao chất lượng sản phẩm:

Mục đích của sản xuất, suy cho cùng là sản phẩm đến tay người tiêu dùng nhiều hay ít, chất lượng tốt hay xấu. Trong nông nghiệp, nếu chúng ta đầu tư đúng mức vào việc bảo quản, chế biến thì sản lượng các loại sản phẩm có thể cao hơn nhiều. Chẳng hạn, chỉ cần giảm 50% mức hao hụt hiện nay, sẽ có thêm hàng triệu tấn lương thực hoặc có bao gói, vận chuyển kịp thời, sẽ không để cho hàng triệu bao xi măng bị vón cục, không sử dụng được...

Trong công nghiệp, tiết kiệm tiêu dùng vật tư phải đi đôi với bảo đảm chất lượng hàng hóa (có nghĩa là tiết kiệm trên cơ sở những định mức kinh tế - kỹ thuật cho phép). Tiết kiệm không có nghĩa là sản phẩm sản xuất ra quá xấu hoặc thời gian sử dụng quá ngắn. Tiết kiệm không chỉ đơn thuần là cắt giảm khối lượng vật chất tiêu hao, mà cái chính là làm sao với một mức tiêu hao nhất định có thể làm ra sản phẩm nhiều hơn, chất lượng tốt

(Xem tiếp trang 36)

SỰ LẠC HẬU VỀ NHẬN THỨC LÝ LUẬN KINH TẾ

TRẦN HỒ

GẦN sáu thập kỷ qua, Đảng ta đã vận dụng chủ nghĩa Mác-Lê-nin một cách sáng tạo trên nhiều lĩnh vực. Song, trên mười hai năm qua, từ khi cả nước tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa cho đến nay, chúng ta đã mắc nhiều sai lầm và khuyết điểm trong lãnh đạo kinh tế-xã hội mà một nguyên nhân có tầm quan trọng đặc biệt là *sự lạc hậu về nhận thức lý luận*. Sự lạc hậu đó biểu hiện ở các mặt: không kịp thời vạch ra chiến lược kinh tế-xã hội, chưa đề ra được cơ sở lý luận của một số vấn đề như: cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý xã hội, dân chủ xã hội chủ nghĩa, những mâu thuẫn và động lực phát triển của xã hội, xây dựng đảng cầm quyền, v.v. Trong những vấn đề đó, khuyết điểm tập trung nhất là ở vấn đề *cải tạo và xây dựng kinh tế* trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Sau khi hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước, đảng ta có ngay một chiến lược cách mạng xã hội chủ nghĩa toàn diện, dựa trên quan điểm duy vật cùng với phương pháp biện chứng mang tính khoa học và hiện thực cao, được chuẩn bị từ những năm trước, nhằm thực hiện có kế hoạch công cuộc cải tạo và xây dựng đất nước. Song, chúng ta đã bị động, đem áp dụng những mô hình và kinh nghiệm về cải tạo và xây dựng ở miền Bắc trước đây vào cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước. Do hoàn cảnh lịch sử hạn chế, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc

hồi bấy giờ chủ yếu là trực tiếp phục vụ sự nghiệp chống Mỹ cứu nước của toàn dân tộc. Cuộc chiến tranh ái quốc của nhân dân ta đã hoàn toàn chi phối đường lối và nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Đó là sự hạn chế, cho nên đem áp dụng những mô hình ở miền Bắc vào cải tạo và xây dựng ở một nửa nước phía Nam trong những điều kiện và hoàn cảnh khác là không thích hợp.

Thời kỳ quá độ là một giai đoạn lịch sử đặc biệt kinh tế nhiều thành phần, là thời kỳ chuyển biến cách mạng, vừa có chủ nghĩa xã hội, vừa không có chủ nghĩa xã hội, vừa cải tạo vừa xây dựng phức tạp và lâu dài để hình thành phương thức sản xuất mới, xã hội chủ nghĩa. Vấn đề cải tạo phải được thực hiện suốt trong cả thời kỳ quá độ, nhưng chúng ta lại muốn hoàn thành ngay, muốn chủ nghĩa xã hội được hoàn toàn xác lập ngay trong chặng đường đầu tiên này. Do đó, chúng ta nhận thức chỉ còn có kinh tế quốc doanh, kinh tế hợp tác xã và một ít kinh tế cá thể, không tính đến sự vận dụng quy luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đã tìm mọi cách xóa bỏ nhanh kinh tế tư nhân và kinh tế cá thể bằng cách chuyển tất cả kinh tế tư nhân thành kinh tế quốc doanh, đưa tuyệt đại bộ phận kinh tế cá thể vào hợp tác xã để tuyên bố là đã căn bản hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa trên đất nước ta.

Một điều nữa là chúng ta đã lẫn lộn về các giai đoạn của thời kỳ quá độ do không phân kỳ được thời kỳ quá độ, cho nên không làm nổi bật được nhiệm vụ chủ yếu trong từng giai đoạn của thời kỳ quá độ ở nước ta. Xác định được tính giai đoạn của thời kỳ quá độ có ý nghĩa thực tiễn rất quan trọng đối với việc đề ra nhiệm vụ trọng tâm của từng giai đoạn, không nhầm lẫn giai đoạn này với giai đoạn khác, tránh được việc đốt cháy giai đoạn, muốn trong một thời gian ngắn, hoàn thành được tất cả những nhiệm vụ của thời kỳ quá độ.

Ở một số nước Đông Âu, nền chuyên chính vô sản đã tiếp quản được cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa tư bản để lại, đó là tiền đề vật chất rất quan trọng để điều chỉnh nền kinh tế phát triển theo kế hoạch trên cơ sở xác lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Nước ta từ nông nghiệp lạc hậu đi lên chủ nghĩa xã hội, công cuộc xây dựng phương thức sản xuất mới là cả một quá trình phức tạp và gian khổ, chưa có tiền lệ trên thế giới nên còn phải mò mẫm. Trong công cuộc cải tạo và xây dựng ở nước ta, cần phải chú ý cả hai mặt: một mặt, cuộc đấu tranh giữa hai con đường ở nước ta tuy rất gay gắt và phức tạp nhưng có khác với các nước trên vì không có chủ nghĩa tư bản phát triển; mặt khác, chúng ta cũng gặp nhiều khó khăn gian khổ vì không có cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa tư bản để lại. Ở đây, chúng ta phải xây dựng hoàn toàn lực lượng sản xuất mới bằng con đường công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa—nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ—, trước mắt lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu, kết hợp chặt chẽ công nghiệp và nông nghiệp bằng ba chương trình kinh tế lớn. Nhưng hàng chục năm qua, chúng ta đã phải trả giá, vì đã ham xây dựng mới với quy mô lớn, không tính đến nhu cầu và khả năng, bất chấp hiệu

quả kinh tế, miễn là có được những công trình mới mọc lên.

Một bài học kinh nghiệm rất quan trọng là chúng ta đã không tôn trọng và hành động theo yêu cầu của các quy luật. Thời gian qua, nhiều chủ trương chính sách của nhà nước đã không kích thích mạnh mẽ sản xuất phát triển, chưa tác động tốt đến sự ổn định sản xuất và đời sống—điều đó biểu hiện sự vận dụng không đúng các quy luật kinh tế, nhất là *quy luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất*

Chúng ta đã cường điệu vai trò của quan hệ sản xuất mới, cho rằng hễ có quan hệ sản xuất mới dựa trên chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất thì sản xuất tất yếu sẽ phát triển mạnh mẽ. Từ nhận thức đó, chúng ta cứ muốn đưa quan hệ sản xuất đi trước một bước để “mở đường” cho lực lượng sản xuất phát triển. Nhưng cuộc sống thực tế đã không phải như vậy. Không ít hợp tác xã sản xuất nông nghiệp bậc cao với quy mô lớn nhưng năng suất và thu nhập của xã viên thấp hơn so với những hợp tác xã quy mô nhỏ. Trong tình hình hiện nay, hiệu quả kinh tế và thu nhập của người lao động ở kinh tế tập thể cao hơn kinh tế tập thể, hiệu quả kinh tế và thu nhập của người lao động ở kinh tế tập thể cao hơn kinh tế quốc doanh. Quan hệ sản xuất mà lạc hậu hơn lực lượng sản xuất thì sản xuất bị kìm hãm, nhưng nếu quan hệ sản xuất lại đi trước nhiều quá so với trình độ của lực lượng sản xuất do ý muốn xếp đặt của chúng ta chứ không phải do yêu cầu của sự phát triển thì tất yếu sẽ cản trở sản xuất. Cần nhận đúng mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, chỉ khi mà quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất thích ứng hợp lý thì mới thúc đẩy được sản xuất phát triển.

Không phải hệ xí nghiệp nào đã dựa trên chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất thì nhất định sản xuất sẽ phát triển và có năng suất lao động cao. Chỉ xác lập chế độ sở hữu công cộng không thôi mặc dù nó là cái cơ bản nhất của quan hệ sản xuất, cũng chưa có thể thúc đẩy được sản xuất phát triển và đem lại năng suất lao động cao. Vấn đề đặt ra là sau khi đã hình thành chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất thì cần phải chọn và xác định đúng các *hình thức kinh tế hợp lý* để thực hiện chế độ sở hữu đó. Nếu chọn sai các hình thức kinh tế thì không những chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất trở thành vô hiệu mà còn gây ra sự phá sản trong sản xuất kinh doanh. Gắn liền với chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa, cần có những hình thức quản lý và phân phối sáng tạo và phong phú nhằm thực hiện chế độ sở hữu đó.

Chúng ta đã phạm sai lầm trong sự vận dụng quy luật giá trị và xử lý những vấn đề về quan hệ hàng hóa — tiền tệ. Suốt trong thời gian dài, với cơ chế bao cấp, chúng ta không tính đến sự vận động của quy luật giá trị, coi như phủ định nó, nhưng thực tế nó vẫn tồn tại một cách khách quan và hoạt động trong nền kinh tế. Đến lúc quan điểm bảo thủ bị phê phán thì chúng ta lại « thả nổi » giá cả để cho quy luật giá trị hoạt động một cách tự phát, gây tác động xấu đối với nền kinh tế. Cho đến nay, qua thực tiễn của sản xuất và đời sống, chúng ta thấy còn lâu mới có thể khắc phục được những hậu quả tai hại của cuộc tổng điều chỉnh giá và đổi tiền năm 1985 để ổn định tình hình kinh tế — xã hội của đất nước.

Sự vật tồn tại trong sự thống nhất giữa các mặt đối lập luôn luôn vận động và phát triển. Trong chủ nghĩa xã hội, cũng có những mâu thuẫn giữa các mặt như: giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, giữa cơ sở hạ

tầng và kiến trúc thượng tầng, giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân tập thể và những người lao động khác, giữa các lợi ích kinh tế... Hơn nữa, nước ta hiện nay lại đang ở chặng đường đầu của thời kỳ quá độ thì những mâu thuẫn trên lại càng nổi bật mà tập trung nhất là mâu thuẫn giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Nhưng trước đây có lúc chúng ta đã xem nhẹ, thậm chí có ý kiến phủ nhận những mâu thuẫn trên, không coi các mâu thuẫn đó là động lực phát triển của xã hội.

Tiến hành sự nghiệp lớn lao và mới mẻ là xây dựng chủ nghĩa xã hội trong một hoàn cảnh như ở nước ta, Đảng ta khó tránh sai lầm khuyết điểm. Nhưng điều đáng nói là chúng ta đã để những sai lầm đó kéo dài quá lâu gây nhiều tác hại và tiêu cực trong đời sống kinh tế — xã hội.



Vì sao có sự lạc hậu về nhận thức lý luận?

Trước hết, phải nói đến bệnh chủ quan, duy ý chí, say sưa với thành tích đạt được trong quá khứ.

Người ta cứ tưởng rằng, để giành được thắng lợi trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước thì có thể « dời núi và lấp biển » trong công cuộc xây dựng kinh tế và có thể tiến nhanh tiến mạnh lên chủ nghĩa xã hội với « một ngày bằng hai mươi năm », mặc dù không có những điều kiện vật chất cần thiết. Làm chiến tranh, phải theo đúng những quy luật của chiến tranh; làm kinh tế phải theo đúng các quy luật kinh tế.

Khi đề ra các kế hoạch và chỉ tiêu phát triển kinh tế — xã hội, chúng ta đã xuất phát từ lòng mong muốn chủ quan mà không tính đến những điều kiện vật chất để bảo đảm thực hiện

các kế hoạch, chỉ tiêu đó. Các chỉ tiêu về sản lượng lương thực, than... được đề ra từ Đại hội lần thứ IV của Đảng năm 1976, cho đến nay vẫn chưa đạt được.

Mặt khác, nhiều người còn thành kiến với những phạm trù và quy luật đã từng tồn tại từ trong xã hội cũ. Người ta cho rằng, những cái sinh ra trong xã hội cũ thì không còn sử dụng được trong chủ nghĩa xã hội. Chưa thật sự thừa nhận những quy luật của sản xuất hàng hóa đang tồn tại khách quan trong chủ nghĩa xã hội. Không ít người cho rằng, quy luật giá trị ra đời từ chế độ tư hữu hoàn toàn đối lập với chủ nghĩa xã hội dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, vì o nên đã tìm cách hạn chế để triệt tiêu nó. Với lối tư duy cũ kỹ đó, người ta đã suy luận rằng, Lễ cái gì không còn tồn tại ở giai đoạn cao của chủ nghĩa cộng sản thì sẽ càng mất dần đi khi chủ nghĩa xã hội càng phát triển như quy luật giá trị, quy luật phân phối theo lao động... Nhưng cuộc sống thực tế đã chỉ rõ, sản xuất hàng hóa càng phát triển, năng suất lao động càng cao trong chủ nghĩa xã hội thì càng tạo điều kiện tốt cho việc thực hiện đầy đủ quy luật phân phối theo lao động.

Từ những quan niệm sai lầm trên, suốt trong một thời gian dài, nhiều người không quan tâm đến việc sử dụng các đòn bẩy kinh tế trong sản xuất - kinh doanh như: giá cả, tiền lương, lợi nhuận... Thậm chí có người không dám nói đến *lợi nhuận*, không dám sử dụng đầy đủ những phạm trù của sản xuất hàng hóa trong công cuộc xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, không xuất phát từ thực tế của Việt nam để nghiên cứu và vận dụng những nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin. Trước hết, không lấy đất nước ta làm đối tượng nghiên cứu, rập khuôn, bê nguyên xi những cái của các nước khác không

phù hợp với hoàn cảnh của nước ta. Trong hoạt động kinh tế của nước ta, gần như hình thành một thói quen rất nguy hiểm là làm với bất cứ giá nào, không tính đến *điều kiện và hoàn cảnh* của nước ta cho nên đã gây ra nhiều lãng phí lớn.

Thứ ba, không chú ý đầy đủ đến việc tổng kết một cách nghiêm túc công cuộc cải tạo và xây dựng, tổng kết các điển hình tiên tiến của các đơn vị cơ sở.

Để kiểm nghiệm việc thực hiện các nghị quyết của đảng và nhà nước, trung ương đã tổ chức làm thử ở một số địa phương và cơ sở. Nhiều phong trào đã được phát động như: cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế, khoán sản phẩm trong nông nghiệp, xây dựng cấp huyện, thực hiện quyền chủ động sản xuất - kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở, cải tiến quản lý trong phân phối lưu thông v.v.

Đáng lẽ, qua mỗi phong trào đó, chúng ta tổ chức tổng kết một cách thiết thực, kịp thời rút ra những bài học kinh nghiệm nhằm khắc phục những khuyết điểm, uốn nắn những lệch lạc, đồng thời phát huy những kinh nghiệm có tính phổ biến trong cả nước, đúc kết thành lý luận và xây dựng mô hình thích hợp. Nhưng rất đáng tiếc là việc này không được thực hiện một cách nghiêm túc.

Thứ tư, chưa thực hiện dân chủ trong nghiên cứu lý luận, tình quan chúng trong công tác lý luận còn kém.

Cần khắc phục hiện tượng áp đặt những nhận thức không đúng và bắt buộc mọi người phải nói theo quan điểm của mình một cách mù quáng. Vị trí của các nhà khoa học rất quan trọng, cần tạo điều kiện rộng rãi cho cán bộ khoa học, nhất là khoa học xã hội, tham gia công việc nghiên cứu. Huy động nhiều cán bộ lý luận tham gia nghiên cứu những đề tài do trung

ương quản lý. Trong nghiên cứu khoa học, không dùng uy quyền của cá nhân để kết luận hoặc khẳng định một cách vội vàng, thô bạo đối với những vấn đề còn phức tạp, chưa chín muồi mà cần phải nghiên cứu thảo luận đàn chủ với tinh thần thực sự cầu thị, có căn cứ thực tế khách quan.

Chống việc « bảo vệ uy tín » hão của cá nhân lãnh đạo, không dám công khai thừa nhận những sai lầm khuyết điểm của mình về nhận thức lý luận và sự lạc hậu về lý luận. Chính Lê-nin, trong ba năm sau Cách mạng Tháng Mười cũng đã mắc khuyết điểm về vấn đề quan hệ làng hóa — tiền tệ. Cho đến năm 1921, qua thực tiễn trên đất nước xô viết. Người tuyên bố cần phải sử dụng vai trò thương nghiệp, thực hiện lưu thông hàng hóa giữa nhà nước và nông dân để phục hồi và phát triển kinh tế.



Hiện nay nhiều giáo trình và sách giáo khoa về khoa học xã hội, nhất là khoa kinh tế chính trị ở một số trường đại học và trường đảng của chúng ta đã lạc hậu so với cuộc sống thực tế, các cơ quan có trách nhiệm cần tổ chức biên soạn lại cho phù hợp với tư duy mới. Một số chủ trương chính sách của nhà nước cũng cần được sửa đổi kịp thời để thích hợp với tư duy mới và quan điểm mới của Đảng.

Gắn liền với đổi mới tư duy, chúng ta cần tổ chức việc nghiên cứu lý luận một cách nghiêm túc. Nhà nước đã đào tạo nhiều cán bộ khoa học có trình độ đại học và trên đại học với nhiều môn khoa học khác nhau, đồng thời lập ra nhiều viện nghiên cứu khoa học, nhưng thật sự sử dụng chúng còn ít, chưa phát huy được tiềm năng của các viện và các trường đại học để đóng góp cho việc nghiên cứu lý luận. Đề chuẩn bị cho Trung ương ban hành một nghị quyết nào đó thì người ta có thói quen lập ra

tiểu ban này, tiểu ban nọ để biên soạn đề án và dự thảo nghị quyết, mặc dù trong bộ máy hiện nay đã có sẵn những tổ chức nghiên cứu về các vấn đề đó, nhưng lại không được sử dụng. Thí dụ như vấn đề đổi mới cơ chế quản lý kinh tế thì nên giao cho viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương, nếu viện đó không đủ sức đề nghiên cứu thì cần đổi mới cán bộ, củng cố và tăng cường cán bộ có chất lượng cho nó.

Muốn mở rộng và tăng cường việc nghiên cứu các đề tài do Trung ương quản lý, cần tổ chức « tổ vệ tinh » ở một số viện và trường đại học, có phân công và phối hợp nghiên cứu các đề tài đó, thí dụ như ba chương trình kinh tế lớn. Trong từng thời gian nhất định, cần có sự nhận xét, đánh giá về kết quả nghiên cứu các đề tài đó một cách công bằng. Lâu nay, đã có tổ chức nghiên cứu nhưng chưa có đánh giá đầy đủ, nhất là đối với các đề tài về khoa học xã hội. Cần phát huy vai trò rất quan trọng của các nhà khoa học, nhất là những cán bộ đầu đàn, đặc biệt chú ý tới phương pháp luận là yếu tố quyết định của đổi mới tư duy.

Những quy luật phổ biến hoạt động trong những nước có hoàn cảnh khác nhau nhất định đưa lại những kết quả khác nhau. Tuy nhiên, học tập có chọn lọc những kinh nghiệm của các nước anh em vẫn là một điều hết sức cần thiết. Ngoài việc rút kinh nghiệm về phương hướng giải quyết, điều quan trọng hơn cả là học tập cách đặt vấn đề và giải quyết vấn đề. Cần trao đổi kinh nghiệm với các nước ở cấp chuyên gia. Cần có tổ chức thông tin chính xác, nhanh chóng và đầy đủ. Cùng với việc gắn chặt với thực tế của nước ta, phải không ngừng nâng cao nhận thức thực tế, đó là những điều kiện cần thiết cho công tác nghiên cứu lý luận có hiệu quả.

Về cuộc vận động đổi mới

HỒNG CHƯƠNG ★

Vì sao phải đổi mới?

Trong những năm gần đây, ở hầu hết các nước xã hội chủ nghĩa, với những quy mô, mức độ và nhịp độ khác nhau, các đảng cộng sản và công nhân tiến hành cuộc vận động đổi mới (còn gọi là cải tổ hoặc cải cách). Vì sao phải đổi mới? Đó là do những tình hình sau đây đòi hỏi.

Một là, cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật đang phát triển như vũ bão trên thế giới bắt buộc các nước xã hội chủ nghĩa phải đổi mới. Có đổi mới các nước này mới sử dụng được những thành tựu khoa học kỹ thuật mới.

Hai là, cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản trên thế giới trong giai đoạn mới đòi hỏi các nước xã hội chủ nghĩa phải đổi mới. Có đổi mới các nước xã hội chủ nghĩa mới giành được thắng lợi trong cuộc đấu tranh này.

Ba là, bản thân sự phát triển của các nước xã hội chủ nghĩa yêu cầu phải đổi mới. Có tiến hành cuộc vận động đổi mới các nước xã hội chủ nghĩa mới thoát ra khỏi tình trạng trì trệ, giành được những thành tựu mới trong công cuộc xây dựng xã hội mới.

Thật vậy cơ chế quản lý kinh tế hiện nay ở các nước xã hội chủ nghĩa sản sinh ra trong thời kỳ phát triển kinh tế theo chiều rộng. Nó không thích ứng với việc phát triển kinh tế theo chiều sâu. Nó cản trở việc ứng dụng vào sản xuất các thành tựu của cách mạng khoa học

kỹ thuật. Nó không khuyến khích con người tăng năng suất lao động. Nó là nguồn gốc gây ra sự trì trệ. Trước đây, khi còn klả năng phát triển kinh tế theo chiều rộng, cơ chế đó đã có một thời có tác dụng thúc đẩy sự phát triển kinh tế. Nhưng trong thời kỳ mới, cơ chế đó đã hết sức sống. Nó trở thành lực cản sự phát triển nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Không xóa bỏ cơ chế quản lý kinh tế đó, xây dựng cơ chế quản lý kinh tế mới, thì không thể đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội tiến lên những bước mới.

Đổi mới—bước phát triển mới của chủ nghĩa xã hội

Chủ nghĩa xã hội khoa học từ khi ra đời (tính từ tác phẩm “Tuyên ngôn của Đảng cộng sản”) đến nay đã tròn 140 năm. Có thể chia lịch sử 140 năm ấy ra làm hai thời kỳ bằng nhau: 70 năm đầu là chủ nghĩa xã hội lý thuyết (chỉ có trên sách báo); 70 năm sau là chủ nghĩa xã hội hiện thực (được thực hiện trong đời sống), thời kỳ này đã có sự phát triển thêm về lý luận.

Trên cơ sở phân tích xã hội tư bản chủ nghĩa, các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học là Mác và Ăng-ghe-nơ dự kiến loài người sẽ tiến đến một xã hội tốt đẹp thật sự là chủ nghĩa cộng sản. Theo hai ông, cuộc cách mạng cộng sản chủ nghĩa không những sẽ có tính chất dân tộc mà sẽ đồng thời xảy ra ở

★ Chủ tịch Hội nhà báo Việt Nam.

trong tất cả các nước văn minh, tức là ít nhất ở Anh, Mỹ, Pháp và Đức. Chủ nghĩa cộng sản có hai giai đoạn: giai đoạn thấp, mọi người làm theo năng lực, phân phối theo lao động; giai đoạn cao, mọi người làm theo năng lực, phân phối theo nhu cầu. Viễn kiến này thật là vĩ đại, nhưng mới chỉ là lý thuyết. Thời Mác và Ăng-ghe-n còn sống, chưa ai có thể hình dung xã hội tương lai sẽ được tổ chức cụ thể như thế nào, đặc biệt là trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản.

Cách mạng Tháng Mười Nga thành công, chủ nghĩa xã hội trở thành hiện thực sinh động trong cuộc sống trên một phần sáu quả đất. Lê-nin vận dụng những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác để tổ chức xã hội mới. Trong những năm đầu, do tình hình chiến tranh chống sự can thiệp vũ trang của bọn đế quốc và nội chiến, Lê-nin thực hiện chính sách chủ nghĩa cộng sản thời chiến. Nhà nước chuyên chính vô sản dùng biện pháp hành chính trực tiếp chỉ huy nền sản xuất và phân phối của toàn xã hội. Thương nghiệp bị xóa bỏ. Chính sách này có tác dụng bảo đảm cung cấp lương thực và vật tư cho quân đội để đánh thắng kẻ thù. Nó chỉ thích hợp với thời chiến chứ không thích hợp với thời bình. Khi chiến tranh kết thúc nó bị đông dân chống lại. Nhiều cuộc bạo động của nông dân đã nổ ra. Lê-nin đã sáng suốt kịp thời nhận ra điều đó, đình chỉ việc thi hành chính sách cộng sản thời chiến để chuyển sang thi hành chính sách kinh tế mới.

Chủ nghĩa xã hội ở Liên xô trong thời kỳ thi hành chính sách kinh tế mới là chủ nghĩa xã hội có sản xuất hàng hóa, có buôn bán, có lưu thông tiền tệ. Việc trưng thu và trưng mua lương thực được xóa bỏ và thay thế bằng chính sách thuế lương thực. Nhà nước thi hành chính sách kích thích

bang các đơn bầy kinh tế (giá cả, tiền tệ, tiền lương, lợi nhuận, thuế, tín dụng, ngân hàng, lãi suất). Các xí nghiệp phải thực hiện hạch toán kinh tế, phải tự hoàn vốn, tự chịu lỗ lãi. Nền kinh tế có năm thành phần, trong đó thành phần quốc doanh giữ vai trò chủ đạo. Nhà nước phát triển kinh tế có kế hoạch trên cơ sở tôn trọng các quy luật khách quan và vận dụng các quan hệ hàng hóa-tiền tệ. Bên cạnh những khía cạnh sách lược tạm thời do tình hình đòi hỏi, chính sách kinh tế mới của Lê-nin chứa đựng những nguyên tắc cơ bản của công cuộc xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa mà nếu vi phạm sẽ mắc sai lầm nghiêm trọng và dẫn đến những hậu quả cực kỳ tai hại.

Sau khi Lê-nin từ trần, chính sách kinh tế mới của Lê-nin không được tiếp tục thực hiện nữa. Đảng cộng sản Liên xô đứng đầu là Xta-lin thực hiện một đường lối kinh tế khác hẳn thời Lê-nin còn sống. Một thể chế kinh tế khác đã được dựng lên. Đặc trưng của thể chế này là tập trung quan liêu, hành chính, bao cấp. Hệ thống quản lý bằng biện pháp hành chính được sử dụng rộng rãi để thay thế cho biện pháp kích thích bằng các chính sách đơn bầy. Phương pháp hạch toán kinh tế, mỗi xí nghiệp tự hoàn vốn, tự chịu lỗ lãi, được thay thế bằng sự bao cấp tràn lan. Việc kế hoạch hóa tập trung quá mức với nhiều chỉ tiêu pháp lệnh đã giết chết tinh thần chủ động sáng tạo của các đơn vị kinh tế ở cơ sở. Chủ nghĩa chủ quan, duy ý chí, không đếm xỉa đến các quy luật khách quan trong khi vạch ra các chính sách kinh tế. Yếu tố thị trường không được tính đến. Nền kinh tế hàng hóa thời kỳ chính sách kinh tế mới của Lê-nin đã chuyển biến thành nền kinh tế trao đổi hiện vật trực tiếp.

Mô hình chủ nghĩa xã hội những năm 30 không chỉ bỏ những nhược điểm và sai lầm về kinh tế mà còn

phạm những sai lầm nghiêm trọng về chính trị. Lời dạy của Lê-nin về chủ nghĩa xã hội « dân chủ gấp triệu lần nền dân chủ tư sản », không được tuân theo. Luận điểm sai lầm « chủ nghĩa xã hội càng thắng lợi, đấu tranh giai cấp càng gay gắt » đã dẫn đến những cuộc đàn áp. Trong lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, chuyên chế một chiều thay thế cho tự do tranh luận, tự do sáng tạo. Nguyên tắc sinh hoạt đảng của Lê-nin bị vi phạm. Nhân tố con người nói chung bị coi nhẹ.

Trong 70 năm qua, nhân dân Liên xô, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Liên xô, đã giành được những thành tựu vĩ đại, đã thực hiện công nghiệp hóa nước nhà, đã tập thể hóa nông nghiệp, đã làm cách mạng văn hóa; đã biến đất nước từ nghèo nàn lạc hậu thành giàu mạnh vào loại cường quốc hạng nhất trên thế giới; đã bảo vệ vững chắc nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên; đã giúp đỡ to lớn cách mạng các nước và bảo vệ vững chắc hòa bình thế giới. Nếu không có những hạn chế và sai lầm, những thành tựu của nhân dân Liên xô còn to lớn hơn nữa, chủ nghĩa xã hội còn phát triển nhanh chóng mạnh mẽ hơn nữa.

Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội 70 năm qua ở các nước đạt những thành tựu vĩ đại đồng thời có những vấp vấp, sai lầm. Rút kinh nghiệm đã qua, cuộc vận động đổi mới ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa hiện nay nhằm khắc phục những sai lầm đã phạm phải, tìm tòi con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện đại, phù hợp với thời đại mới. Nó kiên trì những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa xã hội đồng thời sửa chữa những lệch lạc, rũ bỏ những chính sách, phương pháp và tổ chức cũ kỹ, lỗi thời, không phù hợp thời đại mới. Nó đưa chủ nghĩa xã hội hiện thực trở về với cội nguồn chủ nghĩa — Mác Lê-nin. Nó đem lại sức sống mới cho chủ nghĩa xã hội hiện thực.

Cuộc vận động đổi mới làm thay đổi cấu trúc của chủ nghĩa xã hội hiện thực có. Nó đồng thời làm thay đổi cấu trúc kinh tế và cấu trúc chính trị của chủ nghĩa xã hội. Về kinh tế, nó chuyển biến nền kinh tế trao đổi hiện vật hiện nay thành nền kinh tế hàng hóa. Về chính trị, nó thực hiện dân chủ hóa bằng biện pháp công khai hóa. Cuộc vận động đổi mới không chỉ diễn ra ở cấu trúc hạ tầng mà cả ở cấu trúc thượng tầng, không chỉ diễn ra trong lĩnh vực kinh tế mà cả ở trong lĩnh vực chính trị và tư tưởng. Vì những sai lầm trong kinh tế có nguồn gốc ở trong hệ thống chính trị. Có cải tổ hệ thống chính trị thì mới cải tổ được cấu trúc kinh tế.

Đổi mới là cuộc đấu tranh gay gắt giữa cái mới và cái cũ. Cái cũ không tự nguyện rút lui. Phải trải qua đấu tranh gian khổ cái mới mới có thể thắng được và thay thế cái cũ.

Xét về bề rộng lẫn chiều sâu của những thay đổi mà nó thực hiện, cuộc vận động đổi mới thật sự là một cuộc cách mạng. Đó là cuộc cách mạng bên trong chủ nghĩa xã hội hiện thực.

Tuy vậy, đừng tưởng rằng cuộc vận động đổi mới ngay từ đầu đã có thể đưa ra một mô hình mới về chủ nghĩa xã hội để thay thế mô hình đã có mang nhiều tính hạn chế, lạc hậu. Mô hình hiện đại của chủ nghĩa xã hội hiện thực chỉ có thể hình thành dần dần trong quá trình nhận thức đúng đắn, khoa học, đầy đủ về chủ nghĩa xã hội, xóa bỏ những quan niệm giản đơn, lạc hậu về nó, và trong quá trình phấn đấu gian khổ lâu dài của hàng triệu nhân dân lao động để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ở mỗi nước, tùy theo tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, điều kiện lịch sử, truyền thống dân tộc, mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực có những nét riêng không giống các nước khác. Mô hình cụ thể của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở mỗi nước do giai cấp công nhân và

nhân dân lao động nước đó sáng tạo ra dưới sự lãnh đạo của đảng theo chủ nghĩa Mác-Lê-nin sáng tạo.

Chủ nghĩa xã hội hiện thực tồn tại trên thế giới đã 70 năm nay. Tuy vậy, cho đến nay nó vẫn chưa có một hệ thống lý luận đúng đắn và hoàn chỉnh. Không thể tìm trong những tác phẩm của các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác-Lê-nin mô hình rõ nét và đầy đủ về chủ nghĩa xã hội hiện thực. Chủ nghĩa Mác-Lê-nin là kim chỉ nam cho hành động. Hành động theo kim chỉ nam của chủ nghĩa Mác-Lê-nin, giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản sẽ sáng tạo ra mô hình đúng của chủ nghĩa xã hội hiện thực. Lê-nin đã dạy: Hãy vào cuộc đã, rồi sẽ hay! Xin đừng trách cuộc vận động đổi mới sao không bày sẵn cho ta mô hình đúng về chủ nghĩa xã hội hiện thực. Ý nghĩa cách mạng của cuộc vận động đổi mới là ở chỗ nó vạch ra cho chúng ta thấy rằng mô hình hiện có của chủ nghĩa xã hội đã có nhiều mặt không còn thích hợp nữa, phải sáng tạo ra mô hình mới của chủ nghĩa xã hội hiện thực để đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội tiến lên những bước phát triển mới.

Trước hết, cần đổi mới tư duy

Đề chuyển biến chủ nghĩa xã hội hiện thực từ tập trung quan liêu bao cấp sang hạch toán kinh tế và kinh doanh trước hết cần đổi mới tư duy về chủ nghĩa xã hội. Cần kiểm tra lại nhận thức về chủ nghĩa xã hội, cái gì đúng thì giữ lại, cái gì sai thì sửa đổi. Trong thời gian dài chúng ta có một số nhận thức không đúng về chủ nghĩa xã hội. Có những cái không phải là chủ nghĩa xã hội, chúng ta lại cho là chủ nghĩa xã hội. Có những cái không phải là của riêng của chủ nghĩa tư bản, chúng ta lại cho rằng chỉ chủ nghĩa tư bản mới có.

Trước đây chúng ta thường cho rằng sản xuất hàng hóa gắn với chủ nghĩa tư bản; kinh tế tư bản chủ nghĩa là kinh tế hàng hóa; kinh tế xã hội chủ nghĩa không phải là kinh tế hàng hóa. Rõ ràng nhận thức như thế là không đúng. Ngày nay quan điểm sau đây đã được công nhận một cách phổ biến: kinh tế xã hội chủ nghĩa là kinh tế hàng hóa có kế hoạch dựa trên chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu. Cùng với nhận thức sai lầm về vấn đề sản xuất hàng hóa, nhận thức về một loạt vấn đề như: quy luật giá trị, giá trị thặng dư, lợi nhuận, thị trường, quan hệ cung cầu, v.v. đều có những sai lầm tương tự. Những sai lầm này đã dẫn đến hậu quả là không tôn trọng quy luật khách quan, phạm sai lầm chủ quan, duy ý chí, trong xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Ngày nay mọi người thừa nhận rằng quy luật giá trị vẫn tác động dưới chủ nghĩa xã hội, đương nhiên tác động của nó dưới chủ nghĩa xã hội không giống dưới chủ nghĩa tư bản. Dưới chủ nghĩa xã hội, tác động của quy luật giá trị chịu sự chi phối của quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội. Tuy vậy, phủ nhận tác động của quy luật giá trị dưới chủ nghĩa xã hội là sai lầm. Có vận dụng quy luật giá trị, quan hệ thị trường, quan hệ hàng hóa - tiền tệ, mới có thể xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Về chế độ tư hữu, trước đây chúng ta cho rằng công hữu hóa càng nhanh càng tốt, càng thuần nhất càng tốt, không kể có lợi cho phát triển sản xuất và nâng cao năng suất lao động hay không. Do đó dẫn tới nóng vội trong cải tạo xã hội chủ nghĩa về quan hệ sản xuất. Việc xóa bỏ quá sớm các thành phần kinh tế cá thể, tư nhân,... trong lúc các thành phần kinh tế này còn có tác dụng tích cực, đã đưa đến những hậu quả không tốt cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhất là trong giai đoạn đầu

của thời kỳ quá độ. Cuộc sống cho thấy rằng trên cơ sở chế độ công hữu giữ vai trò chủ đạo, việc cùng tồn tại nhiều hình thức sở hữu, nhiều phương thức kinh doanh là cần thiết trong thời kỳ quá độ. Chính sách kinh tế đúng trong thời kỳ quá độ là củng cố và phát triển kinh tế quốc doanh thành lực lượng chủ đạo, củng cố và tăng cường kinh tế tập thể, sử dụng và quản lý các thành phần kinh tế khác, thành phần nào sản xuất sản phẩm gì có lợi hơn thì phát huy đầy đủ tác dụng của thành phần ấy, đồng thời không ngừng củng cố và tăng cường thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa. Cần khuyến khích mọi công dân đầu tư vào sản xuất và dịch vụ dưới các hình thức: cơ sở kinh tế cá thể, kinh tế tư nhân, công ty tư nhân, tổ hợp công tư hợp doanh, kinh tế gia đình của công nhân, viên chức, xã viên. Nhà nước công nhận sự tồn tại lâu dài và tác dụng tích cực của kinh tế gia đình, kinh tế cá thể, kinh tế tư nhân sản xuất, dịch vụ; bảo hộ quyền sở hữu, quyền thừa kế tài sản và thu nhập hợp pháp của công dân trong các loại hình kinh tế này. Nhà nước cho phép cơ sở kinh tế tư nhân thuê mướn công nhân tùy theo quy trình công nghệ và hiệu quả kinh tế của cơ sở sản xuất, đồng thời bắt buộc cơ sở tư nhân bảo đảm đầy đủ lợi ích chính đáng của người lao động và nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định của Nhà nước.

Về chế độ sở hữu toàn dân, trước đây thường nhập quyền sở hữu và quyền kinh doanh làm một, nay tách làm hai. Toàn thể nhân dân không thể kinh doanh xí nghiệp sở hữu toàn dân. Nhà nước trực tiếp kinh doanh thường dẫn đến tình trạng "nhiều sai không ai đóng cửa cửa". Tách quyền sở hữu và quyền kinh doanh; giao quyền kinh doanh cho xí nghiệp, giải quyết đúng mối quan hệ giữa người sở hữu và người kinh doanh, khiến cho xí nghiệp có thêm sức sống.

Xí nghiệp chủ động kinh doanh, tự hoàn vốn, tự chịu lỗ lãi; như thế không làm thay đổi tính chất sở hữu toàn dân của xí nghiệp mà phát huy đầy đủ tính ưu việt của chế độ công hữu.

Về kế hoạch hóa, trước đây chúng ta cho rằng tính kế hoạch và tính pháp lệnh của kế hoạch càng cao, mức độ tập trung của kế hoạch càng lớn, càng tốt. Đó là với hiểu không đúng về chủ nghĩa xã hội. Phương pháp quản lý trực tiếp lấy kế hoạch pháp lệnh làm chủ yếu gây trở ngại cho việc phát triển nền kinh tế hàng hóa. Ngày nay, nhiều nước xã hội chủ nghĩa chủ trương chuyển kế hoạch hóa theo pháp lệnh sang kế hoạch hóa thông qua hợp đồng kinh tế và đơn đặt hàng. Công tác kế hoạch dựa chủ yếu trên cơ sở trao đổi hàng hóa theo quy luật giá trị. Nhà nước sử dụng phương pháp quản lý gián tiếp là chủ yếu để quản lý kinh tế. Nhà nước chủ yếu vận dụng biện pháp kinh tế và biện pháp pháp luật điều tiết cung cầu trên thị trường, tạo ra hoàn cảnh kinh tế và xã hội thuận lợi để các xí nghiệp phát triển sản xuất, đáp ứng nhu cầu của thị trường. Kế hoạch được xây dựng trên cơ sở các đơn đặt hàng và hợp đồng kinh tế giữa Nhà nước và xí nghiệp, giữa các xí nghiệp với nhau. Phạm vi kế hoạch pháp lệnh được thu hẹp.

Về chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước, cho tới nay Nhà nước quản lý cả về mặt hành chính lẫn mặt sản xuất kinh doanh. Ngày nay chủ trương tách chức năng quản lý sản xuất kinh doanh ra khỏi chức năng quản lý hành chính của Nhà nước. Xác định lại và thực hiện đúng chức năng quản lý của Nhà nước về kinh tế. Trả lại chức năng quản lý sản xuất kinh doanh cho các đơn vị kinh tế, đi đôi với sự hình thành các tổ chức liên hiệp sản xuất kinh doanh và cải tổ bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế.

Nhà nước thuộc cấu trúc thượng tầng: nó quản lý kinh tế xã hội theo luật pháp. Các đơn vị kinh tế thuộc cấu trúc hạ tầng làm chức năng sản xuất kinh doanh. Nhập cấu trúc thượng tầng và cấu trúc hạ tầng làm một, lẫn lộn chức năng quản lý bằng luật pháp và chức năng sản xuất kinh doanh, tất nhiên dẫn đến « hậu quả kép »: một mặt không tiến hành được sản xuất kinh doanh, khiến cho sản xuất kinh doanh bị đình trệ; mặt khác không quản lý được kinh tế xã hội theo luật pháp trên phạm vi toàn xã hội. Có trả lại chức năng sản xuất kinh doanh cho các đơn vị kinh tế thì nền kinh tế xã hội chủ nghĩa mới phát triển được.

Về phân phối, chủ nghĩa bình quân trong chế độ bao cấp trước đây không khuyến khích việc tăng năng suất lao động, vì người lao động giỏi, tích cực cũng chỉ được phân phối như người lao động kém, chây lười. Nay xóa bỏ chế độ bao cấp, xóa bỏ cấp phát hiện vật, thực hiện phân phối theo lao động là chính. Đồng thời vận dụng các hình thức lao động khác để bổ sung. Trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ, còn năm thành phần kinh tế. Chủ xí nghiệp tư nhân có một phần thu nhập phi lao động. Đó là khoản thu nhập hợp pháp mà luật pháp cho phép. Mặt khác, để huy động được vốn cần thiết cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, phải trả lãi cho người góp vốn.

Về mâu thuẫn trong chủ nghĩa xã hội, trước đây chúng ta thường cho rằng trong chủ nghĩa xã hội không có mâu thuẫn giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất. Ngay nay mọi người đều công nhận rằng trong chủ nghĩa xã hội quan hệ sản xuất (với các hình thức cụ thể về lập kế hoạch, quản lý, giá cả, tiền lương, phân phối lợi nhuận, tài chính, tín dụng) đang mâu thuẫn với lực lượng sản xuất. Đó cũng là mâu thuẫn giữa cơ sở

hạ tầng và cấu trúc thượng tầng của xã hội xã hội chủ nghĩa. Cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp đang trở ngại nghiêm trọng lực lượng sản xuất không cho nó phát triển. Phải tháo gỡ các ràng buộc đó, giải phóng lực lượng sản xuất, thì xã hội mới tiến lên được. Như thế, không những phải đổi mới cơ chế quản lý mà phải đổi mới cả thể chế chính trị quyền lực tập trung quá mức đã đẻ ra nó; đồng thời phải khắc phục tình trạng vô chính phủ là sự phản ứng tự nhiên chống lại cơ chế quản lý tập trung quan liêu.

Tập trung quan liêu là kết quả của lối hiểu méo mó về chuyên chính vô sản. Để khắc phục bệnh tập trung quan liêu thì phải mở rộng dân chủ. Phải làm cho chủ nghĩa xã hội « dân chủ gấp triệu lần » dân chủ tư sản như Lê-nin đã nói. Biện pháp có hiệu quả để thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa là công khai hóa. Công khai hóa và dân chủ hóa đi đôi với nhau.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa quản lý xã hội bằng luật pháp. Pháp chế xã hội chủ nghĩa phải được mọi người tôn trọng. Mọi người đều bình đẳng trước luật pháp. Phải xóa bỏ mọi đặc quyền đặc lợi. Cùng với nguyên tắc phân phối theo lao động, nguyên tắc công bằng xã hội là động lực thúc đẩy mọi người ra sức phấn đấu xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong lĩnh vực văn hóa, đòi mới tư duy đòi hỏi phải hiểu đúng tầm quan trọng của giáo dục, văn nghệ, y tế, thể dục thể thao. Không nên coi đó là « phi sản xuất » và xem thường. Không có các ngành này chuẩn bị con người về mặt trí lực và thể lực thì không có tiền đề để thực hiện cách mạng khoa học kỹ thuật. Phải coi trọng chất xám. Nếu một người lao động trí lực phải đào tạo hàng chục năm mà chỉ được phân phối bằng hoặc kém một người lao động giản đơn chỉ cần đào tạo trong mấy tháng hoặc

mấy ngày, thậm chí không cần đào tạo, thì xã hội không thể tiến lên được.

Cần đổi mới tư duy về nhân tố con người. Con người được giải phóng tự quyết định vận mệnh của mình là nhân tố cơ bản để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội nhằm mục đích chủ yếu: vì con người, vì hạnh phúc và sự phát triển lành mạnh của con người. Như thế, cũng có thể nói con người là mục đích tự thân của nó.

Nói đến vai trò con người, trước hết là nói đến vai trò của quần chúng nhân dân. Vai trò của người lãnh đạo, của nhân vật kiệt xuất, đương nhiên là quan trọng. Song nếu thời phong quá mức vai trò của cá nhân lỗi lạc, nhất là sùng bái cá nhân, tất yếu sẽ dẫn đến phủ nhận vai trò của quần chúng nhân dân là người sáng tạo ra lịch sử.

Cần có sự đánh giá mới, suy nghĩ mới về vai trò của nhân tố con người trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Con người tạo ra mọi giá trị vật chất và tinh thần. Con người khởi xướng những tư tưởng và giải pháp mới. Con người tiên thủ thỏa mãn các nhu cầu vật chất và văn hóa của mình. Chính sách xã hội đúng đắn không chỉ thỏa mãn các nhu cầu vật chất và văn hóa của con người mà còn là động lực mạnh mẽ thúc đẩy con người phát huy năng lực của mình để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Chủ nghĩa xã hội đã giành được thành tựu vĩ đại trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội. Tuy

vậy, do những hạn chế của tình hình khách quan và do sai lầm chủ quan, dân chủ xã hội chủ nghĩa chưa được thực hiện đầy đủ. Nhân tố con người chưa được phát huy đúng mức. Sự phát triển tự do của mỗi người tức là sự phát triển của toàn bộ xã hội. Phát huy đầy đủ vai trò của con người, sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội sẽ có bước phát triển mới, vượt bậc.

Cuối cùng cần đổi mới tư duy về quan hệ đối ngoại. Do tác động của cách mạng khoa học kỹ thuật, xu thế quốc tế hóa đời sống các dân tộc ngày càng tăng. Ngày nay, dù nước lớn hay nước nhỏ, mà tự mình đóng cửa, không mở rộng giao lưu với thế giới bên ngoài, thì không thể phát triển được. Muốn tiến kịp các dân tộc khác, chúng ta phải tham gia phân công lao động quốc tế, mở rộng quan hệ kinh tế văn hóa với các nước khác, trước hết là với Liên xô và các nước anh em trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa.

Cuộc vận động đổi mới là xu thế chung và nhu cầu sống còn của các nước xã hội chủ nghĩa. Những cải tổ sâu sắc được thực hiện sẽ đem lại những thay đổi trong đời sống của xã hội xã hội chủ nghĩa, đem lại cho chủ nghĩa xã hội những hình thức tổ chức hiện đại, phát huy cao độ bản chất nhân đạo và tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, tư tưởng, đạo đức và lối sống. Với cuộc vận động đổi mới, nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa sẽ tiến lên chinh phục những đỉnh cao mới trong sự nghiệp xây dựng xã hội mới.

NÂNG CAO CHỨC NĂNG PHÊ PHÁN, CẢI TẠO CỦA LÝ LUẬN MÁC — LÊ-NIN

VŨ NHẬT KHAI *



Trong một thời kỳ khá dài, đặc biệt là trong mấy năm gần đây, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta có những biểu hiện trì trệ, giậm chân tại chỗ, thậm chí trên nhiều mặt, có những bước thụt lùi đáng kể. Cách mạng đang đứng trước những khó khăn to lớn, trầm trọng. Nhưng chúng ta đã chậm trễ trong việc khắc phục những khó khăn đó.

Trong tình hình như vậy, vai trò tiên phong, tác dụng hướng dẫn, chỉ đạo của lý luận đã bị giảm sút, thậm chí trong không ít trường hợp, những luận điểm của nó đã trở thành hoạt động thực tiễn cách mạng, cản trở quá trình phát triển của xã hội. Nguy hại hơn nữa là những quan điểm lý luận đó lại chỉ là những nhận thức ấu trĩ, đơn giản, mang nặng tính « không tưởng » về chủ nghĩa xã hội và về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Biểu hiện tập trung của tình trạng lạc hậu của lý luận, sự xa rời của lý luận so với đời sống là ở chỗ trong các công trình nghiên cứu lý luận, người ta đã không tìm thấy một chủ nghĩa xã hội hiện thực, sống động, phát triển theo phép biện chứng của những mâu thuẫn bên trong và dưới tác động của những động lực đích thực của nó. Thậm chí, có những nhà triết học mác xít quan niệm rằng, trong xã hội xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là trong những xã hội đã bước

vào giai đoạn của chủ nghĩa xã hội phát triển, thì động lực phát triển của xã hội không phải là những mâu thuẫn bên trong của phương thức sản xuất, mà là sự thống nhất về chính trị — tư tưởng của các thành viên, các tầng lớp trong xã hội. Người ta ra sức chứng minh cho sự phù hợp giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, mà lơ là thậm chí ngăn ngại phát hiện và giải quyết những mâu thuẫn còn tồn tại và đang không ngừng nảy sinh giữa hai mặt này của phương thức sản xuất trong xã hội xã hội chủ nghĩa.

Ở nước ta trong thời gian dài, nhiều người chỉ ra sức luận chứng cho « sự phù hợp của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa vừa được xác lập với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất hiện có »; họ cho rằng « quan hệ sản xuất mới đã và đang tạo ra những địa bàn rộng rãi cho sự phát triển của lực lượng sản xuất », mặc dù sau công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, đặc biệt là ngư nghiệp, nông nghiệp có những biểu hiện đình đốn, sa sút. Và còn những vấn đề tương tự nữa. Có thể nói, công tác nghiên cứu lý luận trong những năm qua đã không bám sát những vấn đề nóng hổi, sinh động của thực tiễn cách mạng, không làm được vai trò hướng dẫn, chỉ đạo

(*) Phó tiến sĩ triết học

thực tiễn, không trở thành công cụ nhận thức, khám phá một cách sắc sảo, dùng cảm những màu thuẫn mới nảy sinh, những mặt lạc hậu, tiêu cực tồn tại quá lâu mà không được khắc phục.

Trong những năm qua, ở nước ta cũng như ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa khác, đã xuất hiện rất nhiều hiện tượng mới mẻ, sinh động. Những hiện tượng này diễn ra một cách phổ biến và lặp đi lặp lại, tức là những hiện tượng mang tính quy luật. Đối với khoa học xã hội, đối với những người làm công tác nghiên cứu lý luận, khi trong thực nghiệm cũng như trong đời sống, xuất hiện những « sự kiện » như vậy, những sự kiện vượt ra ngoài khuôn khổ của hệ thống lý luận đã hình thành, những sự kiện không phù hợp thậm chí trái ngược với những luận điểm đã được khẳng định và từ bao lâu nay vẫn được mọi người xem như những « lẽ phải thông thường », thì đó chính là những thời cơ thuận lợi để bổ sung, phát triển và hoàn thiện hệ thống luận điểm đã có. Tiếc rằng những sự kiện đó đã không được giới lý luận quan tâm một cách đầy đủ. Hình như ở một số người làm công tác lý luận đã mất đi khả năng nhạy cảm để kịp thời phát hiện và nắm bắt những dấu hiệu của sự không phù hợp giữa lý luận và đời sống. Nói cho đúng ra thì không phải là trong những năm qua, chúng ta hoàn toàn không « cảm thấy » những chỗ « không ăn khớp » đó. Nhưng nếp tư duy trì trệ, cứng nhắc tồn tại trong một thời gian quá dài, đã làm cho « cảm quan lý luận » của chúng ta bị « xơ » ra, bị « chai » đi. Quả là chúng ta cũng có biết đến hiện tượng trong các hợp tác xã nông nghiệp lúa chín đầy đồng mà người xã viên lại bỏ ruộng đi buôn, hiện tượng những cái ao, mảnh vườn vốn là nguồn thu nhập to lớn của người nông dân đã trở nên vô dụng sau khi được hợp tác xã công hữu hóa, hiện tượng những chuồng lợn

tập thể, đàn trâu bò của hợp tác xã gây yếu, « đổ » hàng loạt trong những ngày đông tháng giá... Chúng ta cũng có biết đến, hơn nữa bản thân cũng đã phải gánh chịu hậu quả của các hoạt động dịch vụ tồi tệ, tình hình sản xuất sa sút, thua lỗ của các xí nghiệp công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp (mặt hàng ngày càng đơn điệu, chất lượng ngày càng xấu kém). Nhưng biết vậy mà chúng ta vẫn không có được một sự băn khoăn, dằn vặt khi nói và viết về tính ưu việt của lối làm ăn tập thể, về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất. Còn có thể kể ra đây những ví dụ khác nữa. Vì sao bệnh giáo điều, kinh viện lại có thể ngự trị trong đời sống lý luận, đặc biệt là trong các ngành khoa học xã hội như vậy?

Trước hết, về mặt nhận thức luận, chúng ta đã phạm sai lầm trong việc nhận thức và vận dụng lý luận Mác - Lê-nin. Nhiều nguyên lý, luận điểm được trình bày trong tác phẩm của các nhà kinh điển đã bị tuyệt đối hóa và xem như những « chân lý tuyệt đối », tức là những chân lý ở cấp cuối cùng của quá trình nhận thức. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin là kết tinh toàn bộ kho tàng tri thức của loài người, là một trong những đỉnh cao mà loài người đã đạt tới trong quá trình nhận thức. Tuy vậy bản thân nó, cũng như mọi hệ thống tri thức khác mà loài người đã có được trong một thời điểm nào đó vẫn chỉ là những chân lý tương đối. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin là vận động không phải lỗi chỗ rồi đã nắm được những chân lý vĩnh cửu, những « luận điểm ở cấp cuối cùng ». Cũng như mọi khoa học, nó mạnh là nỗ lực tiếp nhận những tri thức mới, năng lực tự biến đổi và tự hoàn thiện bản thân mình, do đó mà phân ảnh ngày càng đầy đủ hơn, chính xác hơn, toàn diện hơn thế giới khách quan, tức là năng lực trong quá trình phát triển, không xa rời khách thể mà mãi mãi tiến gần đến khách thể.

Là những nhà khoa học chân chính, thấm nhuần tinh thần phê phán cách mạng của phép biện chứng duy vật, những nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác không bao giờ lại coi học thuyết của mình như một hệ thống khép kín chỉ bao gồm toàn những « chân lý vĩnh cửu ». Bản thân Ph. Ăng-ghe-n, trong lời tựa viết cho « Tuyên ngôn Đảng cộng sản » xuất bản năm 1872, 25 năm sau ngày văn kiện này ra đời, đã viết rằng « Chính ngay « Tuyên ngôn » cũng đã giải thích rõ rằng bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, việc áp dụng những nguyên lý đó cũng phải tùy theo hoàn cảnh lịch sử đương thời, và do đấy, không nên quá câu nệ vào những biện pháp cách mạng nêu ra ở cuối chương II. Đoạn này ngày nay mà viết lại thì về nhiều mặt, cũng phải viết khác đi » (1). Từ lúc Ph. Ăng-ghe-n viết lời tựa này đến nay, hơn một thế kỷ đã qua đi với biết bao biến đổi « long trời lở đất ». Chúng ta đang sống trong một thế giới có những điều kiện, hoàn cảnh đổi khác, những điều mà chẳng những chưa nằm trong dự kiến của các nhà kinh điển, mà ngay cả bản thân những con người hiện đại chúng ta chỉ mới cách đây không lâu cũng chưa hề nghĩ đến. Vậy mà, chúng ta đã bỏ sung, phát triển và đổi mới được bao nhiêu những luận điểm trong kho tàng lý luận mà các bậc thầy để lại cho chúng ta? Việc lý luận không hình dung được sự phát triển của thực tiễn trong toàn bộ những diễn biến cụ thể và sự biến hiện phong phú của nó là chuyện bình thường. Hơn nữa trong đời sống hằng ngày, có những sự kiện mới nảy sinh, những sự kiện nằm ngoài khuôn khổ của hệ thống lý luận đã hình thành, thậm chí trái ngược với những luận điểm truyền thống cũng là điều bình thường. Những sự kiện nảy sinh trong thực tiễn một mặt không thể hiện toàn bộ nội dung những điều đã được dự kiến, thiết kế trong tư tưởng, một mặt khác, lại

vượt xa hơn nhiều so với tư tưởng. Nó làm bộc lộ những nhân tố chưa được dự kiến bởi một hệ thống lý thuyết đã có, làm nảy sinh những khía cạnh mới, bất ngờ, khiến ta phải kinh ngạc. Việc quán triệt nguyên tắc về sự thống nhất giữa lý luận với thực tiễn không có nghĩa là hễ ở nơi nào, lúc nào, trong quá trình phát triển của đời sống hiện thực, nảy sinh những mâu thuẫn nào đó, một sự « không ăn khớp » nào đó giữa lý luận với thực tiễn thì phải sửa đổi thực tiễn cho phù hợp với lý luận, mà phải bằng cách xuất phát từ những sự kiện có thực trong đời sống, để bổ sung, phát triển lý luận. Lý luận phải có khả năng tự biến đổi, tự mở rộng để phản ánh, nắm bắt những sự kiện mới mẻ, mặc dù, nhiều khi đó là những sự kiện буржуазный, và những « sự thật đau lòng ».

Sự tuyệt đối hóa một số luận điểm nào đó của các nhà kinh điển, việc cường điệu theo tinh thần chủ nghĩa giáo điều về tính chân lý của lý luận Mác - Lê-nin, quan niệm về niềm tin, lòng trung thành tuyệt đối với chủ nghĩa Mác - Lê-nin như sự cường tín của các tín đồ đối với các giáo lý, quả thực đã hạn chế khá nhiều khả năng suy nghĩ độc lập của chúng ta, đã cản trở chúng ta hành động một cách sáng tạo, dũng cảm, quả quyết và thực tế. Một thời gian khá dài, tất cả những điều gì chưa được các nhà kinh điển nói đến trong thực tế thường rất khó được chấp nhận, những điều gì trái với những luận điểm « truyền thống » bị coi là trái với chân lý và bị bác bỏ.

Sự thận trọng trong khoa học là cần thiết, nhưng một sự « cảnh giác » chưa được tinh thần bảo thủ và bất khả tri lại cản trở nghiêm trọng cho hoạt động nhận thức và thực tiễn của con người.

(1) Mác - Ăng-ghe-n: *Tuyên ngôn*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1980, t. 1 tr. 504

Tài năng, uy tín, sự uyên bác và sáng suốt của các nhà kinh điển, nếu bị cường điệu và tuyệt đối hóa theo chủ nghĩa tín ngưỡng dễ đem lại cho chúng ta một mặc cảm « các bậc thầy đã nói đủ cả rồi, và đúng cả rồi, chúng ta không thể nghĩ thêm, càng không thể làm khác bất cứ điều gì! ». Và nguy hại hơn là người ta nhìn nhận sự hoài nghi trong nhận thức, vốn rất tự nhiên và rất cần thiết cho sự phát triển lý luận, khoa học như là một sự hoang mang, dao động về lập trường tư tưởng và quan điểm chính trị, coi sự phát hiện, sự phê phán những nhân tố không hợp lý trong chủ trương, chính sách, thể chế hiện hành như là một sự phản ứng, chống đối lại chế độ. Sự ngộ nhận có hại đó đã biến công tác nghiên cứu lý luận (vốn là một hoạt động tinh thần hết sức căng thẳng, vất vả, đòi hỏi ở người nghiên cứu một sự hao phí to lớn về năng lượng thần kinh, nhiều khi phải dấn vật, trần trụi, dễ khám phá những chần lỵ mới, những mâu thuẫn bên trong sự vật, những tính quy luật ẩn giấu đằng sau các sự kiện) thành công việc thuyết minh, tán tụng nhưng thường cũng rất nóng cạn, nhạt nhẽo cho những cái đã trở nên lỗi thời, không còn thích hợp với những điều kiện đã hoàn toàn đổi mới. Tình hình trên đây đã dẫn đến một hậu quả đáng tiếc là làm nảy sinh trong giới lý luận một số người nghiên cứu mang tính chất cơ hội chủ nghĩa. Những « nhà nghiên cứu » này đã nhanh chóng rút ra từ thực tế công việc làm ăn một số những « thủ thuật hành nghề ». Tiêu chuẩn quan trọng nhất trong hoạt động nghiên cứu của họ là nói cái gì, viết thế nào để các giới có thẩm quyền có thể chấp nhận được. Và phải nói là trong việc vận dụng ngôn từ, họ cũng tỏ ra có nhiều xảo thuật. Chẳng hạn, khi muốn giảm nhẹ những sai lầm, khuyết điểm chủ quan, thì đã có « lý luận » về vai trò quyết định của những điều kiện khách quan, quyết định đến nỗi dù nhân tố

chủ quan không mắc phải một sai lầm, thiếu sót nào, thì tình hình cũng chẳng khác hơn được bao nhiêu. Hoặc khi những chủ trương, biện pháp quản lý kinh tế không những không thúc đẩy mà còn cản trở, kìm hãm sự phát triển của sản xuất, thì đã có « lý luận » về sự phù hợp giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất phải được hiểu như một quá trình v.v. « Lý luận » như vậy đã không còn là công cụ để khám phá sự thật, phát hiện mâu thuẫn, hướng dẫn thực tiễn nữa, mà trở thành những « bông hoa giả dối » trang điểm cho những cái đã lỗi thời.

Chủ nghĩa cơ hội trong nghiên cứu lý luận còn thể hiện ở chỗ « lựa theo chiều gió », khi nói thế này, lúc nói thế khác theo lối tùy tiện, không có cơ sở khoa học và vô nguyên tắc, nhằm phục vụ cho ý đồ không tốt.

Cho nên, những nấc thang giá trị trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học bị đảo lộn. Tri trệ, bảo thủ được coi là vững vàng, kiên định; lười biếng, dể dãi được coi là trung thành, tận tụy; hời hợt, nóng cạn trong suy nghĩ lại được coi là sự lành mạnh về lập trường, tư tưởng.

Những điều sai trái đó đã cản trở việc tạo ra một địa bàn rộng rãi, những điều kiện thuận lợi cho hoạt động nghiên cứu lý luận, hạn chế khá nhiều sự phát triển của nhận thức xã hội. Mâu thuẫn thì không ngừng nảy sinh và luôn luôn là động lực bên trong của sự phát triển của mọi sự vật, hiện tượng, nhưng trong công tác nghiên cứu lý luận, chúng ta lại thường coi nhẹ, thậm chí lẫn tránh việc phát hiện mâu thuẫn và chỉ ra con đường, biện pháp giải quyết mâu thuẫn.

Lòng trung thành của chúng ta đối với chủ nghĩa xã hội bị đóng chặt với sự chấp nhận vô điều kiện đối với « một trạng thái hiện tồn, không có mâu thuẫn » nào đó của chủ nghĩa xã hội. Trong một thời kỳ khá dài, nhiều luận điểm trong nhận thức lý luận,

nhiều hình thức tổ chức của đời sống xã hội, nhiều cơ chế, thể lệ, chính sách quản lý, điều hành chính trị, kinh tế, văn hóa, v.v. đã bị tuyệt đối hóa và do đó đã nhanh chóng trở thành những hình thức cứng nhắc, không còn phù hợp, thậm chí cản trở sự phát triển của nội dung của chúng. Rõ ràng là ở đây một trong những chức năng quan trọng nhất của lý luận là sự phát hiện những mâu thuẫn, phê phán những mặt lạc hậu, tiêu cực, bất hợp lý của « cái hiện tồn » đã không được thực hiện.



Việc thực hiện đường lối đổi mới do Đại hội lần thứ VI của Đảng đề ra sẽ gặp nhiều khó khăn, nếu không đầy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, đặc biệt là nâng cao vai trò phê phán, cải tạo cách mạng của lý luận Mác-Lê-nin.

Đồng chí M.X. Goóc-ba-trốp nói: « Trước khi đạt được một trạng thái mới về chất của xã hội chúng ta, Chúng ta phải giành được những thắng lợi to lớn về mặt trí tuệ, tiến lên một bước cơ bản trong lĩnh vực lý luận.

trong tư duy sáng tạo về những hiện tượng mới, những quá trình mới của cuộc sống » (2).

Trước yêu cầu to lớn và cấp bách đó, những người làm công tác giảng dạy và nghiên cứu lý luận Mác-Lê-nin chúng ta càng nhận rõ trách nhiệm rất vẻ vang và cũng rất nặng nề của mình. Để làm tròn trách nhiệm này, những người làm công tác lý luận phải thật sự đổi mới tư duy, có phương pháp tư duy, phương pháp nghiên cứu đúng đắn, khoa học, không ngừng trang bị vốn liếng lý luận, bổ sung những hiểu biết thực tiễn, làm việc với ý thức trách nhiệm và thái độ mạnh dạn, sáng tạo.

Chúng ta cố gắng làm theo lời dạy của V.I. Lê-nin: « Nghĩa vụ đầu tiên của những người muốn tìm « những con đường dẫn đến hạnh phúc của loài người » là không được tự lừa dối mình và phải dũng cảm thẳng thắn thừa nhận sự thật... » (3).

(2) M.X. Goóc-ba-trốp. « *Đời nói tại hội nghị các tổ trưởng b) môn khoa học xã hội của trường đại học* », báo *Sự thật* (Liên xô), ngày 2-10-1986.

(3) V.I. Lê-nin: *Tuyển tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1973, t. 3, tr. 510.

TIẾT KIỆM — MỘT QUỐC...

(Tiếp theo trang 19)

hơn. Trong tiêu dùng, tiết kiệm là thực hiện chỉ tiêu ở mức cần thiết, có ích trong phạm vi sản xuất và năng suất lao động cho phép, không xa hoa lãng phí của công. Vì vậy, cần có những quy định nghiêm ngặt về phẩm chất, quy cách, tiêu chuẩn ở từng công đoạn cho đến sản phẩm hoàn chỉnh cuối cùng. Khuyến khích việc sản xuất ra các sản phẩm có chất lượng cao, thực hiện xử phạt về kinh tế đối với những xí nghiệp sản xuất ra các sản phẩm với chất lượng xấu, không đúng quy cách.

— Thường xuyên giáo dục ý thức tiết kiệm: mọi chủ trương, quyết định chỉ

có hiệu lực khi nó biến thành hành động tự giác và nếp sống thường xuyên của mọi người dân.

Chúng ta cần có nhiều hình thức tổ chức phong phú để động viên và tạo ra phong trào quần chúng thực hiện tiết kiệm một cách tự nguyện. Bên cạnh việc giáo dục, cần nghiêm khắc đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực, xử lý kịp thời những cán bộ, đảng viên lợi dụng chức quyền, tham ô, ăn cắp hoặc cố ý làm sai nguyên tắc gây nên lãng phí lớn tài sản xã hội chủ nghĩa.

Về hoạt động lý luận, tư tưởng hiện nay

HỒ VĂN THÔNG *

RẤT tiếc, nhiều cán bộ chúng ta, khi tiếp cận và truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã không biết «đổi xử với nó như một khoa học», không nhận thức và vận dụng được hệ thống các quy luật của nó, nhất là không thấm nhuần tinh thần năng động, sáng tạo của nó. Có không ít trường hợp đã truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin như là những lý tưởng, đạo đức tốt lành về bình đẳng xã hội, về chống áp bức bóc lột... Sự truyền bá đó đã không đi vào bản chất của chủ nghĩa Mác - Lê-nin từ nhiều vấn đề rất cơ bản, để cho khuynh hướng tình cảm trừu tượng, nhất là của phương Đông, kéo lùi chúng ta trở về với quá khứ. Người cộng sản coi trọng tình cảm và lý tưởng. Nhưng tất cả điều đó phải được rút ra và xây dựng trên cơ sở nhận thức và vận dụng tinh tất yếu khách quan của sự vận động xã hội, chứ không phải từ lòng mong muốn chủ quan của chúng ta. Từ tình cảm đạo đức phải đi đến lý luận khoa học, và từ lý luận khoa học mà xây dựng lại tình cảm đạo đức để hành động. Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, việc bỏ mất khâu lý luận khoa học thường dẫn đến bị kích là muốn «tích cực» lại thành ra «tiêu cực», muốn «đạo đức» lại hóa ra «phi đạo đức», muốn phát triển sản xuất lại hóa ra

cản trở sản xuất do mắc phải bệnh trì trệ, bảo thủ.

Hiện nay chúng ta đang đứng trước yêu cầu cấp bách phải đổi mới rất nhiều vấn đề về quan điểm lý luận và tổ chức thực tiễn để thật sự quán triệt được thực chất của chủ nghĩa cộng sản khoa học, phát huy được tinh ưu việt của con đường xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Để làm được việc đó, chúng tôi cho rằng trước hết phải nhìn thẳng vào bệnh kinh nghiệm chủ nghĩa trong chỉ đạo thực tiễn và hoạt động yếu kém của chúng ta về lý luận và tư tưởng.

Kinh nghiệm là những hiểu biết trực tiếp từ các biểu hiện bên ngoài của các đối tượng do tiếp xúc, quan sát, thực nghiệm. Đó là điểm xuất phát, cơ sở ban đầu vô cùng quan trọng của nhận thức nhân loại. Tri thức kinh nghiệm càng phong phú thì càng tạo ra nhiều dữ kiện cho khái quát lý luận. Đặc biệt là trong hoạt động xã hội, thì bề dày của cuộc sống trong mỗi người là điều hết sức quan trọng để có nhận thức đúng về xã hội. Thiếu kinh nghiệm sống thì ít có khả năng nhận thức và vận dụng lý luận khoa học xã hội. Chúng ta chống chủ nghĩa kinh nghiệm, chứ không chống trí

(*) Giáo sư triết học

thức kinh nghiệm. Những người theo chủ nghĩa kinh nghiệm đã tuyệt đối hóa tri thức kinh nghiệm, coi thường lý luận, coi thường sự trừu tượng hóa của tư duy. Dù quan trọng đến mấy thì tri thức kinh nghiệm cũng chỉ mới nắm cái bề ngoài, chứ chưa nắm được bản chất của sự vật, mới nắm được tổng số giản đơn, chứ chưa nắm được liên hệ tất yếu giữa các sự vật. Tuyệt đối hóa, dùng lại ở đây sẽ dẫn đến chủ nghĩa chủ quan, bảo thủ, thực dụng, không có định hướng cơ bản, lâu dài. Đằng sau các sự kiện, còn ẩn giấu những quan hệ phức tạp, sâu xa hơn, và có những lĩnh vực không thể trực tiếp tiếp cận được. Ở đây phải sử dụng năng lực tư duy trừu tượng. Khi nào mà hoạt động của con người phải tìm tòi cái tất yếu, những mối liên hệ có tính quy luật thì lúc đó phải nói đến lý luận. Kinh nghiệm không thể vượt xa hơn thì lý luận bắt đầu. (Linh học ra đời là từ đo đạc ruộng đất, nhưng chỉ đo đạc thôi thì không thể có hình học được).

Tri thức lý luận là trình độ đi sâu vào nắm cái phổ biến, cái bản chất của đối tượng. Khi đạt đến trình độ khoa học thì đó là vấn đề nhận thức và vận dụng các quy luật khách quan, và đạt đến trình độ này càng cao bao nhiêu thì năng lực cải tạo tự nhiên, xã hội càng lớn bấy nhiêu. Lý luận, do đó không phải là xa sự vật mà là gần sự vật hơn là hiểu biết kinh nghiệm, lý luận cũng không phải là trừu tượng xa cuộc sống, mà là quá trình nắm cái tất yếu chi phối mọi hiện tượng riêng biệt, là sự luận chứng theo các đòi hỏi chặt chẽ của các quan hệ khách quan trong cuộc sống, là quá trình sáng tạo lại hiện thực dưới dạng tinh thần (sản xuất tinh thần), là quá trình tìm tòi biện pháp để hành động, chuyển tư tưởng thành hoạt động thực tế.

Lý luận khoa học không phải là chủ nghĩa giáo điều, mà thực chất là quá

trình xác định quan điểm, mục đích và phương pháp hành động cải tạo hiện thực.

Ở thời đại có nhiều biến đổi cách mạng như hiện nay mà có những cán bộ coi thường tư duy trừu tượng và lý luận khoa học là họ tự đánh mất một phần hết sức quan trọng tư cách người cán bộ cách mạng, người cộng sản của mình. Đây là một điều quá thừa không cần nói đến chăng? Rõ ràng là có không ít cán bộ trung, cao cấp hiện nay đang sùng bái kinh nghiệm cũ của mình, đang chỉ đạo nhiều lĩnh vực, phạm vi thực tiễn rất phức tạp của cách mạng xã hội chủ nghĩa nhưng lại không có hiểu biết lý luận cần thiết về chủ nghĩa xã hội khoa học, về thời đại hiện nay. Ngoài một số câu chữ, khẩu hiệu được nhớ như những giáo lý, khi đi vào hành động, họ chỉ có thể thực hiện các khẩu hiệu đó theo hiểu biết có tính chất kinh nghiệm của cá nhân. Điều có phải sự thoái hóa trong sinh hoạt, ức hiếp quần chúng, lo toan cá nhân mới là vấn đề mất phẩm chất của cán bộ. Chính việc lười học tập lý luận khoa học là một trong những biểu hiện quan trọng nhất của sự mất phẩm chất cộng sản.

Tại sao trong chỉ đạo thực tiễn có những cán bộ phạm nhiều sai lầm nghiêm trọng không đáng Có? Có nhiều nguyên nhân, nhưng một nguyên nhân chủ yếu là do trình độ nhận thức về cách mạng xã hội chủ nghĩa còn thấp và hiểu sai lệch nhiều vấn đề rất cơ bản. Bởi vậy, muốn giải quyết vấn đề cán bộ cho cách mạng xã hội chủ nghĩa thì điều cơ bản là nâng cao năng lực trí tuệ. Rõ ràng, trong thời đại ngày nay muốn chỉ đạo thực tiễn cách mạng phải nhận thức và vận dụng được các quy luật khách quan, tức là phải có lý luận khoa học.

Hoạt động lý luận hay hoạt động thực tiễn đều phải được đặt trên cơ

sở thống nhất lý luận khoa học với thực tiễn cách mạng. Lý luận phải từ thực tiễn và vì thực tiễn. *Thực tiễn phải được chỉ đạo, tổ chức bằng lý luận.* Không tiêu chuẩn hóa cán bộ về mặt này thì chúng ta không thoát nổi tình trạng giậm chân lâu dài trong sản xuất nhỏ.

Mặc dù lĩnh vực lý luận hay lĩnh vực thực tiễn đều có tính độc lập tương đối, nhưng khi sự nghiệp cách mạng càng phát triển phức tạp bao nhiêu thì hai mặt đó càng thâm nhập vào nhau bấy nhiêu. Cán bộ lý luận phải am hiểu thực tiễn sâu xa thì hoạt động lý luận của họ mới phục vụ có hiệu quả cho việc chỉ đạo thực tiễn. Còn cán bộ chỉ đạo thực tiễn phải có trình độ lý luận, năng lực tư duy khoa học để tổ chức hành động, làm cho xã hội thực sự phát triển và góp phần bổ sung, làm phong phú thêm lý luận. Không có bức tường ngăn cách nào giữa lý luận và thực tiễn trong từng lĩnh vực, từng con người chúng ta. Mỗi cán bộ chúng ta nhất là cán bộ trung cao cấp của Đảng phải là một thể thống nhất của cả hai mặt đó. Và trong những hoàn cảnh nhất định, khi cần thiết có thể chuyển một số người từ công tác lý luận sang công tác chỉ đạo thực tiễn và ngược lại. Sự hình thành đội ngũ cán bộ cao cấp của chúng ta ở một mức độ nhất định cần phải như thế. Có dòng chảy xuôi ngược này trong sử dụng và đào tạo cán bộ, chúng ta sẽ thật sự nâng cao được trình độ công tác cả trong lĩnh vực lý luận lẫn trong chỉ đạo thực tiễn. Đó còn là con đường lựa chọn, thay đổi cán bộ rất quan trọng. Nó giải quyết được việc tách rời lý luận với thực tiễn, cũng như giải quyết vấn đề tâm lý, tư tưởng cứ bám lấy chức, quyền dù tri tuệ thấp kém và ngược lại, cứ sinh nói lý luận suông mà không làm cho lý luận thực sự có giá trị thực tiễn.

Toàn bộ sự nghiệp cách mạng của chúng ta được thực hiện thắng lợi đến

mức nào là phụ thuộc vào trình độ khoa học, lý luận của cán bộ ta đã đạt đến đâu. Trước hết, đó là trình độ hiểu biết và vận dụng sáng tạo những nguyên lý phổ biến chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào các hoàn cảnh khác nhau trong thời đại ngày nay. Chính từ những bài học của cuộc sống, chúng ta đã xem sự kém phát triển và lệch lạc trong công tác lý luận tư tưởng và tổ chức cán bộ là nguyên nhân của các nguyên nhân gây nên những thiếu sót, sai lầm trong thời gian vừa qua.

Đã đến lúc chúng ta phải nhìn thẳng vào sự thật trong lĩnh vực công tác lý luận, tư tưởng của chúng ta, tự phê phán mạnh mẽ để có những đổi mới thật nhanh chóng kịp với yêu cầu hiện nay của cách mạng. Đại hội lần thứ VI của Đảng đã thẳng thắn đánh giá tình hình và đưa ra phương hướng đổi mới hoạt động lý luận tư tưởng. Nhưng trong nhiều tháng qua hoạt động lý luận tư tưởng của chúng ta vẫn chưa có những sự đổi mới cần thiết.

Một trong những nhiệm vụ quan trọng của các cơ quan lý luận, tư tưởng trong xã hội ta là nghiên cứu lý luận, xây dựng nên những quan điểm lý luận đúng đắn để chỉ đạo cuộc đấu tranh cải tạo xã hội. Nếu chỉ bó hẹp chức trách của các cơ quan ấy vào chỗ đơn thuần tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng thì không tránh khỏi làm triệt tiêu mặt nghiên cứu, tổng kết, đề xuất của công tác lý luận, mà một khi lý luận đã không phát triển thì thực tiễn cũng sẽ trì trệ; đó là điều tất yếu.

Có một số đồng chí lãnh đạo không tin hoặc không hiểu vai trò của lý luận, cho nên đã đóng khung hoạt động lý luận trong việc chỉ được nói, viết theo ý nghĩ của các đồng chí đó. Tình hình này xảy ra làm cho tư duy lý luận trở thành công việc của một

số ít người, những người này mặc nhiên trở thành «bộ óc» suy nghĩ thay cho tất cả. Theo kiểu ấy thì ngàn người hay vạn người cũng chẳng hơn gì một người. Tư tưởng của đông đảo người chỉ là sự triển khai tư tưởng của một số người. Tình hình trở nên nghiêm trọng hơn khi số người chuyên quyền về lý luận, tư tưởng này lại không thật sự hiểu biết lý luận, tư tưởng. Họ chỉ biết hoạt động theo kinh nghiệm sống hàng ngày, và cho đó là lý luận rồi. Đồng nhất kinh nghiệm với lý luận tất yếu sẽ dẫn đến vấp vấp trong quá trình chỉ đạo thực tiễn, gạt bỏ lý luận ra ngoài cuộc sống. Chúng ta phê phán lý luận suông, nhưng nếu coi thường lý luận khoa học thì sẽ khó trở thành người tiên phong thật sự trong thực tiễn cách mạng. Rất tiếc là nhiều cán bộ ta chưa thấy hết ý của Bác Hồ nói rằng thiếu lý luận cũng dẫn đến chủ nghĩa chủ quan. Và những ai coi thường lý luận lại là những người bị chi phối bởi những thứ lý luận tồi tệ và cũ kỹ nhất. Điều này không phải chỉ là thiếu sót của từng cá nhân, mà còn là cơ chế hoạt động chung của chúng ta chưa được tổ chức hợp lý để cho những thiếu sót trên kéo dài, lặp đi lặp lại theo đường mòn khó xóa.

Nhiều cán bộ lý luận, tư tưởng không được đào tạo theo hệ thống, có chiều sâu trí tuệ khoa học và thường không nắm được các thông tin cần thiết, không được thu hút vào quá trình nghiên cứu tổng kết những vấn đề của cuộc sống. Từ đó, năng lực nghiên cứu, đề xuất không được phát huy và nâng cao. Nói một cách khác, cơ chế hoạt động của chúng ta thường chỉ có một dòng hoạt động thực tiễn trực tiếp, còn dòng hoạt động lý luận thì cô lập và ngày càng trầm trọng, nghèo nàn. Sự tách biệt này đã làm cho không dòng nào hoạt động có hiệu quả đáng ra phải có. Tách biệt lý luận với thực tiễn không phải

chỉ là sai sót về ý thức, mà còn là vấn đề có tính chất cơ chế, không những làm cho lý luận trở thành giáo điều, mà còn làm cho thực tiễn diễn biến vòng vèo, thậm chí mất phương hướng.

Trong lĩnh vực hoạt động lý luận, tư tưởng, chúng ta chưa có những chuyên gia giỏi, có những người có ít nhiều khả năng nhưng chưa giỏi, lớp trẻ mới được đào tạo thì chưa có môi trường thích hợp để phát triển. So với các lĩnh vực khoa học khác thì khoa học lý luận Mác - Lênin phát triển chậm hơn rất nhiều cả về số lượng lẫn chất lượng cán bộ cũng như công trình nghiên cứu. Hồ rằng đây là do quan điểm lãnh đạo, tổ chức của các cơ quan Đảng ta. Từ sự sáng tạo lãnh đạo của quần chúng, từ những kinh nghiệm trực tiếp riêng biệt phải qua con đường khoa học, qua tư duy lý luận để trở thành đường lối chính sách của Đảng rồi trở lại với quần chúng, đó là con đường mà chúng ta phải đi: thực tiễn - kinh nghiệm - lý luận - thực tiễn. Không như thế thì chúng ta sẽ không tránh khỏi phong cách hoạt động của những người sản xuất nhỏ cổ xưa là thực tiễn - kinh nghiệm - thực tiễn.

★

Phương hướng và nội dung cơ bản mà công tác lý luận, tư tưởng phải nhằm vào để tự đổi mới hiện nay là những vấn đề do Đại hội lần thứ VI của Đảng đặt ra. Nhưng để làm được việc đó, công tác lý luận, tư tưởng phải giải quyết những vấn đề cơ bản và cấp bách sau đây:

1 - Những quan điểm đúng đắn, khoa học về chủ nghĩa xã hội hiện thực, những vấn đề tổng kết mới của hiện thực xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các nước anh em và những vấn đề của thời đại.

(Xem tiếp trang 45)

Đào tạo công nhân kỹ thuật — một yêu cầu cấp bách

HỒNG LONG *

Dân số tăng nhanh cho nên nguồn lao động của nước ta rất dồi dào. Nếu những năm 70, trung bình hằng năm có 75 vạn người đến tuổi lao động thì những năm 80 là một triệu người. Hiện nay tỷ lệ lao động trong dân số nước ta rất lớn: 48 — 50%. Nhưng do nhiều nguyên nhân, số lao động đã qua đào tạo nghề rất thấp (năm 1978: 8,5%, 1983: 13,5%, 1985: 15%). Chúng ta có khoảng 30 triệu lao động nhưng có đến 26 triệu chưa được đào tạo nghề.

Đội ngũ công nhân kỹ thuật của ta còn nhỏ bé, gần 1,3 triệu trong khu vực sản xuất nông nghiệp, 1,8 triệu trong các ngành tiểu, thủ công nghiệp, 60% tổng số công nhân kỹ thuật hiện nay chưa được đào tạo nghề trong các trường, lớp chính quy. Số người được tuyển để đào tạo công nhân kỹ thuật ít và ngày càng giảm (năm 1977: 20 vạn, 1979: 6,3 vạn, từ 1980 — 1984 mỗi năm tuyển 5 vạn). Số lượng tuyển hằng năm không đủ bù cho số công nhân hao hụt tự nhiên (5 — 7%/năm). Bình quân bậc thợ cũng thấp, năm 1969 là 2,31, 1973: 2,11, 1975: 2,16, 1985: 3,25. Số thợ bậc 1 và 2 chiếm 57,56%; bậc 3 và 4: 38,17%, bậc 5, 6, 7: 3,97%. Thợ bậc 7 chỉ có hơn 3000 người. Đó là một trong những nguyên nhân quan trọng làm cho chất lượng sản phẩm kém, trang thiết bị hư hỏng nhiều.

Hằng năm nước ta có 80 vạn học sinh phổ thông cơ sở (11 — 16 tuổi), 20 vạn học sinh phổ thông trung học (15 — 18 tuổi) không có điều kiện học lên nữa, cần có nghề nghiệp và công ăn việc làm. Thế mà hệ thống trường, lớp dạy nghề rất nhỏ bé, mất cân đối nghiêm trọng. Cả nước có gần 13 triệu học sinh phổ thông với 12291 trường phổ thông cơ sở, 910 trường phổ thông trung học nhưng chỉ có 298 trường dạy nghề với 12 vạn chỗ học. Hằng năm hệ thống trường dạy nghề chỉ thu nhận 6% tổng số học sinh phổ thông tốt nghiệp. Hệ thống giáo dục phổ thông trung học quá lớn, không cân đối với hệ thống giáo dục chuyên nghiệp, không phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước. Ở những nước có nền kinh tế phát triển như Cộng hòa dân chủ Đức, cứ 378 người mới có một chỗ học phổ thông trung học, ở Tiệp Khắc là 110 người, còn ở nước ta là 86 người. Ở các nước phát triển trung bình cứ 1 em học sinh phổ thông trung học thì có một em được đào tạo nghề, ở một số nước đang phát triển tỷ lệ này là 1/6, còn ở nước ta cứ 100 em mới có một em được đào tạo nghề.

(*) Thứ trưởng Bộ đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề

Mặc dù tỷ lệ số người có trình độ đại học và số năm học đại học tính trung bình cho một lao động ở nước ta vào loại thấp của thế giới, nhưng tỷ lệ đó vẫn không tương xứng với ngành dạy nghề. Chúng ta có 128 nghìn chỗ học đại học, 121 nghìn chỗ học chuyên nghiệp và 120 nghìn chỗ học nghề. Tỷ lệ « hai thầy một thợ » đã là mất cân đối và không phù hợp. Ở nước ta trung bình cứ một cán bộ có trình độ đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp thì có 2,8 công nhân, còn ở các nước xã hội chủ nghĩa đã phát triển tỷ lệ này thường là một cán bộ đại học, 20 – 30 cán bộ trung cấp, 50 – 60 công nhân kỹ thuật. Chúng ta có 6000 tiến sĩ và phó tiến sĩ nhưng thợ bậc 7 chỉ có 3000 người.

Mạng lưới trường dạy nghề của ta rất thưa thớt, yếu kém và lạc hậu. Cơ cấu ngành nghề ít phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội của cả nước và từng địa phương. Việc tuyển sinh, đào tạo, sử dụng không ăn khớp với nhau. Trong tổng số 298 trường dạy nghề chỉ có 40 trường phần lớn là những trường được sự giúp đỡ của nước ngoài với 25 nghìn chỗ học là tương đối có đủ điều kiện để đào tạo. Việc đầu tư của Nhà nước cho nền giáo dục nói chung và cho dạy nghề nói riêng còn chưa tương xứng. Hàng năm ngành dạy nghề chỉ được đầu tư 0,5% tổng thu nhập quốc dân (các nước ở khu vực Đông Nam Á thường là 7 – 9%). Nhiều phương tiện dạy nghề quá lạc hậu, nhiều trang thiết bị, máy móc do các cơ sở sản xuất thải ra hoặc không dùng được nữa mới đưa vào các trường, lớp dạy nghề. Nội dung, chương trình đào tạo chưa thống nhất. Tình trạng khá phổ biến là cùng một nghề, một bậc thợ nhưng có sự chênh lệch đáng kể giữa trường ở địa phương với trường ở trung ương, giữa ngành với xí nghiệp. Thậm chí trình độ nghề nghiệp của học sinh

hai trường cùng một ngành cũng chênh lệch nhau đáng kể. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý vừa thiếu vừa yếu, nhất là những giáo viên dạy thực hành. Chúng ta có 7000 giáo viên dạy nghề nhưng khoảng 1/3 số đó chưa được đào tạo, bồi dưỡng có hệ thống.

Một vấn đề đáng lo ngại là tâm lý thoát ly lao động chân tay rất nặng nề. Thanh niên không được giáo dục, chuẩn bị để trở thành người lao động có kỹ thuật trực tiếp làm ra của cải vật chất cho xã hội. Năm 1981, Tổng cục dạy nghề đã điều tra nguyện vọng nghề nghiệp của 9000 học sinh ở 10 trường dạy nghề và ở 13 trường phổ thông trung học. Kết quả là 89,4% học sinh muốn vào học đại học và trung học chuyên nghiệp (71,8% muốn vào đại học), 4,7% học sinh muốn vào trường dạy nghề. Năm 1986 lại điều tra nguyện vọng của 660 học sinh tốt nghiệp phổ thông trung học ở 4 trường ngoại thành Hà Nội. Tỷ lệ học sinh muốn vào đại học và trung học chuyên nghiệp vẫn ở mức 81,6%. Đối với những học sinh đã vào các trường dạy nghề có 12% thờ ơ với nghề, 17,6% muốn chuyển nghề, 3,3% bỏ nghề.

Có nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan dẫn đến tình hình yếu kém trên đây. Mặc dù đã có nhiều nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Nhà nước ta nhằm củng cố, mở rộng các trường, lớp dạy nghề để đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật nhưng nói chung các nghị quyết, chỉ thị đó ít được thực hiện. Nhiều ngành, nhiều cấp ủy đảng, kể cả một số cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ở trung ương, chưa nhận thức đầy đủ, đúng đắn vai trò, vị trí của công tác dạy nghề cho người lao động. Do cơ chế quản lý tập trung, quan liêu, bao cấp tồn tại quá lâu và nặng nề, do quan niệm giáo dục nói chung và dạy nghề nói riêng đơn thuần chỉ là phúc

lợi xã hội, cho nên đã gây nhiều cản trở cho sự phát triển của công tác dạy nghề. Một nguyên nhân quan trọng nữa là nói chung chúng ta chưa có chế độ thật sự khuyến khích, coi trọng những tài năng, những thợ bậc cao, những tay nghề giỏi; việc đào tạo và sử dụng còn nhiều chỗ chưa hợp lý và còn bất công cho nên không khuyến khích người công nhân nâng cao tay nghề. Ở nhiều nơi, công tác dạy nghề trì trệ, bế tắc, thậm chí tụt lùi. Thợ lành nghề ít được đào tạo, bồi dưỡng, hồ sung, ngày càng mai một dần. Do đó, vấn đề đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công nhân kỹ thuật đang là một trong những nhu cầu cấp bách của đất nước ta.



Thế giới đã khẳng định rằng 30% sự tăng trưởng của nền kinh tế quốc dân thường do kết quả của việc đào tạo và giáo dục mang lại. Trong thời đại hiện nay, trước sự phát triển vũ bão của khoa học kỹ thuật, vấn đề đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề được tất cả các nước trên thế giới rất quan tâm. Chúng ta có thể mạnh là nguồn lao động dồi dào, người Việt nam thường cần cù, chịu khó, thông minh. Do vậy công tác đào tạo đội ngũ công nhân lành nghề là một trong những phương hướng thiết thực, đúng đắn và cấp bách nhằm đưa đất nước thoát khỏi những khó khăn gay gắt hiện nay. Trên cơ sở quán triệt và cụ thể hóa nghị quyết Đại hội thứ VI của Đảng, ngành đại học và chuyên nghiệp đã bước đầu vạch ra những chương trình, phương hướng nhằm tạo ra những chuyên biến thật sự trong công tác đào tạo, đáp ứng nhiệm vụ kinh tế - xã hội.

Mục tiêu của ngành dạy nghề là đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ công nhân và nhân viên kỹ thuật, nghiệp vụ đồng

bộ về ngành nghề, có phẩm chất chính trị tốt, có tay nghề từ bậc thấp đến bậc cao, có sức khỏe. Hệ thống dạy nghề phải bảo đảm phổ cập nghề cho thanh niên và người lao động có tay nghề tối thiểu, tạo điều kiện cho mỗi thành viên của xã hội trước khi vào lao động sản xuất đều được đào tạo nghề nghiệp.

Với mục tiêu như vậy, hệ thống dạy nghề phải được đa dạng, "mềm hóa", bao gồm nhiều loại hình đào tạo, nhiều hình thức học tập. Để xác lập một hệ thống dạy nghề đúng đắn, phù hợp với tình hình đất nước ta trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, cần phải có thời gian nghiên cứu, thử nghiệm, mày mò, nhưng trong những năm trước mắt có thể có những loại hình đào tạo, bồi dưỡng sau đây:

1. Loại hình chính quy, đào tạo dài hạn (1 - 3 năm): đào tạo, bồi dưỡng công nhân, nhân viên kỹ thuật, nghiệp vụ lành nghề theo chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước và theo một danh mục nghề do Nhà nước quy định nhằm phục vụ tất cả các ngành kinh tế quốc dân. Loại hình này có 2 loại trường.

a - Trường dạy nghề: tuyển những học sinh tốt nghiệp phổ thông cơ sở, đào tạo khoảng 1,5 đến 2 năm; hoặc tuyển những học sinh tốt nghiệp phổ thông trung học, đào tạo khoảng 1 - 2 năm. Sau khi học hết chương trình, những học sinh giỏi (đã tốt nghiệp phổ thông trung học) được thi tuyển vào các trường trung học chuyên nghiệp hoặc trường đại học cùng ngành.

b - Trường dạy nghề trung học: tuyển những học sinh tốt nghiệp phổ thông cơ sở, đào tạo 3 - 4 năm (tùy theo yêu cầu cụ thể của nghề nghiệp). Ở loại trường này, việc đào tạo nghề song song với việc dạy văn hóa phổ thông một cách toàn diện. Sau khi tốt nghiệp, học sinh vừa có trình độ tay nghề tương ứng vừa có trình độ văn hóa phổ thông trung học.

2. Các loại hình không chính quy thực hiện việc đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn (dưới một năm), nhằm phổ cập và bồi dưỡng nghề cho thanh niên và người lao động, thời gian đào tạo rất linh hoạt: 1 tháng, 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, v. v. Loại hình này chủ yếu phục vụ nhu cầu của các khu vực kinh tế tập thể, gia đình, được tổ chức theo phương châm Nhà nước, tập thể và nhân dân cùng làm.

Loại hình đào tạo, bồi dưỡng không chính quy bao gồm nhiều hình thức đào tạo, bồi dưỡng, đáp ứng mọi nhu cầu của người lao động. Đại thể có những loại trường, lớp sau:

a - *Đào tạo tại cơ sở sản xuất* nhằm làm cho công nhân chưa lành nghề đạt kỹ xảo, kỹ năng nghề nghiệp nhất định, đáp ứng nhu cầu về nhân lực luôn luôn biến động ở một nhà máy, xí nghiệp. Có loại kèm cặp cá nhân trong sản xuất đối với những nghề đặc biệt, số lượng ít không đủ mở lớp hoặc đào tạo công nhân bậc thấp với mục tiêu không toàn diện, chủ yếu là thực hành để lao động ở vị trí phụ trợ.

b - *Trung tâm dạy nghề* được tổ chức ở các quận, huyện, thị xã, nhằm đào tạo không toàn diện đội ngũ lao động kỹ thuật (không học văn hóa, quân sự, thể thao...). Trung tâm dạy nghề chủ yếu rèn luyện kỹ xảo, kỹ năng nghề nghiệp trong thời gian ngắn (3 - 6 tháng). Người học muốn trở thành công nhân lành nghề có trình độ chính quy phải được bổ túc cả về lý thuyết lẫn thực hành theo chương trình hoàn chỉnh, toàn diện và phải qua sát hạch.

c - *Lớp dạy nghề dân lập và tư nhân* để duy trì và phát triển những ngành nghề truyền thống, tận dụng mọi khả năng, tay nghề của các nghệ nhân và các thợ bậc cao. Các lớp này đào tạo tùy theo nhu cầu của người học nhưng dưới sự quản lý của các trung tâm dạy nghề quận, huyện, thị

xã và sự chỉ đạo của Ban giáo dục chuyên nghiệp các tỉnh, thành phố. Các trường đại học, trường chuyên nghiệp, các hội khoa học - kỹ thuật, các đoàn thể quần chúng đều có thể mở những lớp dạy nghề ngắn hạn.

Muốn hệ thống dạy nghề trên đây được thiết lập và hoạt động có hiệu quả, riêng ngành đại học và chuyên nghiệp không thể thực hiện được. Cần có sự giúp đỡ của các ngành, các cấp lãnh đạo và sự hưởng ứng của toàn xã hội. Còn rất nhiều vấn đề cần làm sáng tỏ và phải tháo gỡ cả về quan điểm, cơ chế quản lý, nội dung chương trình, chế độ chính sách... nhưng trước mắt Đảng và Nhà nước cần có những chủ trương, biện pháp phù hợp, kịp thời nhằm tháo gỡ những vướng mắc ách tắc hiện nay, mở ra nhiều hướng phát triển cho việc đào tạo, bồi dưỡng công nhân kỹ thuật.

Cần có quy chế rõ ràng về việc tuyển lao động vào các cơ sở sản xuất, các xí nghiệp. Khi tuyển dụng người, dù bất cứ nghề gì, nhất thiết phải tuyển những người đã qua đào tạo nghề nghiệp, có trình độ phù hợp. Đối với những người đi hợp tác lao động ở các nước bạn cũng cần được đào tạo nghề nghiệp. Có như vậy giá trị lao động mới cao, đáp ứng được nhu cầu của nước bạn, hạn chế tình trạng khi chúng ta ký văn bản hợp tác thì lao động của ta có tay nghề, nhưng tuyển người đi thì không đạt yêu cầu đó.

Hệ thống dạy nghề cần được Nhà nước thống nhất quản lý và được phân bổ theo vùng lãnh thổ, theo khu vực kinh tế v. v. Các ngành kinh tế kỹ thuật chỉ đề ra tiêu chuẩn về trình độ, cơ cấu ngành nghề v. v. để ngành dạy nghề đáp ứng mà không nhất thiết phải mở trường, lớp, dạy nghề riêng. Cần có cơ chế phù hợp, đúng đắn để tạo ra sự gắn bó, ràng buộc giữa việc tuyển sinh, đào tạo và

sử dụng, giữa các cơ sở sản xuất, nhà máy với các trường, lớp dạy nghề ...

Cần đầu tư một kinh phí thỏa đáng cho lĩnh vực dạy nghề. Có chế độ chính sách thỏa đáng, phù hợp để nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý ở các trường, lớp dạy nghề. Đặc biệt chú ý đến những thợ bậc cao, những nghệ nhân giỏi về các nghề truyền thống. Trong tình hình

khó khăn hiện nay nên dành toàn bộ nguồn vốn đầu tư của nhà nước cho ngành dạy nghề để xây dựng cơ sở vật chất cho việc dạy và học. Người đi học phải tự lo kinh phí về ăn, ở, giấy bút và một phần học phí. Những học sinh giỏi thật sự mới được cấp học bổng. Có như vậy Nhà nước ta mới chịu nổi gánh nặng về giáo dục hiện nay, việc dạy và học dần dần sẽ có chất lượng.

VỀ HOẠT ĐỘNG

(Tiếp theo trang 40)

2 - Vấn đề con người và quần chúng nhân dân lao động trong đó chủ yếu là việc khai thác yếu tố con người, phát huy tinh thần làm chủ của quần chúng nhân dân lao động, đặc biệt là thực hiện *dân chủ hóa đời sống xã hội chủ nghĩa* (vấn đề của mọi vấn đề trong các nước xã hội chủ nghĩa hiện nay),

3 - Vấn đề động lực hoạt động của con người về mặt vật chất và tinh thần trong chủ nghĩa xã hội.

4 - Khai thác mọi tiềm năng để phát triển kinh tế, đổi mới lực lượng sản xuất đi đôi với đổi mới các hình thức tổ chức quản lý kinh tế. Từ kinh tế và quy luật kinh tế mà tìm tòi nghiên cứu các mặt khác của đời sống xã hội chủ nghĩa và tác động ngược lại của các mặt đó với kinh tế.

5 - Vấn đề xây dựng Đảng và đào tạo cán bộ cho quá trình hình thành và phát triển chủ nghĩa xã hội.

Ít nhất trong vài năm trước mắt phải có nghiên cứu theo chiều sâu và quán triệt được trong hoạt động lý luận tư tưởng của chúng ta những vấn đề nói trên. Ngành triết học sẽ giữ một vị trí hết sức quan trọng trong việc nghiên cứu này.

Đại hội lần thứ VI của Đảng đã khẳng định sự yếu kém về lý luận tư tưởng và tổ chức cán bộ là nguyên nhân của mọi nguyên nhân. Nhưng cho đến nay, chúng ta tuy đã bắt đầu quan tâm đến công tác lý luận, tư tưởng, nhưng còn ở mức quá ít, gần như đứng yên tại chỗ. Nếu công tác lý luận, tư tưởng tiếp tục tụt lại sau thì sự chạy vạy trong thực tiễn sẽ rơi vào tình trạng như cũ ở cực này hay cực kia. Trong khi đó, nhiều nước xã hội chủ nghĩa đang diễn ra sôi động sự đổi mới về các mặt, trước hết là trên lĩnh vực lý luận, tư tưởng.

Mở rộng du lịch, khơi mạnh luồng khách quốc tế

NGUYỄN QUYỀN SINH *

Xã hội càng văn minh thì du lịch càng trở thành nhu cầu cần thiết của con người. Những năm gần đây, hoạt động du lịch đã phát triển mạnh mẽ – và có thể nói rằng hầu như có tính chất bùng nổ – ở nhiều nước trên thế giới. Không chỉ riêng các nước có nền công nghiệp tiên tiến hiện đại, mà ngay một số nước thuộc thế giới thứ ba cũng đã coi du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn. Theo các tài liệu thống kê nước ngoài, tính chung trên thế giới, năm 1985 các nước đã đón 333 triệu lượt người đến du lịch, tăng 13,3 lần so với năm 1950. Chỉ nói riêng các nước ở Đông Nam Á như Xanh-ga-po, Thái lan, In-đô-nê-xi-a v.v. hằng năm số khách nước ngoài đến du lịch ở mỗi nước đó cũng đã lên tới con số hàng triệu. Thu nhập về các hàng hóa và dịch vụ du lịch của các nước trên thế giới năm 1985 lên tới 109,5 tỷ đô la Mỹ, tăng 52 lần so với năm 1950.

Vì sao công tác du lịch được phát triển mạnh như vậy?

Trước hết vì việc phát triển du lịch mang lại hiệu quả kinh tế cao. Theo một số nhà kinh tế học thế giới, trong hoạt động du lịch, tỷ lệ lãi so với các ngành kinh tế khác cao gấp hai đến bốn lần, mà vốn đầu tư ít, thời hạn thu hồi vốn lại nhanh.

Việc phát triển du lịch còn có ý nghĩa chính trị, xã hội, văn hóa. Nó góp phần giải quyết công ăn việc làm cho một lực lượng lớn lao động xã hội, góp phần bảo tồn, khai thác, phát triển các di sản văn hóa của dân tộc, bảo vệ và phát triển môi trường thiên nhiên và xã hội. Việc phát triển du lịch còn tạo điều kiện tuyên truyền đối ngoại có hiệu quả.

Ở nước ta, ngành du lịch ra đời từ nền sản xuất nhỏ, là ngành “bao cấp” của “bao cấp”, cho nên lâu nay hoạt động trong tình trạng khép kín. Trong quá trình đổi mới chung của đất nước, đã đến lúc vấn đề phát triển du lịch, đặc biệt là việc mở cửa đón khách du lịch quốc tế, phải được đặt ra đúng với ý nghĩa và vị trí quan trọng của nó để nó nhanh chóng trở thành một ngành kinh tế thu ngoại tệ có hiệu quả cao.

Bàn đến việc mở rộng du lịch, khơi mạnh luồng khách quốc tế, một câu hỏi đầu tiên được đặt ra là một nước như nước ta vừa thoát khỏi chiến tranh, sự chống phá của các lực lượng đối địch ở ngoài nước còn không nhỏ, lại nghèo về kinh tế, yếu kém về cơ sở vật chất kỹ thuật, thì liệu có thể mở rộng du lịch theo hướng nói trên được không?

(1) Tổng cục trưởng Tổng cục du lịch

Đúng là trên thế giới vấn đề an ninh quốc gia được đặt ra hàng đầu đối với tất cả các nước. Đất nước có an ninh thì mới nói đến việc tồn tại và phát triển được. Và du lịch cũng là một trong những phương tiện để cho tinh báo quốc tế lợi dụng để hoạt động. Song, bảo vệ an ninh quốc gia không có nghĩa là « đóng kín cửa », mà phải tiến hành bằng việc nâng cao tinh thần cảnh giác chính trị, ý thức bảo vệ tổ quốc, bảo vệ bí mật quốc gia cho toàn dân và nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ an ninh. Trong thời đại ngày nay, quá trình quốc tế hóa nền kinh tế thế giới đang diễn ra mạnh mẽ, mỗi nước là một thành viên của « trái đất, ngôi nhà chung », giữa các nước đều có các mối liên hệ kinh tế - xã hội thâm nhập vào nhau thì việc đi lại, giao lưu kinh tế là một tất yếu khách quan trong đời sống chính trị thế giới. Hơn nữa, phát triển du lịch nhằm tăng thêm thu nhập quốc dân, nâng cao mức sống của nhân dân, cũng chính là góp phần tích cực bảo đảm an ninh chính trị. Lại phải thấy rằng, trong số đông đảo khách du lịch đến từ nhiều nước, những người có dụng ý xấu về chính trị, có hoạt động gián điệp, tình báo chỉ là số rất nhỏ. Vì những lẽ trên, ngay cả ở những nước mà an ninh chính trị chưa hẳn đã tốt, việc mở rộng cửa đón khách du lịch nước ngoài vẫn được đặt ra.

Nước ta còn nghèo, cơ sở vật chất kỹ thuật cho ngành du lịch như hệ thống khách sạn, nhà hàng, phương tiện v.v. còn chưa nhiều, lại lạc hậu so với sự phát triển của nền du lịch thế giới, điều đó ai cũng biết. Nhưng bên cạnh đó, phải thấy rằng sau thắng lợi của Tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945, sau chiến thắng Điện biên phủ « chấn động địa cầu », và đặc biệt sau chiến thắng có tính chất quyết định năm 1975, Việt nam trở thành một tiêu điểm có sức hút mạnh mẽ đối với đông đảo nhân dân thế giới. Nhiều người nước ngoài muốn được ít nhất

là một lần thăm Việt nam, đất nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nơi đã lập những kỳ công, từ chỗ hầu như bị xóa tên trên bản đồ thế giới, trở thành một biểu tượng cao đẹp của tinh thần quật khởi dân tộc, của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và chủ nghĩa quốc tế chân chính. Bên cạnh cái kỳ vĩ của dân tộc, đất nước ta có khá nhiều cảnh đẹp với nhiều di tích lịch sử của những thời kỳ dựng nước và giữ nước. Không phải ở đâu trên thế giới cũng có những vùng hấp dẫn như Hạ long, Đồ sơn, Đà lạt, Cổ đô Huế, Nha trang, Vũng tàu, rừng nguyên sinh Cúc phương, Đền Hùng v. v.

Theo những kết quả khảo sát bước đầu, chúng ta có nhiều điều kiện tốt để tổ chức các loại hình du lịch khác nhau :

- Du lịch tham quan
- Du lịch tắm biển
- Du lịch leo núi và săn bắn
- Du lịch chữa bệnh, dưỡng sức
- Các hình thức du lịch nghiên cứu khoa học và chuyên đề khác nhau.

Những du khách từng đến Việt nam đã để lại cho chúng ta những nhận xét đáng tự hào về đất nước, về con người, về lịch sử, về những tiềm năng du lịch của chúng ta. Đó là cơ sở để chúng ta tin vào tương lai của ngành du lịch Việt nam nếu được sự đầu tư thích đáng.

Một vấn đề khác được đặt ra là : vậy thì phải mở rộng du lịch như thế nào. Dĩ nhiên, chúng ta phải lựa sức mình, không thể mở rộng một cách ồ ạt. Để khách du lịch quốc tế vào đã khó, nhưng cái khó hơn là làm sao thỏa mãn được nhu cầu của khách, đặc biệt là đối với những khách từ các nước công nghiệp phát triển vốn quen với những tiện nghi đầy đủ về vật chất. Cái khó là làm sao trong điều kiện tiện nghi chưa cao mà có chất lượng phục vụ tốt, để khách vào ngay một đồng, năm sau cao hơn năm

trước và mỗi người khi rời đất nước ta còn muốn có lần trở lại.

Lâu nay hoạt động du lịch của chúng ta bị nhiều ràng buộc của cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, vẫn coi như chưa được « mở cửa ». Lượng khách quốc tế chưa đạt nổi con số vạn hàng năm, và lượng khách này chủ yếu từ các nước xã hội chủ nghĩa. Chúng ta đã có quan hệ với nhiều hãng du lịch và đã gia nhập tổ chức du lịch thế giới (OMT), nhưng chúng ta chưa khai thác được nhiều sự giúp đỡ về khoa học kỹ thuật, về đào tạo cán bộ, về tài chính v.v. từ tổ chức đó. Các cơ sở vật chất của ngành du lịch tuy có được đầu tư thêm nhưng cũng chỉ đủ để hạn chế tình trạng xuống cấp, kể cả các khách sạn, biệt thự v.v. có tiện nghi đầy đủ. Nhiều danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử nổi tiếng chưa được tu bổ, tôn tạo; điều kiện đi lại chưa được thuận tiện. Nội dung các hoạt động du lịch còn đơn điệu, chưa được đổi mới, chất lượng phục vụ còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu đa dạng của khách, nhất là khách du lịch quốc tế. Hiệu quả kinh doanh du lịch còn thấp. Đó là chưa kể đến một số nguyên tắc thủ tục về xuất nhập cảnh, hải quan, đi lại trong nước, quay phim chụp ảnh đang áp dụng đối với khách du lịch còn gò bó, phiền hà, ảnh hưởng đến việc thu hút khách.

Để mở rộng du lịch trong tình hình nói trên cần có sự nhất trí trong các ngành, các cấp, mà trước hết là trong đội ngũ cán bộ của ngành du lịch về ý nghĩa cấp bách của việc mở rộng du lịch đối với khách nước ngoài.

Sự nhất trí nói trên cần được thể hiện cụ thể bằng việc phân đầu thực hiện thắng lợi chính sách phát triển du lịch của chúng ta. Điều này đã được Đảng ta nêu rõ trong Nghị quyết Đại hội VI và trong các Nghị quyết các Hội nghị Trung ương sau đó. Nhà nước ta cũng đã chủ trương xóa bỏ những chế độ, thủ tục phiền hà

đang gò bó hoạt động du lịch, đã ban hành các quy chế liên ngành (du lịch, nội vụ, ngoại giao, hải quan) về nhập xuất cảnh, thủ tục hải quan và các thủ tục đi lại trong nước, về quay phim chụp ảnh, tiếp xúc v.v. tạo điều kiện thuận tiện cho khách. Các quy chế đó vừa phù hợp với các cam kết, với hiến chương du lịch và tập quán du lịch quốc tế, đồng thời vẫn bảo đảm an ninh tổ quốc.

Vấn đề xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho ngành du lịch cần theo phương châm « lấy ngắn nuôi dài ». Trước hết, chúng ta cố gắng sử dụng tốt các cơ sở hiện có của ngành du lịch, phục hồi các khách sạn, nhà nghỉ và những cơ sở có đủ tiện nghi chưa được sử dụng hợp lý để kinh doanh du lịch. Để có nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, ngoài nguồn vốn trong nước, ngành du lịch cần mở rộng quan hệ hợp tác với các công ty nước ngoài, kể cả hình thức vay vốn ngoại tệ hoặc liên doanh trên cơ sở cùng có lợi. Ngành du lịch cũng cần liên doanh, liên kết với các ngành và các địa phương trong nước để phát huy sức mạnh tổng hợp trong phát triển du lịch. Ở đây cần khẳng định rằng sự nghiệp phát triển du lịch đòi hỏi một sự cố gắng tổng hợp, chỉ riêng ngành du lịch không thể « đơn thương độc mã » đảm đương được, nhất là trong bước đi ban đầu. Mọi ngành có liên quan đến sự nghiệp phát triển du lịch, đặc biệt là các ngành ngoại giao, nội vụ, hải quan, hàng không, an ninh v.v. đều cần có sự đóng góp tích cực.

Trong việc mở rộng du lịch, để tăng thêm sức hấp dẫn đối với khách nước ngoài, việc kết hợp liên hoàn tuyến du lịch ba nước Đông dương là rất cần thiết. Chúng ta nên sớm cùng với các nước Lào và Cam-pu-chia anh em hình thành và hoàn chỉnh các tuyến du lịch ba nước Đông dương. Điều đó không những tạo điều kiện

thuận lợi cho khách, làm cho mỗi chuyến đi của khách thêm nhiều bổ ích, hấp dẫn, mà còn mang lại lợi ích cho mỗi nước, đưa du lịch ba nước trên bán đảo Đông dương cùng phát triển.

Một vấn đề khác được đặt ra trong việc mở rộng du lịch, đó là nguồn khách. Khi chúng ta chưa có đầy đủ cơ sở vật chất kỹ thuật để thỏa mãn tối đa các yêu cầu của khách, khi đội ngũ cán bộ của chúng ta chưa được đào tạo một cách có hệ thống, chính quy và đồng bộ, chưa thể làm thật vừa lòng đông đảo khách nước ngoài bằng sự thông thạo nghiệp vụ, bằng thái độ lịch thiệp, văn minh cần có, thì chúng ta chưa thể mở rộng nguồn khách. Trong tình hình nói trên, chúng ta phải bắt đầu bằng việc tìm những nguồn khách có những mối liên hệ tình cảm và chính trị đối với Việt nam qua quá trình đấu tranh cách mạng của chúng ta. Đó trước hết là khách từ các nước xã hội chủ nghĩa, đến với chúng ta với tấm lòng đồng chí, anh em. Đó còn là những bạn bè của chúng ta từ các nước phát triển, những người đã từng nhiệt thành ủng hộ chúng ta trong hai cuộc kháng chiến, nay muốn được một lần nhìn tận mắt đất nước Việt nam. Đó là cộng đồng người Việt nam đang định cư ở nước ngoài, những người tuy đã ổn định cuộc sống ở các nước sở tại nhưng lòng vẫn hằng hướng về đất mẹ. Cộng đồng đó hiện có trên một triệu rưỡi người, trong đó rất nhiều người muốn có dịp tìm về thăm đất nước, kết hợp thăm gia đình, quê hương. Tạo điều kiện dễ dàng để đông đảo kiều bào về nước thăm quê hương, gia đình cũng là đề tiên tới bình

thường hóa quan hệ đi lại giữa những người sống xa Tổ quốc với quê hương... Trong bài trả lời phỏng vấn báo *Dân Việt*, cơ quan của Hội người Việt nam tại Ca-na-đa (tháng 7/1987) đồng chí Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh đã nói: « Chúng tôi hoan nghênh mọi tầng lớp kiều bào, kể cả những người vi phạm cảnh riêng đã ra đi trong những năm gần đây, có dịp du lịch kết hợp thăm gia đình, quê hương. Chúng tôi nghĩ rằng, cũng như ở bất cứ nước nào khác trên thế giới, chỉ cấm về nước đối với những kẻ có tình vi phạm an ninh quốc gia, đã phạm tội ác, có nợ máu với nhân dân ở trong nước, khi ra nước ngoài tiếp tục hành động chống phá đất nước và lợi dụng về nước hòng thực hiện ý đồ xấu chống nhân dân ta ».

Hiện nay, đông khách du lịch trên thế giới đang ngày càng chuyển mạnh sang châu Á - Thái bình dương. Trong xu thế đó, chúng ta còn có thể đón những người khách từ những nước có truyền thống đi du lịch ở Tây Âu và Bắc Mỹ.

Để mở rộng việc đón khách du lịch quốc tế, tất nhiên còn nhiều vấn đề khác cần được giải quyết, trong đó có vấn đề đổi mới cơ chế quản lý, cải tiến tổ chức, hoàn thiện bộ máy chỉ đạo các cấp, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cho ngành du lịch v.v. Tất cả những việc nói trên, nếu được tiến hành theo hướng đổi mới, trên cơ sở những nhận thức mới, chắc chắn sẽ làm tăng thêm sức mạnh cho ngành du lịch, khiến cho ngày càng nhiều khách du lịch nước ngoài đến với đất nước Việt nam tươi đẹp và hiền khách của chúng ta.

MỘT VÀI SUY NGHĨ VỀ ĐỔI MỚI TƯ DUY ĐỐI NGOẠI

PHAN ĐOÀN NAM



Đổi mới tư duy đối ngoại là đổi mới phương pháp nhận thức đối với nền chính trị thế giới, nâng cao sự hiểu biết của chúng ta về những mâu thuẫn cơ bản và các chiều hướng chung trong sự phát triển của thế giới hiện đại và đổi mới cách đề cập của chúng ta đối với các vấn đề nóng bỏng của thời đại và trong quan hệ với các nước.

Việc đổi mới tư duy đối ngoại hiện nay không phải phủ định hoặc xét lại những luận điểm của Đảng ta về quan hệ quốc tế và đấu tranh ngoại giao đã được thực tiễn kiểm nghiệm là đúng đắn. Việc đổi mới này xuất phát từ những đòi hỏi khách quan của cuộc sống.

Trước hết nó xuất phát từ nhu cầu đổi mới tư duy đối nội. Chính sách đối ngoại là tiếp tục chính sách đối nội. Không thể đổi mới tư duy đối nội mà không đổi mới tư duy đối ngoại. Ví dụ muốn tiến hành tốt phong trào « những việc cần làm ngay » hiện nay ở trong nước thì rõ ràng cách suy nghĩ lỗi thời về mặt đối ngoại như « sợ vạch áo cho người xem lưng », « sợ địch lợi dụng » v.v. phải được thay đổi.

Tất nhiên việc đổi mới tư duy đối ngoại xuất phát từ những nhân tố cơ bản và lâu dài hơn.

Một là, nó xuất phát từ những sự thay đổi nhanh chóng và sâu sắc đang diễn ra trên thế giới. Những biến đổi về tự nhiên, xã hội và tư duy diễn ra trong thế kỷ 20, có quy mô và nội

dung to lớn và triệt để nhất từ xưa đến nay với tốc độ « một ngày bằng mấy chục năm ». Những biến đổi đó là kết quả của hai cuộc cách mạng lớn diễn ra đồng thời trong thế kỷ này. Đó là cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất mở đầu bằng Cách mạng Tháng Mười và cách mạng về lực lượng sản xuất mà đỉnh cao là cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật lần thứ 2. Rõ ràng có mối liên hệ mật thiết và tương tác giữa hai cuộc cách mạng này. Ngày nay không những trong khoa học tự nhiên, mà cả trong đời sống chính trị - xã hội những biến đổi cũng diễn ra hết sức nhanh chóng. Chỉ trong vòng 3 thập kỷ sau chiến tranh, toàn bộ hệ thống thuộc địa mà chủ nghĩa đế quốc mất 400 năm để lập nên đã bị cơ bản sụp đổ. Những biến đổi đó trong thế giới khách quan đòi hỏi có sự biến đổi trong tư duy.

Hai là, từ sau chiến thắng mùa xuân 1975, cách mạng nước ta đã bước sang một giai đoạn mới. Nhiệm vụ cách mạng đã thay đổi. Từ chiến đấu là chính chuyển sang xây dựng là chính. Từ một nước nhỏ bị xâm lược và chia cắt, ngày nay nước ta là một nước cơ trung bình trên thế giới có tiếng nói nhất định trong một số vấn đề quốc tế, trước hết ở châu Á - Thái bình dương và Đông Nam Á. Nhiệm vụ cách mạng mới và tư thế quốc tế mới đó đòi hỏi chúng ta phải có cách suy nghĩ mới và cách đề cập mới trong quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại.

Ba là, trong tình trạng lạc hậu chung về lý luận ở nước ta, sự lạc hậu về lý luận chính trị đối ngoại càng rõ nét. Ngoài một số nghị quyết về các vấn đề quốc tế của Đảng và một số bài viết lẻ tẻ trên sách báo, chúng ta chưa có một tập san nào chuyên về quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại. Các tác phẩm về lý luận đối ngoại hầu như không có. Các chuyên gia về lý luận quan hệ quốc tế rất hiếm. Nguyên nhân là chúng ta chưa có thời giờ để đi sâu tổng kết lý luận. Về mặt chủ quan có thể nói chúng ta phần nào xem thường mặt lý luận đối ngoại, thường tự bằng lòng với những khuôn mẫu đúc sẵn như "hai phe, bốn màu thuẫn" và gò ép tất cả các sự kiện quốc tế vào các khuôn mẫu đúc sẵn đó. Do sự lạc hậu đó nên sự nhận thức về quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại ngay của chính một số cán bộ làm công tác đối ngoại cũng có phần bị xơ cứng, giáo điều và công thức, nhận định tình hình thế giới theo kiểu chủ nghĩa lập trường, hoặc theo kiểu minh họa, duy ý chí, thiếu cơ sở khoa học. Với trình độ nhận thức lý luận như vậy thì rõ ràng là khó mà hoàn thành được nhiệm vụ đối ngoại rất khó khăn và phức tạp trong thế giới đa dạng, muôn hình, muôn vẻ như hiện nay.

Tình hình trên cho thấy việc đòi mới tư duy đối ngoại rõ ràng là một đòi hỏi bức thiết. Đây là một vấn đề rất lớn. Trong bài này tôi chỉ xin nêu lên một số suy nghĩ bước đầu.

Vấn đề quan trọng hàng đầu là phương hướng nhận thức và đánh giá tình hình thế giới và quan hệ quốc tế một cách khoa học, đúng với thực tế khách quan, và không định kiến.

Sẽ là một sự tầm thường hóa chủ nghĩa Mác - Lê-nin nếu coi những luận điểm của những nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lê-nin đưa ra cách đây hàng mấy thế hệ như kinh thánh để gán cho những diễn biến của tình

hình thế giới hiện đại, trong lúc đó lại bác bỏ hoặc xem thường ý nghĩa và tinh thần của cách đề cập, của phương pháp phân tích, nghiên cứu của các vị đó đối với các tình huống lịch sử. Chúng ta đều hiểu rằng chủ nghĩa Mác - Lê-nin không phải là một mô giáo điều mà là kim chỉ nam cho hành động. Nếu V.I. Lê-nin còn sống đến ngày nay thì chắc chắn Người cũng thấy rằng những điều kiện quốc tế hiện nay như sự lớn mạnh của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, sự liên kết và phụ thuộc lẫn nhau trong nền kinh tế thế giới tư bản chủ nghĩa và sự xuất hiện vũ khí hạt nhân v.v. không cho phép chủ nghĩa đế quốc gây chiến tranh chống lại nhau, mặc dù mâu thuẫn giữa các nước đế quốc không kém phần gay gắt. Số dĩ DCS Liên xô và đại đa số các DCS trên thế giới ngày nay đã có thể đi đến kết luận "Chiến tranh thế giới không còn là một định mệnh không thể tránh khỏi", chính là nhờ vận dụng phương pháp nghiên cứu, phân tích của Lê-nin để kết luận rằng chủ nghĩa đế quốc và tình hình thế giới hiện nay đã hoàn toàn khác với tình hình đầu thế kỷ này, khác với cả tình hình những năm 50.

Muốn đánh giá tình hình thế giới một cách khách quan thì phải đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân. Thế giới quan của giai cấp công nhân số dĩ có tính khoa học và khách quan chính là vì lợi ích của giai cấp công nhân về cơ bản trùng hợp với lợi ích của nhân loại.

Lập trường giai cấp công nhân là phương pháp luận khoa học, nó bác bỏ chủ nghĩa duy tâm, chủ nghĩa lập trường. Nó không chấp nhận thái độ hời hợt.

Chúng ta cần có một nền ngoại giao mạnh, có uy thế, kế tục được truyền thống lịch sử ngoại giao vẻ vang của dân tộc, tương xứng với tầm vóc và địa vị của đất nước hiện nay. Muốn

vậy cần có một đội ngũ cán bộ đối ngoại có đức có tài, có tinh thần đổi mới và sáng tạo, biết đứng vững trên lập trường của Đảng, lợi ích dân tộc, lại nhạy cảm với tình hình thiên biến vạn hóa trên trường quốc tế. Một trong những yếu tố quyết định điều vừa nói là công tác nghiên cứu khoa học về ngoại giao phải mạnh. Việc đổi mới tư duy đối ngoại cũng như việc đổi mới tư duy nói chung, sẽ chỉ là những từ sáo rỗng nếu không phát huy dân chủ, tự do tư tưởng trong nghiên cứu khoa học. Phải tiến hành công tác nghiên cứu khoa học theo đúng nghĩa của từ này. Đồng thời, phải thay đổi nếp suy nghĩ đã lỗi thời cho rằng công tác ngoại giao là một lĩnh vực độc quyền của một số người nào đó:

Vấn đề lớn thứ hai trong đời mới tư duy đối ngoại là cần nhận thức lại một cách đầy đủ hơn, toàn diện hơn thế giới chúng ta đang sống, trước hết là những mâu thuẫn cơ bản và chiều hướng phát triển chung của thế giới hiện nay.

Thế giới chúng ta đang sống đầy rẫy mâu thuẫn phức tạp. Trên hành tinh hiện nay, nhiều sự vật mới đã được hình thành và mang theo trong mình nó những mâu thuẫn mới. Đó là sự ra đời hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, phong trào không liên kết và hàng loạt vấn đề có tính chất toàn cầu. Những mâu thuẫn này mới xuất hiện từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay. Đồng thời, sự lớn mạnh của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, sự sụp đổ về cơ bản hệ thống thuộc địa cũ, sự liên kết và phụ thuộc lẫn nhau, xâm nhập vào nhau giữa các nước tư bản nói chung và đế quốc nói riêng, đã làm cho những mâu thuẫn cơ bản trong hệ thống tư bản chủ nghĩa thay đổi cả về nội dung lẫn cường độ tác động, buộc chủ nghĩa đế quốc phải tính toán lại những tham vọng của chúng. Tất cả những hiện tượng mới này hợp thành một tổng

thể các mâu thuẫn quy định bản chất của thế giới hiện nay với những đặc điểm khác với thế giới trước chiến tranh thế giới thứ hai. Nếu không có cách phân tích và nhìn nhận mới về tình phức tạp và đa dạng của các loại mâu thuẫn đó, thì không thể nào phác lên được một bức tranh đầy đủ nhất về bản chất của thế giới ngày nay và càng không thể có cách giải quyết đúng đắn các vấn đề quốc tế đang đặt ra trước chúng ta. Việc phân loại các mâu thuẫn thành mâu thuẫn cơ bản hay không cơ bản, đối kháng hay không đối kháng là để tìm cách giải quyết thích đáng đối với từng loại mâu thuẫn chứ không phải để tìm cách lẫn tránh việc giải quyết chúng, nhất là những mâu thuẫn được xem là không cơ bản, không đối kháng, chẳng hạn những mâu thuẫn trong nội bộ các lực lượng cách mạng. Tình trạng trì trệ hiện nay ở một số nước xã hội chủ nghĩa nói riêng và hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới nói chung là hậu quả của việc phủ nhận những mâu thuẫn đó trong nội bộ các nước xã hội chủ nghĩa.

Đi đôi với việc phân tích thực chất của mâu thuẫn, cần nhận thức đúng đắn về phương pháp giải quyết các mâu thuẫn đó dù là mâu thuẫn cơ bản của thời đại hay là mâu thuẫn giữa các nước với nhau. Không thể dùng phương pháp giải quyết mâu thuẫn trong nội bộ một nước để giải quyết các mâu thuẫn quốc tế. Trong nội bộ một nước, mâu thuẫn đối kháng (mâu thuẫn giai cấp) đòi hỏi phải được giải quyết chủ yếu bằng bạo lực cách mạng. Quy luật đó đến nay vẫn đúng. Nhưng nếu đem áp dụng quy luật đó cho việc xử lý các mâu thuẫn giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, đây cũng là mâu thuẫn giai cấp, và các mâu thuẫn khác giữa các nước trên thế giới, thì trong điều kiện quốc tế hiện nay, đó là sai lầm nguy hiểm. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động đã mắc sai lầm đó và đã thất

bại thảm hại, vì chúng đã bám giữ tư duy chính trị lỗi thời, vẫn ngoan cố sử dụng bạo lực phản cách mạng và sức mạnh vũ khí để giải quyết mâu thuẫn giữa chúng với các lực lượng cách mạng của thời đại cũng như giữa chúng với nhau.

Trong kỷ nguyên hạt nhân, đã bình thành thế cân bằng quân sự — chiến lược giữa Liên xô và Mỹ thì con đường chủ yếu để giải quyết các mâu thuẫn cơ bản của thế giới là thông qua tranh đua và thi đua hòa bình giữa hai hệ thống và thương lượng hòa bình giữa các nước với nhau.

Như vậy không có nghĩa là phủ nhận tính giai cấp trong quan hệ quốc tế mà ngược lại chính xuất phát từ lợi ích giai cấp khác nhau mà các nước xã hội chủ nghĩa và các nước tư bản đế quốc đã có những cách đề cập khác nhau trong việc giải quyết các vấn đề quốc tế lớn có liên quan đến hòa bình, chủ quyền và sự tiến bộ của các dân tộc. Những người mác xít luôn luôn cho rằng « cuộc cách mạng phát triển tùy theo mức độ gay gắt của những mâu thuẫn giai cấp đề ra cách mạng » (1), chứ không phải bằng việc thúc đẩy cách mạng từ bên ngoài.

Đồng thời, phải thấy rõ thế giới ngày nay tuy đầy rẫy mâu thuẫn phức tạp đã chia rẽ xã hội loài người nhưng lại là một chỉnh thể thống nhất. Xu thế quốc tế hóa đời sống kinh tế, chính trị và văn hóa trên thế giới có nguồn gốc trực tiếp gắn liền với bước phát triển nhảy vọt của lực lượng sản xuất trong thế kỷ 20 dưới tác động của Cách mạng Tháng Mười và cách mạng khoa học kỹ thuật. Về mặt kinh tế, xu thế quốc tế hóa là kết quả của việc phân công lao động quốc tế và sự nhất thể hóa, tức là sự hợp tác ở trình độ cao giữa các nước trong từng khu vực và toàn cầu để đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất ngày một tăng. Về mặt chính trị, đó là kết quả của việc mở rộng giao lưu quốc tế,

cũng bắt nguồn từ nhu cầu sản xuất. Việc phát triển sản xuất với quy mô lớn như ngày nay lại là kết quả của việc khoa học kỹ thuật trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp và việc giải phóng con người sản xuất khỏi ách áp bức bóc lột. Quốc tế hóa không đồng nghĩa với phủ định các đặc tính dân tộc, trái lại quốc tế hóa chỉ có thể thực hiện được trên cơ sở sự phát triển cao của sản xuất và văn minh của mỗi dân tộc. Quốc tế hóa ngày càng trở thành xu thế chính đã cho phép chúng ta hiện nay có thể nói đến « một cộng đồng thế giới », « ngôi nhà trái đất », « ý thức toàn cầu », « một nền kinh tế thế giới » v.v. điều mà trước đây khoảng 40 năm còn là rất xa lạ.

Một hệ quả quan trọng của xu thế quốc tế hóa là nó đã làm cho mối liên hệ lẫn nhau và sự lệ thuộc lẫn nhau giữa các dân tộc, giữa các nước trở thành tiền đề cho sự phát triển của mỗi dân tộc. Mối liên hệ đó là thước đo trình độ phát triển của một dân tộc. Như vậy mối liên hệ lẫn nhau này lại làm nảy sinh một mối quan hệ mới giữa các dân tộc, tức là sự lệ thuộc lẫn nhau. Đây là một sự lệ thuộc hai chiều giữa các thành viên trong cộng đồng quốc tế về nhiều mặt, không phải chỉ về mặt sản xuất (giữa nước cung cấp nguyên liệu với nước tiêu thụ nguyên liệu, giữa nước cung cấp hàng hóa và vốn với nước tiếp nhận v.v.) mà cả về mặt an ninh và môi trường sống v.v.

Hiểu rõ những mâu thuẫn và chiều hướng phát triển chung của thế giới hiện đại là một vấn đề hết sức quan trọng trong việc định ra chiến lược và chính sách đối ngoại của một nước. Nhưng đây là một vấn đề rất phức tạp. Khoa học quan hệ quốc tế là một môn khoa học có xác suất rất lớn, có

(1) V.I. Lênin: *Tổng tập*, Nhà Tiền hy, Mát-xcơ-va, 1976, t. 35, tr. 490.

những nhân tố khó lường trước một cách chính xác. Do đó công tác nghiên cứu đòi hỏi phải có thái độ nghiêm túc, phát huy trí tuệ tập thể và phải thêm khảo ý kiến rộng rãi các nước trên thế giới, tránh thái độ áp đặt và độc quyền chân lý. Văn kiện Đại hội 27 DCS Liên xô, bài viết ngày 17-9-1987, bài nói ngày 2-11-1987 và ngày 4-11-1987 của đồng chí Gorbac-ha-trốp đều là những mẫu mực của việc đổi mới tư duy nói chung, nhất là tư duy đối ngoại (2).

Vấn đề lớn thứ ba trong việc đổi mới tư duy đối ngoại liên quan đến cách đặt vấn đề và thái độ xử lý của chúng ta trong lĩnh vực hoạt động đối ngoại.

Chính sách đối ngoại của một nước là do cả nhiệm vụ phát triển kinh tế và xã hội của nước đó quyết định. Như vậy chính sách đối ngoại và chính sách đối nội là một tổng thể trong chiến lược của một nước xuất phát từ mối liên hệ giữa nước đó với thế giới. Mối liên hệ đó không phải chỉ là mối liên hệ biện chứng giữa nhân tố bên trong và nhân tố bên ngoài mà còn là mối liên hệ giữa bộ phận và toàn thể trong cùng một hệ thống thế giới. Những năm qua chúng ta chú ý đến mặt thứ nhất nhưng có phần coi nhẹ hoặc nhận thức chưa đầy đủ mặt thứ hai, nhấn mạnh tính độc lập tự chủ nhưng có lúc lại không thấy hết tính phụ thuộc của sự phát triển của nước ta vào xu thế phát triển chung trên thế giới. Tư duy mới không phủ định tính độc lập tự chủ của mỗi nước nhưng phải nhấn mạnh và coi trọng tác động qua lại giữa tính độc lập tự chủ của mỗi nước với xu thế phát triển chung của thời đại.

Lịch sử thế giới đã cho thấy rằng một nước dù to lớn, giàu có nhưng đi ngược xu thế phát triển của thời đại thì nhất định sẽ gặp những thất bại. Trái lại một nước tuy bé nhỏ nhưng nếu nắm bắt được chiều hướng phát triển của thế giới, biết hướng sự phát triển của mình đi theo xu thế

chung đó, biến nước mình thành một khâu vững chắc trong hệ thống phát triển của thế giới thì sẽ có thể biến yếu thành mạnh bằng việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Đây là nhân tố hết sức quan trọng cần tính đến trong việc vạch ra chiến lược đối nội và đối ngoại.

Có đổi mới tư duy trong cách nhận thức về mối liên hệ giữa nước ta và thế giới để khẳng định nước ta là một khâu trong guồng máy chung về an ninh và phát triển của thế giới thì chúng ta mới giải quyết tốt vấn đề xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Một vấn đề lớn khác đòi hỏi phải thay đổi cách suy nghĩ là vấn đề bạn thù trong quan hệ quốc tế.

Không thể đem khái niệm bạn thù trong cuộc đấu tranh giai cấp trong nội bộ mỗi nước ra áp dụng một cách máy móc vào quan hệ quốc tế. Cuộc đấu tranh giai cấp trên phạm vi toàn thế giới, trong thời đại hiện nay tập trung vào bốn vấn đề lớn là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, trong đó vấn đề hòa bình là vấn đề cấp bách có tính chất sống còn. Vấn đề phân biệt bạn thù phải trên cơ sở của cuộc đấu tranh chung đó. Tất nhiên mỗi một nước, mỗi một dân tộc trong những hoàn cảnh lịch sử nhất định phải đối phó với những thế lực thù địch nào đó từ bên ngoài. Đó là một thực tế. Nhưng sẽ không tránh khỏi sai lầm nếu chỉ đứng trên góc độ dân tộc để phân biệt bạn thù trong quan hệ quốc tế mà không tính đến lợi ích của nhân dân các nước trong cuộc đấu tranh cho những mục

(Xem tiếp trang 79)

(2) Trong đó đáng chú ý là Báo cáo chính trị tại Đại hội 27, bài « Hiện thực và những bảo đảm cho một thế giới an toàn » đăng trên báo *Sự thật* và *Tin tức Liên Xô* ngày 17-9-1987, bài « Cách mạng Tháng Mười và công cuộc cải tổ : cuộc cách mạng đang tiếp tục » và bài « Phong trào cộng sản cần đến sự đổi mới », viết nhân dịp kỷ niệm 70 năm Cách mạng Tháng Mười tại Mát-xcơ-va.

Về vấn đề lạm phát*

PHẦN ĐẦU ỒN ĐỊNH LƯU THÔNG TIỀN TỆ

QUANG TUỆ**

I—THỰC TRẠNG CỦA NẠN LẠM PHÁT VÀ TÁC HẠI CỦA NÓ

Các nhà kinh tế trên thế giới thường chia lạm phát ra hai giai đoạn: giai đoạn I, lúc mà tốc độ mất giá của tiền giấy (tức là tốc độ tăng giá cả hàng hóa) còn thấp hơn tốc độ số lượng tiền giấy tăng lên trong lưu thông. Ở giai đoạn II, lúc mà tốc độ mất giá của tiền giấy đã vượt quá tốc độ gia tăng của số lượng tiền giấy đưa vào lưu thông. Ở giai đoạn này, chỉ cần đưa thêm một số lượng nhỏ tiền giấy vào lưu thông đã có khả năng làm cho giá cả hàng hóa tăng lên với tốc độ lớn hơn, và nếu không có biện pháp giải quyết kịp thời thì càng về sau tốc độ tăng giá càng lớn theo cấp số nhân, dẫn tới đại lạm phát (great inflation) hay siêu lạm phát (hyre inflation).

Theo số liệu thống kê đã công bố, chúng ta thấy từ cuối năm 1980 đến cuối năm 1987, chỉ số tiền lưu thông đã tăng lên 20 lần, cũng trong thời gian đó, chỉ số giá cả trên thị trường xã hội tăng lên 16 lần, nghĩa là trong giai

đoạn đó số lượng tiền tệ tăng 1 thì giá cả hàng hóa chỉ mới tăng 0,8 lần (16/20), như vậy lạm phát đang ở trong giai đoạn I. Nhưng nếu chúng ta so sánh hai chỉ số trên vào cuối năm 1986 so với cuối năm 1985, thì tình hình đã thay đổi hẳn: chỉ số tiền lưu thông cuối năm 1986 so với cuối năm 1985 tăng 4,4 lần, trong khi đó chỉ số giá cả tháng 12-1986 so với tháng 12-1985 đã tăng trên 8 lần. Nghĩa là trong năm 1986 số lượng tiền tệ tăng 1 lần đã có khả năng đẩy giá lên trên 2 lần. Lạm phát đã chuyển sang giai đoạn II. Từ nay, chỉ cần tung vào lưu thông một khối lượng tiền tệ rất nhỏ, sẽ có khả năng đẩy giá cả lên với một bội số lớn hơn nhiều và nếu không có biện pháp cứu chữa kịp thời, thì càng về sau tốc độ lạm phát sẽ còn gia tăng ghê gớm hơn nữa.

Hiện nay, tác hại của nạn lạm phát đối với sản xuất, lưu thông và đời sống đã quá nặng nề. Giá cả tăng nhanh, sức mua đồng tiền giảm sút liên tục. Nhà nước và các xí nghiệp quốc doanh lâm vào tình trạng thiếu vốn, thiếu tiền mặt gay gắt. Và hậu quả nghiêm trọng hơn hết là lạm phát đã trở thành một công cụ tự phát phân phối lại thu nhập giữa các tầng lớp dân cư, có lợi cho tầng lớp tư thương, đầu cơ trục lợi, làm ăn bất chính và bất lợi cho cán bộ công nhân viên chức, lực

* Xem TCCS từ số 10-1987.

** Phó vụ trưởng Vụ LTPP, Viện NCQT KTU.

lượng vũ trang, làm ăn chân chính. Từ đó, cùng với nhiều nguyên nhân kinh tế xã hội khác, lạm phát đã góp phần làm cho những liên tượng tiêu cực và bất công xã hội tăng lên, lòng tin, nhiệt tình lao động, năng suất lao động và hiệu quả giảm sút, trật tự xã hội rối loạn.

II — NGUYÊN NHÂN VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA LẠM PHÁT

a) Những nguyên nhân cơ bản sâu xa của lạm phát

Nguyên nhân chủ yếu của nạn lạm phát trong tất cả các nước từ trước tới nay vẫn là tình trạng bội chi ngân sách nhà nước. Chi tiêu ngân sách nhà nước càng lớn, bội chi càng nhiều, thì việc phát hành tiền giấy để bù đắp cho bội chi ngân sách càng lớn, lạm phát càng trở nên nặng nề.

Nguyên nhân về cơ cấu đã được các Nghị quyết Đại hội Đảng và các Hội nghị Trung ương nêu lên nhiều lần: cơ cấu sản xuất không hợp lý, cơ cấu đầu tư phân tán, tản mạn và hiệu quả đầu tư rất thấp, trong khi nhu cầu sản xuất và tiêu dùng ngày một tăng lên, làm cho cung và cầu ngày một mất cân đối nghiêm trọng, quan hệ tiền — hàng trở nên căng thẳng.

Nguyên nhân về cơ chế quản lý kinh tế: không kịp thời đổi mới cơ chế quản lý kinh tế; từ lâu cơ chế tập trung quan liêu bao cấp đã dẫn tới hậu quả là nền sản xuất không được giải phóng, lưu thông không được giải tỏa và phân phối gây một rối ren. Nói cách khác, nạn lạm phát hiện nay là hậu quả của nhiều mặt mất cân đối nghiêm trọng kéo dài của nền kinh tế quốc dân.

b) Những nguyên nhân trực tiếp

Ngoài những nguyên nhân cơ bản, sâu xa nói trên, từng thời kỳ còn xuất hiện những nguyên nhân có tính chất trực tiếp làm cho lạm phát và những hậu quả kinh tế xã hội của nó thêm

sâu sắc và nghiêm trọng. Chúng ta có thể phân tích quá trình lạm phát ở nước ta qua những thời kỳ:

— Thời kỳ chiến tranh chống Mỹ cứu nước

Mọi lực lượng sản xuất đều tập trung cho chiến tranh, nền kinh tế tài chính quốc gia đã bắt đầu xuất hiện những mất cân đối lớn, mầm mống của nạn lạm phát đã bắt đầu xuất hiện, nhưng nhờ có nguồn viện trợ kinh tế tài chính của các nước xã hội chủ nghĩa, nền kinh tế vẫn giữ được ổn định.

— Thời kỳ 1976 — 1980

Đặc điểm của thời kỳ này là lạm phát bộc lộ rõ rệt đi đôi với suy thoái kinh tế.

Nguyên nhân trực tiếp của lạm phát trong thời kỳ này bắt nguồn từ nhu cầu đầu tư và nhu cầu tiêu dùng tăng lên mạnh mẽ. Trong những năm kháng chiến lâu dài và gian khổ những nhu cầu này đều bị nén xuống và đến nay mới có dịp bùng lên dữ dội.

Vốn đầu tư xây dựng cơ bản nở ra nhiều, nhưng do bố trí cơ cấu sản xuất, cơ cấu đầu tư sai, xuất phát từ ý muốn chủ quan, duy ý chí, muốn phát triển nhanh, rộng mà không chú ý phát triển chiều sâu, không tính tới khả năng và điều kiện thực hiện, nên hiệu quả đầu tư quá thấp. Từ đó số lượng tiền tệ tập trung vào lưu thông tăng lên, sản phẩm hàng hóa không tăng lên tương ứng, trong khi nhu cầu tiêu dùng quá cao, làm cho mất cân đối tiền hàng trở nên căng thẳng, giá cả tăng lên.

— Thời kỳ từ năm 1981 đến nay

Trong thời kỳ này Đảng và Nhà nước đã thực hiện nhiều chủ trương chính sách nhằm sắp xếp lại sản xuất, điều chỉnh lại cơ cấu đầu tư, cải tiến quản lý kinh tế, phát huy quyền chủ động cho cơ sở sản xuất, nhờ đó nền kinh tế đã có những tiến bộ rõ rệt. Trong

những năm 1981-1985, bình quân mỗi năm tổng sản phẩm xã hội tăng 8,7%, thu nhập quốc dân sản xuất mỗi năm tăng 6,1%, giá trị tổng sản lượng công nghiệp tăng 9,5%, tổng giá trị xuất khẩu tăng 15,6% tổng mức bán lẻ hàng hóa xã hội tăng 11,7%.

Trong điều kiện kinh tế khả quan hơn nhiều so với thời kỳ 1976 - 1980, lẽ ra tình hình tài chính, tiền tệ, giá cả cũng được cải thiện hơn, nhưng ngược lại ngày càng trở nên nghiêm trọng. Đặc biệt trong năm 1986 và những tháng đầu năm 1987, tình hình tài chính, tiền tệ và giá cả rối loạn chưa từng thấy: bội chi tiền mặt tăng gần 6 lần, giá cả trên thị trường có tổ chức tăng trên 3 lần, giá cả trên thị trường tự do tăng trên 5 lần. 6 tháng đầu năm 1987 tình hình còn xấu hơn nhiều.

Một khi lạm phát đã đạt tới mức độ nghiêm trọng như vậy, rõ ràng là sản xuất không thể nào phát triển được bình thường, từ tháng 9-1985 đến nay nền kinh tế đã bắt đầu bước vào một chu kỳ suy thoái mới.

Nguyên nhân trực tiếp thứ hai dẫn tới tình trạng lạm phát cao hiện nay là những sai lầm trong quản lý phân phối lưu thông, đặc biệt là trong lĩnh vực, giá, lương, tiền.

Cụ thể là:

a) Cơ chế giá và tỷ giá: từ năm 1981 đến nay, chúng ta đã hai lần chủ động phá giá đồng tiền đối nội và đối ngoại với mức độ quá lớn (trên thế giới không một nước nào làm như vậy) từ đó gây nên tâm lý lạm phát, làm mất lòng tin và tất yếu dẫn tới những hậu quả kinh tế - xã hội hết sức nặng nề.

Mặt khác, tính thống nhất và kỷ luật giá cả bị phá vỡ, mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi đơn vị đều bị cuốn theo cơ chế tự động nâng giá để thu chênh lệch giá ở cả hai chiều: đối với công nghệ phẩm, thì từ trên xuống; đối với nông sản, thì từ dưới lên, mọi quan

hệ kinh tế giữa Nhà nước với nông dân và các thành phần kinh tế khác đều bị phá vỡ, rối loạn.

Việc nâng tỷ giá kết toán nội bộ, tuy có khuyến khích xuất khẩu, nhưng với cơ chế xuất nhập khẩu của ta hiện nay, nhập lớn hơn xuất ba lần, càng nâng tỷ giá lên bao nhiêu thì càng làm cho giá vật tư nguyên liệu nhập khẩu đắt lên bấy nhiêu và giá thành sản phẩm trong nước cũng tăng lên bấy nhiêu. Rõ ràng đó là những cơ chế lạm phát.

b) Cơ chế tiền tệ-tín dụng: sai lầm của cuộc đổi tiền tháng 9/1985 đã thúc đẩy quá trình mất giá của đồng tiền một cách nhanh chóng. Lòng tin vào đồng tiền càng giảm, tâm lý lo sợ lạm phát càng lớn, làm cho ngân hàng, dù có nâng lãi suất tiền gửi tiết kiệm lên bao nhiêu cũng không thể bù đắp được tỷ lệ mất giá của đồng tiền và từ đó không thể thu hút được những nguồn vốn tiền tệ trong tay dân cư vào quỹ ngân hàng. Mặt khác, ngân hàng vẫn phải tiếp tục cho vay với lãi suất tín dụng thấp hơn nhiều lần so với tỷ lệ mất giá của đồng tiền (1), điều này buộc ngân hàng phải dùng vốn phát hành để cho vay. Lạm phát tín dụng bắt nguồn từ đó.

c) Cơ chế tiền lương, tiền thưởng: chế độ tiền lương ở ta còn nhiều bất hợp lý, tiền lương thực tế không được bảo đảm, không đủ bù đắp cho tài sản xuất sức lao động. Trong khi năng suất lao động toàn xã hội quá thấp, nhiều xí nghiệp đã tự động điều chỉnh tiền lương, chi tiền thưởng ngoài chế độ quy định, lại được tính đủ vào giá thành, làm cho giá thành sản phẩm tăng lên. Giá thành sản phẩm này tăng lên gây phản ứng giá chuyển thúc đẩy giá thành sản phẩm khác

(1) Trong khi tỷ lệ mất giá của đồng tiền bình quân mỗi tháng 15-20% thì lãi suất cho vay của ngân hàng cuối tháng 6/87 mới nâng lên, cao nhất cũng chỉ 6% tháng.

tăng lên theo, tạo nên vòng xoáy tăng giá.

Có thể tóm tắt đặc điểm kinh tế tài chính của thời kỳ từ năm 1981 đến nay là nạn lạm phát đã trở nên hết sức nghiêm trọng và bắt đầu tác động xấu tới phát triển sản xuất, đang đưa nền kinh tế chúng ta vào một chu kỳ suy thoái mới. Nguyên nhân trực tiếp của lạm phát cao trong thời kỳ này là những sai lầm trong cơ chế quản lý giá, lương, tiền.

III – ỔN ĐỊNH SỨC MUA CỦA ĐỒNG TIỀN LÀ YÊU CẦU CẤP BÁCH HIỆN NAY ĐỂ ỔN ĐỊNH TÌNH BÌNH KINH TẾ – XÃ HỘI

Muốn ổn định tiền tệ, ổn định giá cả và từ đó ổn định sản xuất và đời sống, phải có một chương trình đồng bộ, bao gồm những chủ trương, biện pháp mang tính chất cấp bách phải thực hiện ngay và những chủ trương, biện pháp có tính chất cơ bản lâu dài thực hiện trong một số năm tới, mới mang lại hiệu quả mong muốn.

Trước hết việc giải quyết vấn đề giá, lương, tiền phải trên cơ sở quán triệt sâu sắc quan điểm: mọi chủ trương điều chỉnh giá, lương, tiền, bất cứ trong hoàn cảnh nào nhất thiết không dễ nhân dân, nhất là nhân dân lao động, phải gánh chịu hậu quả sai lầm của nó. Mặt khác, những biện pháp cấp bách chống lạm phát trong điều kiện hiện nay ở nước ta phải mang một nội dung cơ bản là phân phối lại thu nhập giữa các tầng lớp dân cư, nếu cần phải thực hiện những khoản thu nhập bất chính, bất hợp pháp để cải thiện ngân sách, ổn định giá cả, tiền tệ, ổn định đời sống những người lao động chân chính. Làm ngược lại nguyên tắc đó, thì mọi biện pháp đều mất tính chất giải cấp, thiếu quan điểm cách mạng, quan điểm quần chúng của một nhà nước vô sản.

Với cách đặt vấn đề như trên, chúng tôi cho rằng việc thực hiện các

biện pháp cấp bách phải gắn liền với các biện pháp cơ bản sau đây:

1) Những biện pháp nhằm cân đối ngân sách nhà nước

Muốn tăng thu cho ngân sách, trong điều kiện nền kinh tế quá độ của chúng ta hiện nay, phải dùng nhiều biện pháp khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển sản xuất, thực hiện tốt 3 chương trình về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Muốn phát triển sản xuất, tạo nguồn thu vững chắc cho ngân sách, Nhà nước cần sớm ban hành một chính sách tài chính quốc gia nhằm huy động mọi nguồn vốn, mọi tài nguyên, mọi thành phần kinh tế, mọi nhân lực của đất nước.

Muốn giảm chi tiêu cho ngân sách, trong điều kiện hiện nay, phải thực hiện nghiêm ngặt chính sách tiết kiệm tiêu dùng, phát động một phong trào rộng lớn chỉ chi tiêu trong khả năng sản xuất và thu nhập của từng người và của cả đất nước, chống lãng phí, tham ô, giảm bớt tiêu dùng để tăng thêm tích lũy cho phát triển sản xuất.

– Đồng thời với các biện pháp tăng thu giảm chi ngân sách, cần có chủ trương kiên quyết giảm dần việc phát hành tiền cho chi tiêu ngân sách.

2) Những biện pháp cân đối cung cầu

Đây là giải pháp nhằm loại trừ những nguyên nhân có tính chất cơ cấu đang làm cho cung cầu mất cân đối nghiêm trọng. Mục tiêu chủ yếu lúc này là kích thích cung và tiết chế cầu.

Muốn kích thích cung, phải áp dụng hàng loạt chủ trương chính sách nhằm triệt để giải phóng sản xuất, khai thác mọi khả năng tiềm tàng ở trong nước để phát triển sản xuất, tăng nhanh khối lượng sản phẩm hàng hóa cho xã hội.

Điều quan trọng nhất hiện nay là phải sắp xếp lại nền kinh tế quốc dân

theo một cơ cấu hợp lý, phải bố trí lại cơ cấu sản xuất và từ đó mà điều chỉnh lại cơ cấu đầu tư để khai thác tối đa mọi khả năng lao động, cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có.

Trong cơ cấu kinh tế, lâu nay chúng ta chỉ nêu lên hai ngành công - nông nghiệp. Theo chúng tôi, để kết hợp chặt chẽ sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, (lợi dụng tối đa những thành tựu khoa học kỹ thuật của thế giới, để thúc đẩy phát triển kinh tế trong nước), trong cơ cấu kinh tế nên đưa yếu tố xuất nhập khẩu vào để hình thành một cơ cấu kinh tế hoàn chỉnh có công nghiệp (trong chặng đường đầu tiên này là công nghiệp nhẹ sản xuất hàng tiêu dùng), nông nghiệp (được coi là mặt trận hàng đầu) và xuất nhập khẩu (giữ vai trò đầu cầu nối liền kinh tế trong nước với kinh tế thế giới, làm chức năng dịch vụ về vốn, kỹ thuật, bí quyết công nghệ (Know-how) và tiếp thị (marketing) cho công nghiệp và nông nghiệp.

— Muốn tiết chế cầu, ngoài vấn đề tiết kiệm tiêu dùng nói trên, điều quan trọng là phải có hình thức và biện pháp thích hợp để huy động qua nhiều kênh khác nhau, phân lớn nguồn vốn tiền tệ nằm trong các tầng lớp dân cư, trong các thành phần kinh tế, không để những nguồn vốn đó chạy vào tiêu dùng mà tập trung vào mở rộng sản xuất.

Trong điều kiện lạm phát cao như hiện nay, vấn đề huy động vốn gặp nhiều khó khăn, nhất là huy động vốn tiết kiệm. Vì vậy, ngoài hình thức huy động vốn qua ngân hàng, cần mở rộng các hình thức huy động vốn (vốn cổ phần, huy động vốn tư nhân, liên doanh liên kết về vốn v.v.) và điều quan trọng là nhà nước phải có chính sách yên dân làm cho các tầng lớp dân cư yên tâm, tin tưởng bỏ vốn vào sản xuất, được bảo đảm quyền sở hữu về vốn đã bỏ ra, lợi ích được hưởng trên thành quả lao động của họ.

3) Những biện pháp về cơ chế quản lý

a. Trước hết Nhà nước cần có chính sách đối xử công bằng, bình đẳng đối với người lao động thuộc các thành phần kinh tế khác nhau nhằm khuyến khích họ yên tâm bỏ vốn vào việc mở rộng sản xuất, tạo thêm công ăn việc làm, tăng thêm sản phẩm và thu nhập cho xã hội. Phải thật sự quan tâm củng cố và tăng cường kinh tế xã hội chủ nghĩa nhất là kinh tế quốc doanh, làm cho kinh tế quốc doanh phát huy được vai trò chủ đạo và quyết định trong nền kinh tế quốc dân, chi phối và hướng dẫn các thành phần kinh tế cá thể và tư bản tư nhân... phát triển đúng hướng. Tuy nhiên, muốn thật sự giải phóng sản xuất, phải tạo ra những điều kiện vật chất khác nữa, cụ thể là cần có chính sách và biện pháp mở cửa đúng đắn nhằm thu hút ngoại tệ, vật tư, nguyên liệu và kỹ thuật của nước ngoài vào các công trình hợp tác và đầu tư với các cơ sở kinh tế trong nước.

Nhà nước ta cần sớm ban hành luật lao động, luật hợp đồng kinh tế và hợp đồng lao động nhằm bảo đảm sự bình đẳng giữa những người lao động trong biên chế nhà nước cũng như ngoài biên chế, trong các thành phần kinh tế khác nhau, giảm bớt gánh nặng biên chế cho nhà nước. Bảo đảm quyền tự do lựa chọn nơi làm việc cho người lao động là biện pháp thúc đẩy năng suất lao động, vì ở đâu sử dụng và đối xử tốt với người lao động thì ở đó có năng suất lao động cao, tinh thần và ý thức lao động tốt.

b. Giải tỏa lưu thông

Trước hết, cần chấn chỉnh lại hệ thống lưu thông vật tư, trao đổi sản phẩm giữa Nhà nước với các thành phần kinh tế khác trong nước cũng như ngoài nước, nhằm cắt giảm các khâu trung gian làm cho lưu thông bị

cắt khúc, chi phí quá cao, chấm dứt tình trạng mua đi bán lại ăn chênh lệch giá.

Ngoài hệ thống lưu thông qua thương nghiệp quốc doanh là chủ yếu, cần mở rộng mạng lưới lưu thông có sử dụng lực lượng tiểu thương tham gia, có sự hướng dẫn kiểm tra chặt chẽ của thương nghiệp quốc doanh.

c. Về những giải pháp chấn chỉnh phân phối

Nhà nước sớm nghiên cứu và ban hành chính sách điều tiết thu nhập, nằm trong chính sách tài chính quốc gia. Đây là một biện pháp nhằm chấn chỉnh các mối quan hệ về phân phối thu nhập quốc dân, phân phối lại thu nhập giữa các tầng lớp dân cư, xác

định mối quan hệ hợp lý giữa tích lũy và tiêu dùng, đặc biệt trong điều kiện kinh tế nước ta hiện nay còn nhiều mặt cần đổi cần được giải quyết. Trước mắt cần gấp rút sửa đổi chính sách tiền lương nhằm bảo đảm đời sống cho công nhân viên chức và lực lượng vũ trang.

Điều mà chúng ta phải hết sức quan tâm là mọi biện pháp về giá, lương, tiền nói riêng, mọi biện pháp chống lạm phát nói chung, phải được nghiên cứu thận trọng, đồng bộ, phải được thực hiện từng bước, nhằm tránh những tác động tai hại đánh vào mức sống của những người ăn lương, của những người lao động chân chính, những động lực của sản xuất và của cách mạng.

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ VẤN ĐỀ LẠM PHÁT Ở NƯỚC TA

ĐINH PHƯƠNG *

Có người cho rằng lạm phát chỉ là sự phát hành tiền mặt quá mức cần thiết và giải pháp nhằm giải quyết tình hình kinh tế xã hội hiện nay là hạn chế phát hành tiền. Chẳng cần phân tích chúng ta cũng không thể chấp nhận quan niệm và giải pháp này.

Vậy thế nào là lạm phát?

Trong phạm vi một bài viết tôi không thể mô tả toàn bộ quá trình phát triển của khái niệm lạm phát (1) từ trước đến nay mà chỉ nêu lên quan niệm về lạm phát mà hiện nay được dư luận nghiên cứu chấp nhận. Theo quan điểm này thì trung tâm của vấn đề cần nghiên cứu là sự biến động của

hệ thống giá cả trong mối quan hệ với tiền tệ, tiền lương và chính sách tài chính.

Với quan niệm như vậy thì rõ ràng đây là một vấn đề cực kỳ phức tạp với nội dung rất phong phú. Dưới đây là một số vấn đề chủ yếu nhất.

Giá cả và tiền tệ

Giá cả những năm gần đây tăng liên tục: Theo tính toán sơ bộ cuối năm 1987 so với cuối năm 1985 giá cả tăng khoảng từ 50 đến 60 lần, lượng tiền lưu thông tăng khoảng 20 lần. Từ những con số và hiện tượng này, đã có tác giả nêu lên: «Chỉ số tiền lưu thông cuối năm 1986 so với cuối 1985 tăng 4,4 lần, trong khi đó chỉ số giá tăng 8,15 lần, chưa kể có mặt

* Giáo sư - Giám đốc Trung tâm thông tin - UBKHNN

(1) Bạn đọc có thể tìm đọc bài «Lạm phát xưa, nay và những vấn đề lạm phát của nước ta hiện nay» đăng trong «Thông tin chuyên đề về lạm phát» (T. 1 và 2) do Trung tâm TT UBKHNN xuất bản tháng 2.1988.

lương tăng lên từ 10 đến 11 lần. Nghĩa là trong năm 1986 số lượng tiền tệ tăng lên một lần thì đã có khả năng đầy giá lên từ 2 đến 2,5 lần (2). Tiếp đó tác giả khuyến cáo: "Từ nay chỉ cần tung vào lưu thông một khối lượng tiền đủ là rất nhỏ, sẽ có thể đầy giá lên với một bội số lớn hơn nhiều và nếu không có biện pháp cứu chữa kịp thời, thì càng về sau tốc độ lạm phát sẽ còn gia tăng với tốc độ ghê gớm hơn nữa". Đoạn cuối tác giả nhấn mạnh « Phải hết sức thận trọng và có sự lựa chọn hết sức chặt chẽ trong việc phát hành tiền giấy vào lưu thông ».

Sai lầm cơ bản của nhận định này là coi sự phát hành nhiều tiền giấy là nguyên nhân duy nhất của việc tăng giá, không thấy việc tăng giá còn do rất nhiều nguyên nhân khác nữa. Do đó giải pháp cho việc chống lạm phát là phải chặt chẽ trong phát hành. Tác giả đã quên một thực tế cực kỳ quan trọng, đó là đặc điểm về cơ cấu thị trường và hệ thống giá cả của nước ta. Năm 1986 giá cả tăng lên đâu phải chỉ đơn thuần là do sự điều tiết của thị trường thông qua quy luật lưu thông tiền tệ (mà ta thường gọi là lạm phát mờ). Nó còn do Nhà nước ta chủ động điều chỉnh mặt bằng giá (lạm phát kiểm chế). Nghĩa là tác giả đã bỏ đi những yếu tố, những nguyên nhân « phi tiền tệ » của việc tăng giá. Cơ sở của những ý kiến loại này là dựa vào tốc độ phát hành tiền (và cho rằng, cuối năm 1986 khối lượng tiền bằng 4,4 lần so với cuối 1985 là nhiều). Thật là sai lầm nếu không hiểu rằng lượng tiền đưa vào lưu thông nhiều hay ít phải căn cứ vào nhu cầu vận hành của nền kinh tế chứ không thể lấy tốc độ tăng tiền để phân biệt nhiều hay ít. Từ cách phân tích này theo tôi có thể kết luận ngược lại—lượng tiền đưa ra lưu thông như vậy là quá ít.

Một là, căn cứ vào thực tế hiện nay là chúng ta đang thiếu tiền tệ để thu mua nông sản, để chi cho xây dựng

cơ bản, để trả lương cho cán bộ công nhân viên chức, để bù giá...

Hai là, với lượng tiền phát hành hiện nay cho dù chúng ta quay vòng đồng tiền được 3 lần (trong 1 năm) thì cũng chưa đủ để mua được số lượng thực cần thiết cho cán bộ, công nhân và lực lượng vũ trang. Chẳng lẽ như thế lại là quá nhiều tiền.

Ba là, khi so sánh lượng tiền mà lại không đếm xia đến sức mua của nó (tức là bỏ qua giá cả) thì quả là một sự kỳ quặc, vì đó là một sự so sánh mà lại không có một hệ quy chiếu chung.

Đáng lưu ý trong thí dụ nêu trên: cuối 1986 so với cuối 1985 tiền tăng 4,4 lần; giá tăng 10 lần; trong tình huống này muốn cho mọi hoạt động của nền kinh tế vận hành được như năm 1985 thì cần phải phát hành ngay một lượng tiền cho kịp với tốc độ tăng giá, tức là đủ 10 lần, chứ không phải là siết chặt sự phát hành tiền. Do giá tăng lên mà lại siết chặt phát hành thì lạm quả tất nhiên là phải cắt giảm kinh phí của các cơ quan các ngành, các tổ chức sản xuất kinh doanh. Sự cắt giảm kinh phí một cách quá đáng chính là nguyên nhân rất cơ bản của mọi sự ách tắc, trì trệ và rối loạn trong quá trình vận hành của nền kinh tế. Chúng ta hãy tự hỏi liệu trên thế giới này có nước nào thiếu tiền trả lương mà phải nợ công nhân đến 3-4 tháng?

Cuối cùng tôi muốn nêu một tư liệu, cũng là một quan điểm để chúng ta cùng nghiên cứu xem xét, tiền lưu thông của chúng ta hiện nay nhiều hay ít.

Theo số liệu của quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) ở Trung quốc bình quân trong 5 năm 1981 - 1985 lượng tiền lưu thông chiếm tỷ lệ 31% so với thu nhập quốc dân, số vòng quay đồng tiền

(2) Thông tin chuyên đề: Lạm phát và kinh nghiệm chống lạm phát. Viện nghiên cứu quản lý trung ương xuất bản 6-87.

khoảng 3 lần. Nếu theo cách này mà tính toán thì hiện nay thu nhập quốc dân của ta khoảng 6 tỷ đô la, cần có một lượng tiền tương ứng với 6 tỷ đô la $\times 31\% = 2$ tỷ đô la. Nếu áp dụng tỷ giá hối đoái khoảng 1 đô la = 500 đồng Việt nam thì chúng ta cần phát hành khoảng 1000 tỷ đồng Việt nam. Rõ ràng rằng trên thực tế, tiền lưu thông lại quá ít so với nhu cầu. Như vậy về giá thì « lạm phát », còn tiền thì lại « thiếu phát ». Nhận định này trái hẳn với nhiều ý kiến đã nêu ở trên cho rằng tại tiền phát hành nhiều mà giá cả tăng lên. Vậy giải pháp tiền tệ là phải mạnh tay phát hành cho đủ mức thì chúng ta mới giữ vững được quan hệ tiền - hàng, mới bảo đảm được những điều kiện cho nền kinh tế vận hành bình thường.

Giá cả và tiền lương

Giá cả và tiền lương thường phải xem xét và giải quyết đồng thời vì xét cho cùng tiền lương cũng là một loại giá, đó là « giá sức lao động ». Một nguyên tắc thứ hai cần triệt để tôn trọng, đó là phải đảm bảo cuộc sống thực tế của những người ăn lương; tức là đảm bảo sức mua của tiền lương trước mọi sự biến động và cải cách về giá. Cả 2 nguyên tắc này trong thời gian qua đều bị vi phạm nghiêm trọng. Trước hết là chúng ta đã giải quyết giá cả và tiền lương một cách tách biệt nhau. Cải cách tiền lương mà vẫn giữ nguyên giá thì đương nhiên cuộc sống trở nên dễ chịu. Nhưng chỉ sau một thời gian ngắn khi hạch toán lương mới vào giá thành thì giá sẽ tăng vọt, nhà nước không có khả năng bù lỗ buộc phải cải cách giá (tăng giá). Khi tăng giá lại giữ nguyên tiền lương làm cho sức mua của tiền lương giảm xuống, xóa sạch kết quả của cải cách tiền lương một lần nữa. Tóm lại là chúng ta rơi vào « vòng xoáy giá - lương »: lương đầy giá, giá đầy lương, lương lại đầy giá... và không bao giờ dừng lại.

Trong vài năm nay tốc độ tăng giá lớn hơn nhiều lần so với tốc độ tăng lương danh nghĩa, sức mua của tiền lương giảm sút nghiêm trọng đến mức không bảo đảm được cuộc sống tối thiểu của bản thân người lao động. Chính sách giá cả và tiền lương của chúng ta trên thực tế đã đặt người ăn lương vào một tình huống bất buộc — đó là phải có thu nhập bổ sung mới sống được. Đây là điểm nút của nhiều sự rắc rối về kinh tế, xã hội, luật pháp, tâm lý, đạo đức v.v. Ai làm nghề gì sống bằng nghề đó. « thợ may ăn giẻ, thợ vẽ ăn hồ » là điều thường tình. Nhưng cũng ở đây nhiều cái không thường tình xuất hiện. Một giáo viên dạy thêm trong một ngày, có thu nhập bằng cả 1 tháng lương của anh ta. Một cán bộ kế hoạch, một nhân viên phụ trách phân phối vật tư nhận một khoản thù lao chẳng hạn một chiếc tủ lạnh, một chiếc xe máy... thì tính tới ưu của cách phân phối vật tư ấy sẽ được quan niệm và giải quyết như thế nào?

Do không kết hợp chặt chẽ việc cải cách giá cả và tiền lương nên chúng ta đã tạo ra một « nghịch lý » đó là người ăn lương không đủ sống chỉ bằng tiền lương. Vì vậy một trong những mục tiêu đặc biệt quan trọng là sớm lập lại một tiền đề thông thường của bất kỳ một xã hội nào; đó là tiền lương ít ra cũng phải đủ nuôi sống bản thân người lao động.

Giá cả và tài chính

Cốt lõi của vấn đề tài chính là vấn đề thu, chi và tạo lập sự cân bằng tối ưu giữa thu và chi. Khi bội chi tức là cầu lớn hơn cung, sự chênh lệch cung cầu này thông qua thị trường dẫn tới việc tăng giá. Giá tăng lên có tác dụng ngược lại làm thay đổi khối lượng thu chi cũng như cơ cấu thu chi. Đây là một chu trình tác động rất phức tạp, và nếu không có những giải pháp đồng bộ thì rất có thể tạo ra « vòng xoáy giá - bội chi » giống như « vòng

xoáy giá — lương». Một trong những mục tiêu của hoạt động tài chính thời gian qua là giảm bội chi ngân sách; nhưng kết quả cuối cùng là bội chi không những không giảm mà trái lại ngày càng tăng gấp bội. Trước hết nói về chi, cắt giảm các khoản chi bằng một mệnh lệnh hành chính thì thật là dễ, nhưng dự kiến được mọi hậu quả của sự cắt giảm ấy thì cực kỳ khó. Do thiếu nghiên cứu và phân tích một cách sâu sắc, chúng ta đã không có được một giải pháp đồng bộ; nên việc «giảm chi lại dẫn đến bội chi». Có thể nói hầu hết những quy định chi tiêu về tài chính hiện nay rất bất hợp lý so với tình hình giá cả thực tế. Hãy thử hỏi: tiền lương đã không đủ sống, tiền công tác phí một ngày chỉ đủ một cốc nước giải khát, vậy một người cán bộ có hoàn thành được nhiệm vụ của họ không? Và nếu muốn làm tốt thì họ phải làm gì và làm như thế nào? Đối với những đơn vị sản xuất kinh doanh, khi chế độ chi của nhà nước không đủ bảo đảm cho công việc được tiến hành bình thường thì các đơn vị phải «bù chi» cho đủ, khoản đó chúng ta thường gọi là «tiêu cực phí». Nguồn bù đắp này họ lấy từ đâu nếu không phải từ một nguồn nào đó của nhà nước? Kết quả là tuy chúng ta có giảm được một số khoản chi nào đó nhưng lại gây ra những khoản chi khác và những thất thu lớn hơn và do đó bội chi tăng lên. Còn về thu thì có thể nói đây là sai lầm lớn nhất của hoạt động tài chính. Đó là sự thất thu đến mức độ không thể tha thứ được. Có mấy điểm đáng lưu ý:

a) Một bộ phận không nhỏ các nguồn thu quốc doanh không được tập trung vào ngân sách nhà nước.

b) Do không kiểm soát được các nguồn thu, giá cả biến động mỗi năm từ 7 đến 8 lần, mà mức thu lại giữ nguyên quá lâu. Mặt khác, thất thu còn do sự thỏa hiệp giữa cán bộ thu

thuế và các hộ kinh doanh; tính ra, thuế bị thất thu tới 70%.

Tóm lại, về mặt tài chính, sai lầm cơ bản là thuộc về chính sách. Do quy định về chi không thỏa đáng nên nhiều hoạt động sản xuất kinh doanh bị ách tắc gây nên thất thu ở nhiều khâu khác, hơn nữa nó còn để ra nhiều hiện tượng rối ren lộn xộn khác như phải «chi chui», phải có «tiêu cực phí» thì mới bù đắp được những khoản thiếu hụt do chế độ chi bất hợp lý tạo nên.

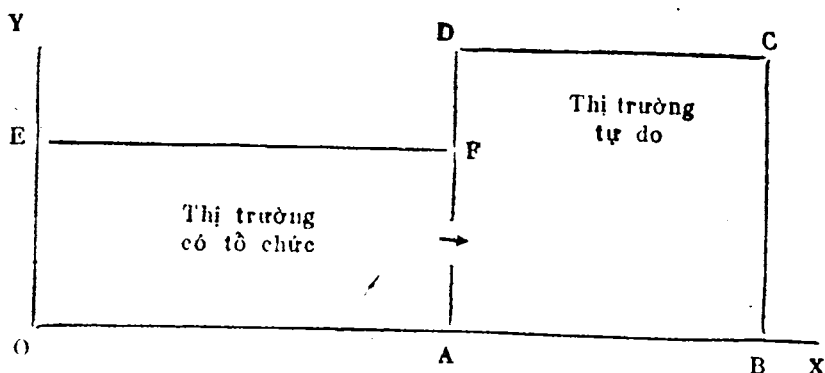
Vài suy nghĩ thay cho kết luận

Dễ có thể góp phần vào việc tìm kiếm giải pháp cho vấn đề này trước hết chúng ta cần nêu lên, những đặc điểm của tình hình lạm phát ở nước ta hiện nay.

Đặc điểm lớn nhất là tình hình lạm phát đã diễn ra trong một «thị trường đối ngẫu» tức là một thị trường không thống nhất, mà cơ cấu của nó gồm 2 khu vực vừa hỗ trợ thúc đẩy lẫn nhau nhưng lại vừa kiềm chế và đối lập với nhau. Có thể mô tả khái quát thị trường này bằng hình vẽ dưới đây: (xem ở đầu trang sau)

Trên hình này trục OX biểu thị khối lượng hàng hóa, trục OY biểu thị mức giá; trong đó OA là khối lượng hàng hóa của thị trường có tổ chức lớn hơn AB là khối lượng hàng hóa của thị trường tự do. Nhưng AF là mức giá của thị trường có tổ chức lại nhỏ hơn rất nhiều so với AD là mức giá của thị trường tự do. Do đó, tổng giá cả của thị trường có tổ chức (diện tích hình chữ nhật OAEF) tuy có lớn hơn tổng giá cả của thị trường tự do (diện tích hình chữ nhật ABCD) nhưng mức chênh lệch là không đáng kể.

Sự chênh lệch giá quá lớn giữa hai khu vực thị trường vừa tạo ra sức hút hàng hóa từ thị trường có tổ chức sang thị trường tự do vừa tạo nên một khuynh hướng kinh doanh chênh lệch giá. Mặt khác, theo tính toán hiện



nay khoảng từ 50% đến 70% tiền lương của cán bộ công nhân viên tiêu dùng ở thị trường tự do; nghĩa là cũng tạo nên « đồng tiền chảy một chiều » từ thị trường có tổ chức sang thị trường tự do.

Đồng tiền và hàng chảy một chiều này làm cho sự khác biệt theo hướng trái ngược nhau giữa hai khu vực thị trường: thị trường có tổ chức ngày càng thiếu tiền, hàng hiếm; sự vận hành của nền kinh tế ngày càng trì trệ và ách tắc ở nhiều khâu; trong khi đó trên thị trường tự do ngày càng phong phú, hàng đầy ắp, tiền nhiều; hoạt động sản xuất kinh doanh luôn sôi sục; giá cả biến động thường xuyên.

Sự khác biệt này càng lớn thì càng bất lợi cho những người hoạt động trong nền kinh tế thực, tức là những người sản xuất và cung ứng dịch vụ và càng có lợi cho những người hoạt động trong nền kinh tế tượng trưng, tức là những người kinh doanh tiền tệ và chênh lệch giá. Vì vậy giải pháp cơ bản không có gì khác là phải từng bước làm giảm và đi đến triệt tiêu sự khác biệt về giá cả giữa hai khu vực thị trường, khôi thông dòng chảy ngược lại để tạo lập thể cân bằng giữa hai khu vực đó. Vậy nhiệm vụ trung tâm là phải « chống chênh lệch giá ».

Chống chênh lệch giá có 2 việc cần làm: một là giữ vững và tìm cách

giảm giá của thị trường tự do, hai là phải tăng giá của thị trường có tổ chức để tạo nên một mặt bằng giá hợp lý, làm triệt tiêu chênh lệch giá để tiến tới cơ chế một giá như tinh thần của Nghị quyết Hội nghị TƯ lần thứ 4 gần đây.

Hiện tượng lạm phát ở nước ta hiện nay mang đồng thời 2 tính chất— vừa là lạm phát mở (inflation ouverte) vừa là lạm phát kiềm chế (inflation réprimée). Các biện pháp can thiệp của Nhà nước, vừa không đồng bộ, vừa nửa vời, vừa không kịp thời, khiến cho tình hình có mặt ngày càng rối ren hơn và ngày càng khó khăn hơn.

Về mặt tâm lý có thể do công tác tham mưu chưa tốt hoặc do những nguyên nhân khác nữa, mà nhà nước ta đã bị khống chế trong tâm lý « sợ phát hành tiền », « sợ tăng giá » và « sợ bội chi », từ đó sinh ra do dự, thiếu quyết đoán và ngày càng làm vào thế lúng túng bị động. Cần phải có quan điểm rõ ràng: mọi biện pháp phải phục vụ cho phát triển sản xuất, và tạo ra sự phân phối công bằng và cải thiện đời sống. Chúng ta cần gì những trạng thái ổn định tiền tệ, ổn định giá cả hoặc ổn định chỉ tiêu mà sản xuất lại kém đi, phân phối lại bất

(Xem tiếp trang 75)

CHỖ CẦM DAO SẮC ĐĂNG LƯỚI

CHO đến nay số máy vi đề ở nước ta đã có đến mấy ngàn. Đó là điều đáng mừng cho một nước còn nghèo phương tiện thông tin và đang « khát » thông tin. Gọn nhẹ, cơ động, vi đề ở rất tiện lợi cho truyền thông, cho việc nâng cao trình độ văn hóa và đáp ứng nhu cầu thường thức nghệ thuật của quần chúng. Chỉ cần một số băng như những cuốn sách nhỏ đựng trong túi xách tay và một, hai người đi theo máy với một bình ắc quy là vi đề ở có thể tới cả những vùng rẻo cao, ra hải đảo, lên biên giới..., đi khắp mọi miền đất nước, giới thiệu với đồng bào những thành tựu văn hóa, khoa học, nghệ thuật mới nhất của dân tộc và của nhân loại. Vi đề ở có thể là phương tiện giải trí cho hàng trăm người nhưng cũng có thể phục vụ cho mười lăm người vào bất cứ thời gian nào v.v.

Vậy mà, tiếc thay con dao sắc đó, ở nhiều nơi chúng ta lại chỉ cầm lấy đăng lưới, để đăng chuỗi cho kẻ khác nắm! « Cái loạn vi đề ở » đang đầu độc bầu không khí tinh thần lành mạnh của xã hội ta.

Không chỉ có những vụ án chiếu băng vi đề ở đòi truy đã xử như vụ Đoàn Thanh Dục, Đỗ Thanh Chế, tướng Trường Xuân; vi đề ở và những cuốn băng « hấp dẫn » được một số cán bộ có chức quyền dùng để chiếu

« nội bộ » hoặc được dùng làm công cụ « ngoại giao » làm món hàng nhẹ nhàng và lịch sự « đối lưu » với các đơn vị bạn. Điều quan trọng hơn là dần dần vi đề ở đã thực sự trở thành một phương tiện kinh doanh chạy theo công tiền bất chính. Tại sao lại bất chính? Vì « mục đích tối cao » chỉ là tiền, nên đề câu khách phải săn lùng và đem chiếu toàn những băng thật mùi mẫn, giật gân, những « băng hiêm », « băng chui ». Chạy theo dòng tiền bất chính nên dùng mọi mảnh lời. Không được cơ quan có thẩm quyền cho phép thì giả mạo danh mục băng vi đề ở được phát hành để lừa dối chính quyền địa phương như khách sạn Sông Nhuệ thuộc Công ty du lịch Hà sơn bình. Tổng Xuân Văn là cán bộ nhà văn hóa khu gang thép Thái nguyên đã bán cả bộ đèn của sản vận động cho Hậu giang để mua vi đề ở về chiếu phim chiếu thu lời tại nhà văn hóa (y đã bị bắt và truy tố trước pháp luật). Theo báo cáo của cơ quan chức năng, ở An giang hầu như bất kỳ cơ quan nào có máy, băng hoặc thuê mượn của tư nhân đều có thể tổ chức chiếu kinh doanh với danh nghĩa « cải thiện đời sống cho cán bộ, bộ đội ». Người ta quan niệm đó là sự « đổi mới » phù hợp với chủ trương « bung ra trong sản xuất ». Vì thế, riêng tỉnh đội đã có tới 6 đầu máy hoạt động mạnh ở khắp các huyện. Có công ty

ở Hà Nội còn thuê máy và băng của tư nhân đem lên chiếu thu lời ở Hà Tuyên. Xung quanh việc kinh doanh vi đề ô đã hình thành nên nhiều loại « dịch vụ »: « dịch vụ » dắt mối, đưa người từ tỉnh này sang tỉnh khác để xem vi đề ô « chiếu chui »; thuê « khoán gọn » một đêm dịch vụ ở địa phương rồi đem máy, đem băng đến chiếu; « dịch vụ » móc nối, in, sang băng lậu bán đi khắp các tỉnh v.v. Ở thành phố Hồ Chí Minh, chỉ tính riêng tuần từ ngày 12 đến 18 tháng 11-1987 lực lượng công an đã bắt 6 vụ chiếu phim cấm; trong đó có vụ in sao băng hình phản động đòi truy ở quận 5 (ta đã thu 5 đầu máy, 207 băng hình các loại và một số tài sản có giá trị khác). Hay ở Hải Phòng, trá hình dưới dạng « câu lạc bộ », nhiều tụ điểm tư nhân dặt máy vi đề ô trong tiệm cà phê, giải khát, lên lút chiếu phim đòi truy thu tiền.

Nguy hại nhất là chúng ta không kiểm soát được nội dung các cuốn băng. Hầu hết số băng trên thị trường vi đề ô hiện nay là băng tư bản chủ nghĩa, trong đó đa số lại là băng lậu với nội dung xấu. Nguồn phim trong nước sản xuất không đáng kể, nội dung còn nghèo nàn và chưa hấp dẫn. Mà có máy thì phải có băng. Còn người dân thì đang « khát nước ». Đầu cơ tình trạng « khát nước » này, người ta nhập băng vô tội vạ. Băng ghi hình lại là một mặt hàng gọn nhẹ, lãi suất rất cao. Một băng « hấp dẫn » ở nước ngoài giá 8 đô la về bán ở ta (bán bán quyền) được mấy trăm nghìn đồng. Thế nên vì tiền « ba bảy cũng liều », người ta tìm cách lượn qua sự kiểm tra ở các cửa khẩu, sự kiểm tra của công an và cán bộ văn hóa. Băng đủ các loại vào nước ta theo nhiều con đường: tàu viễn dương, cán bộ, học sinh đi nước ngoài về, kiều bào ta ở nước ngoài và các đoàn chuyên gia, du lịch, các cơ quan ngoại giao thường trú, các chợ trời trên biển, nhưng chủ yếu là từ

Thái lan tràn sang. Đến những chợ trời kiểu như chợ Huỳnh Thúc Kháng ở thành phố Hồ Chí Minh là có thể mua được bất cứ loại băng nào bạn thích!

Chạy theo đồng tiền bất chính, vi đề ô ở nhiều nơi đã trở thành một công cụ gây tác hại lớn. Một trại thương binh ở một tỉnh phía nam hằng ngày liên tục chiếu phim Tàu từ 9 giờ sáng đến 1, 2 giờ sáng hôm sau. Khách (phần lớn từ thành phố Hồ Chí Minh tới) thường phải chen lấn hoặc ăn chực năm chỗ để được vào xem. Vừa qua lại cũng có nơi chạy theo đồng tiền tổ chức hàng trăm đêm chiếu những phim ăn khách, « phục vụ » thông tâm và thấu đêm, tạo nên những « cơn sốt vi đề ô ». Thử hỏi nhân dân còn đâu thời gian và hơi sức để làm việc? Việc hàng ngàn người từ địa phương này (những nơi không tổ chức chiếu kinh doanh) tràn sang các địa phương khác để xem vi đề ô còn gây nên nhiều vụ « lộn xộn » làm rối loạn trật tự trị an. Đó là chưa kể đến cái hại về tinh thần còn to lớn hơn nhiều: những phim có nội dung xấu phá hoại phẩm chất con người. Qua khảo sát của cơ quan chức năng thì những phim chiếu lậu phần lớn là những phim kích động bạo lực hoặc khiêu dâm. Ở Tây ninh, suốt từ 1979 đến 1986 Nguyễn Hoàng Lương và Phan Tấn Quốc cùng đồng bọn đã tổ chức chiếu phim vi đề ô phản động, đòi truy ở 7 huyện và đơn vị, gây hậu quả nghiêm trọng. Có trường hợp một vị có chức có quyền ở cấp huyện sau khi xem phim còn heo dã có hành vi cưỡng dâm nữ nhân viên văn phòng. Vì dính vào « cái lợi » vi đề ô mà không ít cán bộ, đảng viên ta đã thoái hóa. Có « chiếu chui » thì có « xem chui », « duyệt chui » và « chia chui ». Mà cứ « chui » hoài thì khó tránh khỏi lục đục, mất đoàn kết trong nội bộ cơ quan. Ấy là chưa nói có nơi còn chiếu cả phim chống cộng như *Ram bó sữa Mỹ*. Khách quan mà nói, vi đề ô vô

hình trung đã trở thành đồng minh của kẻ địch trong việc phá hoại tư tưởng, lối sống, đạo đức, thẩm mỹ của cán bộ và nhân dân ta, nhất là lớp thanh niên mới lớn lên.

Chúng ta thường lên án các nhà kinh doanh tư sản thu hút quần chúng đến với những sản phẩm « nghệ thuật thương mại » đánh vào bản năng, thị hiếu tầm thường, thấp kém của con người; chúng ta đã lên án Mỹ dùng sách báo, phim ảnh đồi trụy, phản động để nô dịch nhân dân ta ở miền Nam trước đây. Vậy thì tại sao lại để cho những phim có nội dung xấu của các nước tư bản chủ nghĩa có điều kiện phổ biến tràn lan, tấn công vào trận địa văn hóa và tư tưởng của chúng ta như hiện nay? Chúng ta phê phán xu hướng « thương mại » trong nghệ thuật nhưng lại để cho « loạn vi đề ô » hạ thấp thị hiếu thẩm mỹ của công chúng và đánh bật hoạt động chiếu bóng và các loại hình nghệ thuật dân tộc khác ra khỏi công chúng. Ở địa phương nọ, khán giả (bị phim ảnh đồi trụy đầu độc) đã cười rộ lên chê bai khi đội chiếu bóng quảng cáo cho một phim xã hội chủ nghĩa sắp chiếu. Người ta đã quen với những phim « đánh đấm cho ra hồn » hoặc phải có nhiều cảnh « giết gân », « tưới máu ». Những hiện tượng này tác động ngược lại tới người sáng tác nghệ thuật, khiến cho có người làm tưởng đó là thị hiếu « đa dạng », chính đáng của công chúng.

Sự « bung ra » của vi đề ô kéo dài suốt mấy năm nay đã thật sự trở thành « loạn vi đề ô ». Chỉ thị số 339/CT ngày 22-10-1985 của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng đã quy định rõ: «... Nghiêm cấm chiếu các băng ghi hình của các nước tư bản có nội dung xấu về chính trị, không lành mạnh về tư tưởng hoặc thấp kém về thị hiếu thẩm mỹ... ». Năm 1986, Bộ văn hóa đã ra thông tư số 89 về quản lý và sử dụng máy và băng ghi hình,

trao quyền quản lý vi đề ô cho Sở văn hóa các tỉnh thành (có nhiều nơi Công ty chiếu bóng trực tiếp phụ trách vấn đề này), nhưng quy định rõ: Những phim được in nhân bản và chiếu rộng rãi phải qua Hội đồng duyệt của trung ương. Vậy tại sao vẫn có tình trạng như đã nêu trên? Trách nhiệm này thuộc về ai?

Đối với những đơn vị chiếu trái phép như tỉnh đội, thành đội, sân bay, phòng công tác chính trị của một số cơ quan chức năng v.v. thì cán bộ của Công ty điện ảnh và cán bộ bảo vệ văn hóa địa phương tự cảm thấy « không đủ sức » can thiệp vào. Đội chiếu vi đề ô của một tỉnh đội họ luôn luôn trang bị đầy đủ vũ khí để kịp thời trấn áp những ai muốn « phá hoại » buổi chiếu. Thế là vũ khí của cách mạng lại được dùng để bảo vệ những việc làm không chính đáng! Đó là những hiện tượng coi thường pháp luật, vô chính phủ. Ở bất cứ đơn vị, cơ quan nào để xảy ra việc sử dụng máy và băng trái phép thì người lãnh đạo cao nhất ở đó rõ ràng là phải chịu trách nhiệm, và phải có biện pháp xử lý dứt khoát, cứng rắn. Tránh trường hợp lãnh đạo hoàn toàn không biết gì, hoặc có ra quyết định nhưng bất lực, hoặc tuy không tán thành băng văn bản nhưng lại ủng hộ « bằng lời » việc chiếu phim trái phép, thậm chí còn duyệt « tranh thủ ». Một loạt nhà văn hóa, câu lạc bộ, thậm chí cả các công ty thuộc ngành văn hóa cũng « chiếu chui » để thu lợi thì sao? Không lẽ Sở văn hóa cũng bất lực nốt? Và ban tuyên huấn tỉnh ủy, huyện ủy đã thực hiện chức năng của mình ra sao trong việc giải quyết một vấn đề nóng bỏng như thế này trên mặt trận văn hóa tư tưởng ở địa phương mình? Một số cấp lộ đẳng làm lơ đi coi như không biết, hoặc nhận thức được sự nguy hại của « loạn vi đề ô » nhưng chưa có biện pháp kiên quyết. Cũng có nơi thường vụ huyện ủy cách chức một đội trưởng

chiếu bóng vì chiếu một bộ phim Hồng công nhưng sau đó tỉnh đội đến chiếu cũng bộ phim đó tại huyện thì lại êm ru như không. Điều đáng nói là ở một số địa phương, người ta đã lợi dụng việc Bộ văn hóa cho phép Sở văn hóa duyệt một số băng vi đề ở dùng trong nội bộ cơ quan, gia đình, đề duyệt « tùm lum », cấp giấy phép « tùm lum », tạo điều kiện cho việc kinh doanh, lừa bịp những phim ngoài danh mục cho phép của Bộ. Rõ ràng là nếu không giữ nghiêm luật pháp, không có sự phân định trách nhiệm cụ thể, dứt khoát trong việc quản lý máy và băng ghi hình, cũng như không có sự thống nhất hành động giữa lãnh đạo các cơ quan, các ngành, Sở văn hóa và cấp ủy các địa phương thì không thể dẹp được « cái loạn » này.

Trước mắt, chúng tôi đề nghị Nhà nước nên có một văn bản xác định rõ ràng trách nhiệm trong việc quản lý máy và băng vi đề ở, quy định dứt khoát cơ quan nào, ngành nào được phép kinh doanh vi đề ở xét và đưa việc kinh doanh này vào kế hoạch nhà nước như hoạt động điện ảnh. Đồng thời cũng nên quy định thêm các điều khoản trừng trị những vi phạm trong sử dụng vi đề ở xét để bổ sung cho điều 99 của Bộ luật hình sự sát hợp với tình hình thực tế.

Phải chăng nên quy định ngay một cơ quan chuyên trách quản lý vi đề ở trong cả nước. Đã đến lúc cần có một quyết định cụ thể. Điều quan trọng là cơ quan chuyên trách này

phải có điều kiện, khả năng tổ chức sản xuất in, sang băng vi đề ở. Cơ quan này sẽ phối hợp với các ngành công an, hải quan v.v. tăng cường kiểm tra các cửa khẩu, các chợ trời để quản lý chặt chẽ các nguồn máy và băng.

Ở các địa phương, chúng tôi đề nghị các cấp ủy đảng nên phối hợp với Sở văn hóa và các cơ quan chức năng tổ chức mạng lưới kiểm tra, giám sát, không để cho máy và băng ghi hình lậu có thể xâm nhập và hoạt động ở địa phương mình.

Tuy nhiên, điều quan trọng là chúng ta phải có băng lãnh mạnh hấp dẫn để thay thế cho những băng chui có nội dung độc hại. Bên cạnh việc quản lý tốt « dây chuyền » nguồn băng — phương tiện chiếu — tổ chức chiếu, các cơ quan có trách nhiệm nên nhập, sản xuất và phát hành băng ghi hình thống nhất trong cả nước. Đầu tư vào đây không những là cần thiết mà còn là có lãi. Nên khuyến khích trang bị máy vi đề ở cho các địa phương xa xôi, hẻo lánh, các đơn vị bộ đội, công an ở biên giới, hải đảo. Từ trước đến nay, chúng ta mới chỉ có biện pháp « cấm » vi đề ở trái phép mà chưa chú ý một cách đầy đủ đến nhu cầu thông tin và giải trí qua vi đề ở của nhân dân. Cần phải tổ chức lại và sản xuất băng như thế nào để cho mọi người dân đều được đáp ứng những nhu cầu văn hóa và thẩm mỹ lành mạnh, góp phần xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống xã hội chủ nghĩa tươi đẹp của chúng ta.

THUẬN TRUNG

Chúng tôi phỏng vấn

Lời Bộ biên tập—Ngày 12-9-1987, Bộ chính trị TƯ Đảng ta đã ra Nghị quyết số 01 – NQ/TƯ về cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội. Để góp phần tuyên truyền và thực hiện tốt Nghị quyết đó, Tạp chí Cộng sản tổ chức một cuộc trao đổi ý kiến dưới hình thức phỏng vấn và trả lời xung quanh một số vấn đề cơ bản mà Nghị quyết nêu ra.

Dưới đây chúng tôi trích đăng một số ý kiến trong cuộc trao đổi này.

CÂU HỎI THỨ NHẤT : Chúng ta đều biết, đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực là một trong những yêu cầu quan trọng của cuộc vận động lần này. Theo đồng chí, trong giai đoạn hiện nay, cuộc đấu tranh chống tiêu cực cần tập trung hướng vào những vấn đề gì ?

—**Đồng chí Nguyễn Mạnh Can*** : Cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội thực sự là một cuộc vận động cách mạng, là một bộ phận của cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Nội dung của cuộc đấu tranh rất rộng và tác dụng của nó cũng rất lớn. Về mặt kinh tế, nó góp phần vào việc bảo vệ và hoàn thiện chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, bảo vệ tài sản, bảo vệ cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội, bảo đảm nguyên tắc phân phối theo lao động. Làm tốt cuộc vận động này sẽ có khả năng giảm bớt khó khăn về đời sống của cán bộ,

đảng viên và nhân dân. Về chính trị, nó hạn chế những hành động vi phạm các quyền công dân của nhân dân, làm trong sạch và củng cố các tổ chức trong hệ thống chuyên chính vô sản, góp phần tăng cường mọi mặt sức mạnh của chế độ xã hội chủ nghĩa. Về văn hóa, xã hội, nó tạo điều kiện thuận lợi cho việc củng cố những giá trị đạo đức tinh thần, xây dựng con người mới, lối sống mới, nền văn hóa mới, tăng cường lòng tin của quần chúng đối với đảng, đối với chế độ.

Hiện nay, những biểu hiện tiêu cực như giảm sút ý chí chiến đấu và tinh thần trách nhiệm, bảo thủ trì trệ, kém ý thức tổ chức kỷ luật, tham nhũng, đặc quyền đặc lợi, quan liêu, xa rời và ức hiếp quần chúng... đang làm tổn thương uy tín và sức chiến đấu của đảng, của nhà nước. Chúng đang tồn tại ở không ít người, kể cả ở nhiều người có chức có quyền, và

★ Phó trưởng Ban tổ chức TƯ Đảng.

đang là những vật chương ngại cản trở việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VI và các Nghị quyết khác của Trung ương. Hướng tấn công của chúng ta là nhằm vào những mặt đó, với những con người, những tập thể cụ thể.

- Đồng chí Nguyễn Tiến Cang*:

Tiêu cực có nhiều loại. Nhưng theo tôi, trong giai đoạn hiện nay, đặc quyền đặc lợi là thói tệ hại nhất. Nó là sản phẩm của chế độ cũ còn tồn tích ở xã hội ta, trong điều kiện đảng cầm quyền. Từ khi đất nước thống nhất nó lây lan rất nhanh chóng. Nó xuất hiện trên mọi lĩnh vực, ở mọi cấp mọi ngành, trong mọi loại cán bộ, từ cán bộ cao cấp đến nhân viên bình thường trong bộ máy đảng và nhà nước, một khi phẩm chất đạo đức của họ sa sút. Đó là biểu hiện tập trung nhất của chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa cơ hội trong giai đoạn mới.

Thật rất lý thú khi đọc V.I. Lê-nin viết về điều này: Trong điều kiện đảng cầm quyền, có một số người thường lợi dụng những đặc lợi do địa vị đảng viên của đảng chấp chính đưa lại, chứ không muốn gánh lấy những gánh nặng của sự hy sinh quên mình phục vụ chủ nghĩa cộng sản. Phải đuổi cổ bọn lũn lợt đó ra khỏi đảng.

Ngay từ năm 1946, Bác Hồ cũng đã nghiêm khắc cảnh cáo những cán bộ, đảng viên, nhân viên nhà nước có tư tưởng đặc quyền đặc lợi.

- Đồng chí Bùi Nghê:** Qua thực tế kiểm tra chất lượng đảng viên ở 16,2% số đảng bộ cơ sở và 29,4% số đảng viên của đảng bộ huyện Chương Mỹ, chúng tôi thấy nổi lên ba dạng tiêu cực chính:

1. **Vô trách nhiệm, giảm sút ý chí chiến đấu.** Do tình trạng này mà không ít chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước nằm "lơ lửng" không đến được cơ sở, tới cán bộ, đảng viên và quần chúng. Vô hình trung đã cắt đứt mối liên hệ giữa cấp trên và cấp dưới, giữa đảng với quần chúng.

Trong khi đó thì không ít cán bộ, đảng viên thờ ơ, bàng quan, né tránh, thấy đúng không bảo vệ, thấy sai không phản đối.

2. **Xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, làm sai nguyên tắc quản lý kinh tế.** Qua kiểm tra chất lượng đảng viên ở 13 đảng bộ cơ sở, chúng tôi thấy, số đảng viên vi phạm về mặt phẩm chất ở nơi thấp nhất là 35 - 40% và nơi cao nhất là 60 - 65%, trong đó sai phạm về kinh tế chiếm khoảng 50 - 60% tổng số người sai phạm. Biểu hiện tập trung là: cố ý nợ nần, dấy dươ trong việc giao nộp sản phẩm, lập quỹ đen ở đội, tham ô, ăn cắp của tập thể, ăn uống chi tiêu sai nguyên tắc, lợi dụng danh nghĩa tập thể để làm ăn phi pháp kiếm lời, ăn chặn, ăn bớt của tập thể...

3. **Đặc quyền đặc lợi và trù dập, ức hiếp nhân dân.** Với quan niệm "làm nghề gì, ăn nghề đó", một số cán bộ, đảng viên đã lợi dụng cương vị công tác, quyền hạn được giao để vụ lợi, chọn những việc làm "béo bở" cho người thân, sử dụng ruộng đất trái phép, tìm mọi cách để lẩn tránh nghĩa vụ, nhất là nghĩa vụ bảo vệ tổ quốc v.v. Ở nhiều nơi, tình trạng trù dập, ức hiếp nhân dân đã đến mức báo động, nhất là ở nông thôn, tệ đánh đập, tước đoạt tài sản công dân, xâm phạm quyền dân chủ của nông dân... đã thành phổ biến.

Theo tôi, chống tiêu cực cần tập trung vào những loại đó

- Đồng chí Thái Ninh*:** Đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực là một trong ba yêu cầu của cuộc vận động Trong cuộc đấu

* Bí thư đảng ủy phường Nguyễn Du, Hà Nội

** Bí thư huyện ủy Chương Mỹ, Hà Sơn Bình

*** Giám đốc Nhà xuất bản sách giáo khoa Mác - Lê-nin, Ban tuyên huấn TƯ Đảng

tranh này, tôi nghĩ, cần tập trung chống ba loại tiêu cực như đã nêu trong Nghị quyết :

Một là, giảm sút ý chí chiến đấu, vô trách nhiệm, bảo thủ trì trệ, nói và làm không theo nghị quyết.

Hai là, ăn cắp, hối lộ và ăn hối lộ, đầu cơ buôn lậu, sống sa đọa, trụy lạc, lợi dụng chức quyền giành cho mình đặc quyền đặc lợi.

Ba là, quan liêu, hống hách, trù dập quần chúng, thoái hóa biến chất, làm ăn phi pháp.

Những loại tiêu cực đó thường có liên quan với nhau ngay trong mỗi con người tiêu cực. Chống những loại tiêu cực đó có thể theo góc độ đạo đức hay góc độ kinh tế. Hiện nay, chống tiêu cực thường nặng về góc độ đạo đức. Dư luận rất căm phẫn những hiện tượng ăn cắp, tham ô, hối lộ, hống hách, sống sa đọa, trụy lạc. Còn những hiện tượng dối nát, nói như C. Mác, thường gây ra bi kịch, những hiện tượng vô trách nhiệm gây nên hậu quả nặng nề về nhiều mặt (gấp trên lẫn tham ô, ăn cắp) thì dư luận lại chưa chú ý đầy đủ, thậm chí gần như « lãng quên ».

Tôi muốn dư luận xã hội lên án mạnh mẽ hơn và các cơ quan pháp luật xử lý nghiêm khắc hơn các hiện tượng vô trách nhiệm. Đây là loại tiêu cực khá phổ biến, ở nhiều cấp, nhiều ngành và địa phương, trong nội bộ đảng và trong bộ máy nhà nước. Nó gây tác hại lớn, dẫn đến hậu quả nặng nề về nhiều mặt. Chẳng hạn như, chỉ do vô trách nhiệm mà kho lạnh bến Bình (Hải Phòng) đã làm hỏng hàng trăm tấn tôm xuất khẩu, gây thiệt hại 20 triệu đồng. Do giảm sút ý chí chiến đấu, ngại khó ngại khổ của cán bộ, thủy thủ mà một tàu chở gần 500 tấn phân đạm bị đắm. Cũng do vô trách nhiệm của một số cán bộ mà một địa phương bị vỡ đê, gây lụt lội, làm tổn thất hàng tỷ đồng. Nếu mỗi ngành, mỗi địa phương thống kê sự thiệt hại do loại

tiêu cực này gây nên, thì chắc hẳn xót xa đến mức nào. Đó là chưa kể đến những tổn thất không sao bù đắp được về người, về tư tưởng, niềm tin và nhân cách.

Cũng xin nói thêm, trong loại tiêu cực này còn nhiều biểu hiện lắt léo khác và cũng khá nghiêm trọng, đó là : lối làm việc tắc trách, chiếu lệ, chọn việc dễ, bỏ việc khó, lười biếng, ỷ lại, ăn cắp thời gian của nhà nước... Chúng đã gây tác hại không nhỏ về kinh tế, tư tưởng, nhất là trong việc xây dựng con người mới. Những người mắc loại tiêu cực này thường bị nhiễm nhiều thói xấu : giả dối, lừa lọc, thủ đoạn ; phá vỡ nền nếp quản lý, hiệu quả kinh tế, hiệu quả công tác bị giảm sút. Ở nhiều cơ quan, xí nghiệp tình hình ý ached, rệu rã... đã trở thành phổ biến cũng do tệ này

— **Đồng chí Hữu Thọ*** : Đại hội VI của Đảng đã chỉ rõ, trong quá trình đổi mới phải đấu tranh chống « bảo thủ trì trệ và những hiện tượng tiêu cực khác ». Như vậy, **bảo thủ trì trệ là hiện tượng tiêu cực** rất lớn, đang cản đường rất ghê gớm. Trong những vụ tham ô, ăn cắp... chưa thấy có vụ nào lớn trên một vài chục triệu đồng, nhưng ra một chủ trương sai, quyết định xây dựng một công trình không đúng, ký kết một hiệp định sơ hở, định một giá sai, khư khư giữ lấy một chủ trương đã lỗi thời... thường gây tổn hại tới hàng trăm triệu, hàng tỷ đồng. Chính vì thế, cùng với việc chống bọn thoái hóa, biến chất, cần đấu tranh chống thói vô trách nhiệm, loại bỏ những người không chịu thực hiện những chủ trương đổi mới, những người không có năng lực đảm đương nhiệm vụ, đưa ra những chủ trương sai lầm gây thiệt hại lớn cho nền kinh tế, hoặc đang lãnh đạo những đơn vị trì trệ kéo dài. Ai có trách nhiệm, đều phải chịu trách nhiệm. Theo tôi nên coi việc kiên

* Ủy viên Ban biên tập báo Nhân dân

quyết đấu tranh chống những hiện tượng bảo thủ, vô trách nhiệm, thay những người không có năng lực hoàn thành nhiệm vụ là một nội dung quan trọng của cuộc đấu tranh chống tiêu cực.

- **Đồng chí Nguyễn Đình Hưng ***: Do bản thân các hiện tượng tiêu cực rất đa dạng, cho nên cần định hướng đúng và phát hiện chính xác để tập trung đánh trúng và có hiệu quả. Bởi vậy, tôi thử phân loại các biểu hiện tiêu cực:

a - Tiêu cực thuộc tính tư lợi: như ăn cắp tài sản xã hội chủ nghĩa và tài sản công dân, kinh doanh trái chức năng, lạm dụng quyền hành để vụ lợi cá nhân...

b - Tiêu cực thuộc tính cường bức: như xúc phạm danh dự, nhân phẩm, tính mạng công dân, phá rối trật tự công cộng, trù dập ức hiếp quần chúng...

c - Tiêu cực thuộc tính thụ động: như thái độ thờ ơ, chây lười lao động, các hành vi cờ bạc, nghiện hút, mê tín, lảng tránh công việc xã hội...

Tất nhiên, chúng ta tiến hành đấu tranh chống cả ba loại trên. Song, theo tôi, trước mắt cần hướng trọng tâm vào chống loại thứ nhất. Bởi nó gây tác hại rất nghiêm trọng. Nó là cơn đố của chủ nghĩa cá nhân; đồng thời nó cũng là nguyên nhân dẫn đến các biểu hiện tiêu cực khác.

CÂU HỎI THỨ HAI: Vì sao thời gian qua ta chưa chặn đứng được tiêu cực, trái lại càng nói đấu tranh chống tiêu cực thì tiêu cực càng « mọc ra »? Cuộc vận động lần này có những thuận lợi và khó khăn gì?

- **Đồng chí Phan Đức Luận ****: Không thể chống tiêu cực, chặn đứng tiêu cực bằng việc xây một « bức tường » chắn hay ra một « quyết định » làm trong một thời gian ngắn. Không thể chiến thắng tiêu cực theo kiểu tiến công ồ ạt của một trận đánh như

trong chiến tranh. Nghĩa là không nên nóng vội, nhưng không vì thế mà kém chủ động, kiên quyết, tích cực. Thời gian qua, ta chưa chặn đứng được tiêu cực vì ta làm còn nửa vời, thiếu kiên quyết, thiếu triệt để.

« Những việc cần làm ngay » của đồng chí N.V.L. đã thổi vào cuộc sống một luồng gió mới, thúc đẩy cuộc đấu tranh chống tiêu cực, được toàn đảng, toàn dân ủng hộ, cũng cổ thêm lòng tin của nhân dân đối với Đảng. Mặt khác, trên thế giới hiện nay đang có xu thế đổi mới và cải tổ. Sự thúc bách của cả cộng đồng gắn liền với yêu cầu cấp thiết phải đổi mới của chúng ta, đó là ý đảng đồng thời cũng là lòng dân. Đó là những thuận lợi rất cơ bản.

Còn khó khăn, tất nhiên là nhiều và không tránh khỏi. Tôi nghĩ, việc khó khăn nhất là gây lại niềm tin. Mất niềm tin là mất tất cả. Ta đã làm được một số việc để khôi phục niềm tin của nhân dân, cần tiếp tục giữ vững nó. Đó là bửa bối, là bí quyết để vượt qua khó khăn.

- **Đồng chí Lê Xuân Đồng *****: Từ lâu Đảng và Nhà nước ta đã thấy rõ phải chống tiêu cực và đã có không ít chủ trương, biện pháp đấu tranh chống tiêu cực. Vậy tại sao tiêu cực vẫn cứ phát triển và ngày càng nghiêm trọng thêm?

Đó là vấn đề chúng ta phải đi sâu nghiên cứu, phải có tổng kết nghiêm túc những việc đã làm, kê cả về nhận thức, chủ trương và biện pháp. Không thể sốt ruột. Càng không thể xuất phát từ sự bất bình, từ lòng mong muốn chủ quan. Có như vậy, mới đề ra được biện pháp hữu hiệu, khẳng định thêm quyết tâm.

Vừa qua, chúng ta chưa làm tốt những điều đó, chưa chỉ rõ nguyên

* Vụ trưởng Vụ quản lý tư pháp, Bộ tư pháp

** Phó trưởng Ban tuyên huấn TƯ Đảng

*** Phó trưởng Ban tuyên huấn tỉnh ủy Gia Lai - Kon tum

nhân của những biểu hiện tiêu cực, chưa có những biện pháp chống tiêu cực một cách có hiệu quả. Tình trạng « đánh trống bỏ dùi », thậm chí « trống đánh xuôi, kèn thổi ngược » còn khá phổ biến. Có lẽ vì thế mà tiêu cực có xu hướng gia tăng. Tiêu cực không tồn tại đơn lẻ, mà có sự liên hệ với nhau rất chặt, từ mọi phía. Nhìn không hết, chống không trúng có khác gì bịt đầu này lại hở đầu kia. Sự việc càng thêm rắc rối.

— **Đồng chí Bình Phương***: Không ít người cho rằng bây giờ thiếu gì việc cấp bách phải làm mà lại bày ra chuyện chống tiêu cực: càng chống thì nó càng bung ra. Quan niệm như vậy là sai. Từ lâu nay, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, biện pháp tiến hành đấu tranh chống tiêu cực. Tuy đạt được một số kết quả nhất định nhưng rõ ràng mục tiêu đề ra vẫn chưa thực hiện được. Hiện tượng tiêu cực còn phổ biến và rất nghiêm trọng. Tại sao như vậy? Theo tôi, trong nhiều năm chúng ta mắc những khuyết điểm lớn trong công tác tư tưởng, buông lỏng giáo dục, rèn luyện phẩm chất đạo đức, từ đó làm nảy sinh nhiều lệch lạc trong nhận thức, nhân sinh quan, trong lối sống của không ít người. Biểu hiện tập trung và chủ yếu là: tất cả cho mục đích vụ lợi, đua chen, giành giật, tôn thờ tiền, vàng, thương mại hóa mối quan hệ giữa người với người, cái gì cũng mua bán, từ bằng cấp, nơi làm việc đến địa vị, danh dự... Mặt khác, sự sai lầm về cơ chế vừa gò bó vừa sơ hở đã làm xuất hiện những hiện tượng vô tổ chức, vô kỷ luật, bất chấp kỷ cương, pháp luật, dẫn đến vi phạm và không ít trường hợp trở thành tội phạm.

Từ sau Đại hội VI của Đảng, nhất là từ khi xuất hiện « Những việc cần làm ngay » của đồng chí N. V. L., cuộc đấu tranh chống tiêu cực đã tiến thêm những bước mới. Sức mạnh của công

luận, áp lực của quần chúng lao động đông đảo, sự cố gắng của các cơ quan pháp luật chia mũi nhọn có hiệu quả bước đầu vào các hiện tượng tiêu cực đã cổ vũ cuộc đấu tranh, tạo đà phát triển đúng hướng và có kết quả. Đây là thuận lợi rất cơ bản cần được phát huy.

Song, để bảo đảm cho cuộc đấu tranh giành được thắng lợi, vẫn đề then chốt là phải định hướng đúng, phát hiện chính xác đối tượng, tập trung lực lượng đánh trúng và dứt điểm. Đây là vấn đề lâu nay ta gặp khó khăn. Nói đến tiêu cực thì ai cũng nhất trí. Nhưng cụ thể nó là ai, đơn vị nào thì người ta lại né tránh. Thực tế cho thấy, những « khu cấm địa » của sự phê bình vẫn còn không ít. Người tố cáo trung thực vẫn bị trả đáp, bị trả thù. Những thế lực tiêu cực, tôi có thể nói như vậy, đang còn mạnh, chúng lại liên kết với nhau, nên cuộc đấu tranh tất yếu gặp khó khăn, bị cản trở, thậm chí dây dợ lị lạc mục tiêu, mất phương hướng. Khó khăn chính là ở đó. Chưa kể đến yếu tố kẻ thù luôn rình rập, phá hoại, tiếp sức cho thế lực tiêu cực, gây thêm khó khăn cho chúng ta. Nhưng tôi tin, chúng ta sẽ vượt qua được khó khăn nếu mài sắc vũ khí chiến đấu, xây dựng niềm tin và quyết tâm cao.

— **Đồng chí Vũ Xuân Cận****: Tình hình hiện nay rất phức tạp. Tiêu cực đã phát triển trên một phạm vi rộng, dưới nhiều dạng khác nhau, gây tác hại lớn. Đặc biệt, phần đông các vụ, việc tiêu cực lại do những người có chức, có quyền, có tiền có thể gây ra. Đây chính là lực lượng cản trở, gây khó khăn lớn cho việc thực hiện cuộc vận động.

Bện đầu cơ bươn lậu, lữ gian thương đã và đang mọc nổi, câu kết với những kẻ thoái hóa biến chất và

* Phó trưởng Ban nội chính TƯ Đảng

** Ủy viên Ban thư ký Tổng công đoàn Việt nam

những phần tử xấu trong đảng và trong bộ máy nhà nước dễ phân kích, phá rối việc chúng ta đang làm. Tôi nghĩ đó cũng là khó khăn không nhỏ.

Việc phân phối không công bằng, đời sống của người lao động tiếp tục gặp khó khăn gay gắt; việc xử lý các vụ, việc tiêu cực vừa chậm vừa thiếu nghiêm minh, lại có tình trạng ô dù bao che cho người phạm tội, tặc trù dập, trả thù người phê bình, đó là những khó khăn và là điều khiến cho quần chúng bất bình và chưa thật sự tin tưởng vào thắng lợi của cuộc vận động này.

Thêm nữa, trước đây, việc chỉ đạo thực hiện các chỉ thị, nghị quyết thường không kiên quyết, thiếu đồng bộ, thiếu kiểm tra đôn đốc. Nếu không khắc phục những thiếu sót đó chắc chắn chúng ta sẽ gặp khó khăn hơn.

— **Đồng chí Phan Hiền*** : Tôi thấy phần khởi vì Nghị quyết đã đáp ứng lòng mong mỏi của những người có lương tri trong đảng và trong nhân dân. Đảng ta đã trải qua hơn nửa thế kỷ đấu tranh, có uy tín lớn trong nhân dân và đối với thế giới. Nhưng, hiện nay những hiện tượng không lành mạnh, làm yếu sức chiến đấu của các tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, như Nghị quyết nêu ra và phân tích, đã vượt quá giới hạn có tính chất khuyết, nhược điểm cho phép của một tổ chức cách mạng. Đó là vấn đề không thể xem thường.

Chúng ta không đồ thừa cho khách quan, cho hoàn cảnh bị đế quốc xâm lược, cho sản xuất nhỏ, tuy vẫn đánh giá đúng nguyên nhân khách quan. Cần phải thấy cho lết những nguyên nhân chủ quan để có biện pháp khắc phục có hiệu quả. Vừa qua tinh thần kiên quyết làm từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài, làm đến nơi đến chốn và công khai hóa, cùng với việc bước đầu phát huy sức mạnh của công luận, xử lý một số vụ, việc... đã tạo ra niềm

hy vọng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân lao động trong cả nước.

Nhưng tôi vẫn thấy có nhiều khó khăn, vì các hiện tượng tiêu cực không chỉ tồn tại ngoài xã hội mà đã thâm nhập rất sâu vào cả các tổ chức đảng và nhà nước, nhất là vào những cán bộ có chức có quyền. Một số đồng chí lãnh đạo cấp trên hỏi tôi: hiện nay đang có những hiện tượng phá rối trật tự xã hội có phải không? Tôi đã trả lời với tinh thần trách nhiệm, không sợ sai, rằng tôi không sợ phần tử xấu ngóc đầu dậy phá rối trật tự, mặc dù không được coi thường vấn đề này, vì mấy chục năm qua những lực lượng ấy đã dùng trăm phương ngàn kế mà không phá nổi sự nghiệp của chúng ta, không quay ngược được bánh xe lịch sử. Tôi sợ hơn cả là các hiện tượng tiêu cực xâm nhập vào cơ thể của Đảng và Nhà nước ta, làm mòn mỏi sức chiến đấu của đội ngũ tiên phong, lực lượng nòng cốt trong xã hội, làm rã rời ý chí và sức mạnh của bộ máy chuyên chính vô sản. Vấn đề phức tạp và gay go là ở chỗ muốn « dẹp loạn » bên ngoài thì phải « dẹp loạn » bên trong. Việc đó không phải dễ.

— **Đồng chí Đỗ Tông**** : Nói càng chống tiêu cực thì tiêu cực càng « mọc » ra không phải là không có lý. Theo tôi, tình trạng tiêu cực nghiêm trọng và kéo dài đến mức không bình thường như hiện nay chủ yếu là do nguyên nhân chủ quan. Đó là những sai lầm về chủ trương, chính sách, về chỉ đạo chiến lược, về tổ chức thực hiện trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội của Đảng và Nhà nước ta. Điều đáng lưu tâm là có những chủ trương, chính sách đúng, có những việc có thể giải quyết trong tầm tay, nhưng chúng ta đã không làm hoặc làm không đến nơi đến chốn. Một số cán bộ lãnh đạo và

* Thứ trưởng Bộ thông tin

** Phó giám đốc Nhà giáo dục chính trị, Ban tuyên huấn TƯ Đảng

quản lý chủ chốt của các cơ quan Đảng và Nhà nước đã tỏ ra bất lực trước những hiện tượng tiêu cực, buông lơi trách nhiệm, chỉ kêu gọi đạo lý suông rất kém hiệu quả. Một số khác kém gương mẫu, đã tìm cách lẩn tránh cuộc đấu tranh, thậm chí bao che, tiếp tay, làm chỗ dựa cho tiêu cực phát triển.

Tinh dân chủ, tính công khai trong sinh hoạt đảng và trong xã hội bị vi phạm, chuyên chính vô sản bị buông lỏng đã tạo nên tâm lý mất lòng tin ở những đảng viên, quần chúng trung thực, làm đà cho bọn thoái hóa biến chất, bọn làm ăn phi pháp lấn tới, xem thường kỷ luật và pháp luật.

Biện pháp chống tiêu cực đề ra nhiều nhưng khi thực hiện lại không đồng bộ, nửa vời, thiếu kiên quyết và triệt để. Cấp ủy chỉ đạo sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, các tổ chức quần chúng trong đấu tranh chống tiêu cực chưa tốt, quan điểm nhìn nhận tình hình, đánh giá cán bộ, vận dụng phương châm, chính sách xử lý không thống nhất đã dẫn tới những hệ quả trái ngược: cùng một sự việc ở cùng một con người, nhưng kẻ thì khen, người thì chê, nơi thì thi hành kỷ luật, nơi thì dề dặt, cắt nhấc...

Tất cả tình hình đó đã làm cho cuộc đấu tranh chống tiêu cực gặp khó khăn, kém tác dụng, thậm chí chệch hướng.

- Đồng chí Nguyễn Tiến Cang:
Chúng ta đang chống tham ô, hối lộ, móc ngoặc, cửa quyền... Nhưng trong cuộc đấu tranh này ta chưa giành thế chủ động mà còn bị động đối phó với những vụ việc cụ thể đã xảy ra, đuổi theo công việc tốn nhiều thời gian và công sức. Trong lúc các thế lực tiêu cực rất mạnh và ngày càng xảo quyệt, ta lại chưa biết tập trung sức để giải quyết. Có nhiều vụ, việc ta còn do dự, nường nệ, thả nổi, nhất là sự vi phạm lại ở những cán bộ có cương vị cao. Ở đây, một câu hỏi được đặt ra: muốn chống tiêu cực có hiệu quả thì phải chống từ đâu trước? Đang xuất hiện nhiều ý kiến khác nhau. Có người nói: đột từ nóc đột xuống cho nên phải chống từ trên trước. Ý kiến khác: làm từ cơ sở làm lên, vì cơ sở mới trực tiếp quan hệ với quần chúng. Vấn đề tưởng như đơn giản nhưng đó chính là sự khác nhau về quan điểm, về phương pháp, mà chúng ta cần suy nghĩ. Ai cũng biết, vai trò của các đồng chí lãnh đạo ở các cấp, các ngành, các đơn vị quyết định sự thành bại của cuộc đấu tranh này. Thực tế cho thấy, dưới chùy nhưng chưa chắc trên đã chuyển. Song, nếu trên đã chuyển thì nhất định dưới phải chuyển theo. Đầu xuôi đuôi lọt. Rõ ràng, chúng ta không thể làm theo kiểu cũ.

(Xem tiếp số sau)

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ...

(Tiếp theo trang 64)

công hơn và đời sống lại tồi hơn? Để phát triển sản xuất và tạo ra sự phân phối công bằng mà chúng ta cần phải phát hành thêm tiền, cần phải tăng giá một cách có lợi cho nhà nước, cần phải chi thêm khoản này khoản khác để có nguồn thu lớn hơn thì lý gì chúng ta lại không làm?

Cuối cùng tôi muốn nói đôi lời về giải pháp tiền tệ và giá cả. Phát hành tiền đề năm hàng, điều chỉnh giá đề năm tiền là hai biện pháp rất cơ bản

cần phối hợp một cách khéo léo để thực hiện một sự phân phối lại tiền, hàng theo hướng từng bước có lợi cho Nhà nước và các tầng lớp cơ bản, trụ cột của xã hội. Trừ trừ, đo đo, thiếu quyết đoán trong việc thi hành hai biện pháp này chính là tự trói tay mình, cũng có nghĩa là tự sát. Tất nhiên những giải pháp này phải được tính toán công phu và chủ động trong một tổng thể hài hòa cùng với những biện pháp khác đã nêu ở trên.

PHẢI BẢO VỆ CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ, CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA CỦA DÂN TỘC

NGHỊ quyết của Bộ chính trị Trung ương Đảng cộng sản Việt nam về "Đổi mới và nâng cao trình độ lãnh đạo, quản lý văn học, nghệ thuật và văn hóa, phát huy khả năng sáng tạo, đưa văn học, nghệ thuật và văn hóa phát triển lên một bước mới" vừa ra gần đây đã nhấn mạnh: "Phải coi các di tích lịch sử, các tác phẩm, công trình văn hóa nghệ thuật, các tài năng và danh nhân là tài sản quý của quốc gia, có những chủ trương và biện pháp có hiệu lực bảo tồn lâu dài các di tích lịch sử và các giá trị văn hóa để giáo dục nhân dân lòng yêu nước và tự hào dân tộc, về truyền thống lịch sử và văn hóa, tạo điều kiện cho nhiều thế hệ có thể thưởng thức, tiếp thu, nghiên cứu các giá trị văn hóa cổ truyền, tiếp tục sáng tạo ra những giá trị văn hóa mới thể hiện được tâm cao của thời đại và chiều sâu của truyền thống, vừa dân tộc vừa hiện đại, đấu tranh chống xu hướng nệ cổ, bảo thủ và cả xu hướng mất gốc, hư vô chủ nghĩa".

Đây là công việc khổng đơn giản, đòi hỏi nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều nhà chuyên môn phải hiệp lực thực hiện.

Vừa qua, đây đó, có hiện tượng tùy tiện trong việc thực hiện nhiệm vụ quan trọng nói trên. Xin nêu một vài ví dụ:

Năm 1974, tại huyện Lập Thạch, Vĩnh Phú người ta đã cho tháo dỡ, phá bỏ tận chân móng tòa tháp Bình Sơn cao 16m, xây lại một tòa tháp hoàn toàn mới. Thoạt nhìn, tưởng là việc thiện chí, một hành động mạnh dạn, cách mạng. Nhưng thật tai hại và đau xót: một công trình kiến trúc độc đáo duy nhất còn lại nguyên vẹn của thời Lý-Trần đã bị đánh đổi bằng một cái tháp được xây bằng vật liệu và kỹ thuật thời nay. Người ta đã hủy hoại một di tích lịch sử gần nghìn năm hết sức quý giá của dân tộc!

Lăng đá Thái hà ấp, một công trình kiến trúc vào loại tiêu biểu cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20 bị loại bỏ không thương tiếc...

Nhìn chung, trong công tác bảo tồn các di sản văn hóa có hai hiện tượng trái ngược: chỗ thì nệ cổ, xưa có gì thì nay khơi lại hết; chỗ khác lại phá phách, cấm đoán và đe dọa. Thậm

chỉ có cả sự can thiệp thiếu tế nhị của các cấp chính quyền. Những quan niệm mê tín và tín ngưỡng bị lẫn lộn. Công trình văn hóa xuống cấp, bị xâm phạm là hiện tượng có thật. Điều đó một mặt nói lên tình trạng vi phạm chủ trương của Đảng và Nhà nước ta về kế thừa và phát huy di sản văn hóa dân tộc, mặt khác thể hiện thái độ thờ ơ, coi thường pháp luật, mất dân chủ trong hoạt động văn hóa. Nguyên nhân những biểu hiện sai trái đó là gì?

Thứ nhất, đội ngũ cán bộ quản lý di sản văn hóa hiện nay phần đông chưa đủ năng lực, trình độ quản lý, lại chưa có tinh thần trách nhiệm cao, bị sức ép từ phía này phía nọ nên đã buông lơi, không lo gìn giữ các di sản văn hóa hoặc làm theo những chỉ dẫn vô đoán, vô căn cứ.

Thứ hai, việc xác định giá trị di sản văn hóa nhiều khi chưa được tiến hành theo đúng thủ tục khoa học, chưa

tham khảo rộng rãi ý kiến của các nhà khoa học, của quần chúng nhân dân có hiểu biết. Có nơi, có lúc đã nguy tạo những luận chứng không xác đáng. Nghiêm trọng hơn là đặt di sản văn hóa trước sự việc đã rồi.

Di sản văn hóa là tài sản của quốc gia, của nhân loại tiến bộ, tuyệt nhiên không phải của một tổ chức nào, càng không phải là của riêng ai. Vì vậy, xác định giá trị cùng với kế thừa, phát huy di sản văn hóa phải là công việc sáng tạo của mọi người, một công việc thường xuyên, không bao giờ ngừng nghỉ.

Mong rằng Nghị quyết của Bộ chính trị về văn học, nghệ thuật và văn hóa sẽ được quán triệt trong toàn đảng, toàn dân, nhất là các cơ quan hữu quan và những người có trách nhiệm trực tiếp, để không còn diễn ra những hiện tượng sai trái nó trên.

BÙI THIẾT
(Hà nội)

NÔNG DÂN VÀ CÂY LÚA PHÚ CHÂU

HUYỆN Phú châu (tỉnh An giang) trước năm 1975 có 2500 ha lúa hai vụ, 12 000 ha lúa một vụ, sản lượng cả năm không tới 10 000 tấn thóc. Sau mười hai năm theo Đảng tiến quân vào mặt trận sản xuất nông nghiệp, ngày nay nông dân Phú châu cần cù lao động với 15 000 ha lúa hai vụ, làm ra hơn 110 000 tấn lương thực, làm nghĩa vụ cho Nhà nước mỗi năm gần 30 000 tấn.

Sản lượng lương thực phát triển nhanh, làm nghĩa vụ cho nhà nước cũng tăng đáng kể, nhưng người nông dân Phú châu vẫn thấy bàn khoăn, lo lắng, cuộc sống vẫn còn bấp bênh, chưa ổn định. Vì sao vậy? Có hai nguyên nhân chính.

Một là, diện tích lúa tăng nhanh nhưng phân bón thiếu nghiêm trọng luôn luôn đe dọa đời sống cây lúa. Ruộng đất Phú châu hằng năm nếu đầu tư khoảng 650 kg phân/1ha có thể thu hoạch trên mười tấn thóc, và nếu cứ đầu tư thêm 100 kg phân đạm cho một ha thì năng suất sẽ tăng thêm 1 tấn. Thế nhưng, trong thời gian qua việc đầu tư phân đạm cho cây lúa thường là thiếu và không kịp thời vụ.

Vụ hè—thu năm 1987 theo hợp đồng đã ký kết, công ty lương thực phải cấp cho các tập đoàn sản xuất 2000 tấn ure. Kết quả các tập đoàn sản xuất chỉ nhận được 1000 tấn trong đó có 200 tấn ngoài kế hoạch và 350 tấn được cấp khi đã hết thời vụ bón phân. Vì thiếu phân, năng suất chỉ đạt 3,3 tấn/ha, sản lượng thóc hụt 8 000 tấn so với kế hoạch.

Trong hợp đồng kinh tế hai chiều, nếu nông dân vi phạm thì bị nhà nước xử lý theo pháp luật, nhưng nếu các cơ quan đại diện cho nhà nước như công ty lương thực, nông nghiệp, vật tư, thủy lợi vi phạm hợp đồng, cấp thiếu hoặc không kịp thời phân đạm, nước tưới, thuốc trừ sâu thì nhà nước không xử lý, thiệt hại về năng suất, sản lượng nông dân hoàn toàn phải gánh chịu. Đó là một tình trạng tùy tiện không bình đẳng trong quan hệ kinh tế.

Nếu thiếu phân là do khó khăn chung của cả nước thì nên giảm định mức đóng góp nghĩa vụ xuống một cách hợp lý cho từng vùng nông nghiệp. Trường hợp nhà nước chưa có khả năng thực hiện hợp đồng hai chiều đối với nông dân thì nên áp dụng hình thức thuận mua vừa bán.

Hay là, chính sách giá cả thu mua lương thực và sự đóng góp quá lớn đã ảnh hưởng đến đời sống nông dân

Hiện nay giá mua bán thỏa thuận có tăng hơn trước, giá định mức trao đổi vật tư có hạ xuống (1kg ure trước đây đổi 3kg thóc, nay còn 2,5 kg; 1kg NPK trước đây đổi 4,5kg thóc, nay còn 3,5kg) nhưng sau vụ thu hoạch, trừ các khoản nợ hợp đồng kinh tế hai chiều và chi phí sản xuất, nông dân không đủ sống đến vụ sau.

Lấy 1 ha lúa hè—thu năm 1987 làm ví dụ:

- Thu hoạch: 3300 kg
 - Trả nợ hợp đồng kinh tế 2 chiều: 921 kg
- trong đó: Phân: 550 kg
Thuốc trừ sâu: 105kg
Xăng dầu: 266kg
- Chi phí làm đất, nước tưới, thu hoạch, vận chuyển: 1035kg
 - Giống: 325 kg
 - Phần thóc còn lại nông dân hưởng là: 1019 kg (chưa tính thuế), bằng 1/3 sản lượng thóc mà họ sản xuất được.

Về giá cả, trung ương quy định: lấy giá thóc làm giá chuẩn, giá mua thóc phải bảo đảm cho nông dân có lãi trên 40%. Nhưng những người phụ trách giá cả nông nghiệp do quan liêu, xa rời thực tế nên đã định ra chính sách giá không phù hợp. Đầu vụ đông xuân năm 1986 trung ương quy định giá mua thóc thỏa thuận là 2,5đ/1kg, thì giá thị trường là 4đ/1kg. Trước tình hình đó, tỉnh chủ trương nâng giá thu mua lên 3,5đ/1kg liền bị trung ương thi hành kỷ luật. Khi giá mua thóc trung ương quy định 25đ/1kg thì giá thành của nó là 50đ, nay trung ương lên 50/1 kg thì giá thành là 75đ.

Tóm lại, tình trạng cung ứng vật tư, phân bón và chính sách huy động lương thực, giá cả mua bán giữa nhà nước và nông dân hơn 10 năm qua là bức tường kiên cố ngăn cản bước phát triển sản xuất nông nghiệp và đó cũng chính là mạch nước ngầm làm xói mòn lòng tin của nông dân đối với Đảng.

Nếu cứ tiếp tục kéo dài tình trạng vô lý trên, nền nông nghiệp nước ta không bao giờ tiến lên hàng đầu được.

TRẦN TRUNG NÔNG
(An giang)

CHUYỆN CH. CH.

Tạp chí Cộng sản số 12-1987 mục Sinh hoạt tư tưởng có « Câu chuyện về đồng chí Ch. Ch. » (bài của Hồng Tâm) sao phổ biến thế, chỗ tôi cũng có ch. ch.

Vậy có thơ rằng:

Lên chức: nhờ lo chạy chọt

Đổi mới ư? chằm chọc, chần chờ

Tiếp dân: cứ mặc cho chờ

Ai khuyết điểm nhỏ: chêm cho chết
liền

Vợ con rồi: vẫn quen chim chuột

Nhậu nhệ đầu: số một chịu chơi

Ghét sách, chuyện chường mới
coi...*.

BÚT NGUYỄN TỬ

(Sóc trang)

(1) Thể loại thơ không thích hợp với tạp chí. Nhưng với sự tôn trọng nhiệt tình của bạn đọc, chúng tôi trích đăng một số câu thơ hiện được nội dung học thư, mong bạn Bút Nguyễn Tử thông cảm (LBI)

MỘT VÀI SUY NGHĨ...

(Tiếp theo trang 54)

tiêu chung của thời đại. Ngày nay, khi tất cả các quốc gia lớn nhỏ trên thế giới đều có những lợi ích chính đáng của mình, khi các nước ngày càng lệ thuộc nhau về mặt an ninh và phát triển, thì sẽ là thiên cại nếu chỉ căn cứ vào tính chất giai cấp của tập đoàn cầm quyền một nước để coi nước đó là bạn hay thù. Cách làm đó cản trở sự phối hợp giữa các nước để giải quyết những vấn đề sống còn đang đặt ra trước nhân loại. Các quốc gia, các dân tộc chỉ có thể là bạn của nhau. Những bất đồng, những mâu thuẫn giữa các nước, giữa các dân tộc cần phải được giải quyết bằng thương lượng, hòa bình và bằng thỏa hiệp. Không được để những xung đột về lợi ích dân tộc cản trở việc tập hợp lực lượng trong cuộc đấu tranh cho những mục tiêu của thời đại. Xu thế chung trên thế giới đòi hỏi chúng ta phải đổi mới tư duy theo hướng đó. Tất nhiên, điều này không chỉ tùy thuộc chúng ta, mà cả ở đối phương. Trên lĩnh vực đổi mới này, ĐCS Liên xô đã đi tiên phong. Tấm gương đó đang ảnh hưởng và tác động sâu rộng chưa từng có. Chúng ta

không thể có ảo tưởng rằng chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động cũng đổi mới tư duy như chúng ta. Muốn làm cho chúng từ bỏ lối suy nghĩ phản động của chúng, dĩ nhiên phải trải qua đấu tranh và có thời gian. Song trước hết là bản thân chúng ta phải đổi mới.

Vấn đề phân biệt bạn thù liên quan mật thiết đến vấn đề củng cố hòa bình. Hai quốc gia không thể cùng tồn tại hòa bình nếu vẫn xem nhau là thù địch. Tồn tại hòa bình không phải chỉ là ngừng xung đột vũ trang và tiếp tục sự đối đầu dưới một hình thức khác mà nó là một trật tự quốc tế trong đó các nước có chế độ chính trị-xã hội khác nhau cùng tồn tại trong quan hệ láng giềng thân thiện và hợp tác cùng có lợi trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, khoa học kỹ thuật v.v. Điều này rõ ràng không cản trở gì cuộc đấu tranh giai cấp trong nội bộ mỗi nước.

Cuối cùng, việc đổi mới trong khâu thông tin quan hệ quốc tế và đổi mới tổ chức và cán bộ đối ngoại là những khâu hết sức quan trọng và cấp bách.

Qua sách báo các nước anh em

CÔNG CUỘC CẢI TỐ VÀ VẤN ĐỀ LỊCH SỬ

K HÔNG phải ngẫu nhiên trong thời gian gần đây, cùng với việc triển khai công cuộc cải tổ ở Liên xô, xuất hiện khá nhiều bài viết về lịch sử Đảng và Nhà nước Liên xô, đặc biệt là về giai đoạn những năm 20 và 30, về thời kỳ tiếp liền ngay sau khi Lê-nin mất.

Như đồng chí M.X. Goóc-ba-trốp, Tổng bí thư UBTU ĐCS Liên xô đã nêu rõ trong báo cáo ngày 2-11-1987 tại cuộc mít tinh trọng thể kỷ niệm lần thứ 70 Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười, cần phải nhìn lại thời kỳ này và đánh giá nó với tinh thần phê phán, tinh thần trách nhiệm lịch sử và trên cơ sở chân lý lịch sử, là vì 3 lý do sau đây:

1 — Thời kỳ này có tầm quan trọng to lớn đối với vận mệnh của nhà nước xô viết, vận mệnh của chủ nghĩa xã hội.

Đây là thời kỳ Nhà nước xô viết phải cố gắng rất lớn để làm sao tìm được những phương án tối ưu xây dựng chủ nghĩa xã hội cũng như đạt được kết quả thực tế trong xây dựng cơ sở của xã hội mới. Đây cũng là thời kỳ diễn ra một loạt sự kiện có hiệu quả lâu dài: công nghiệp hóa, tập thể hóa, cách mạng văn hóa, cũng có nhà nước nhiều dân tộc, xác lập vị trí quốc tế của Liên xô, quản lý kinh tế và toàn bộ đời sống xã hội.

2 — Thời kỳ này là điểm trung tâm của những cuộc tranh luận nhiều năm ở Liên xô cũng như ở nước ngoài, nơi mà đi đôi với việc tìm tòi chân lý, người ta thường tìm cách làm chủ nghĩa xã hội mất tín nhiệm với tính cách là một chế độ xã hội mới, là một đối sách thực tế cho chủ nghĩa tư bản.

3 — Đặc biệt lúc này, khi công cuộc cải tổ đã được triển khai, cần có những nhận định đúng sự thật về thời kỳ này và về tất cả những thời kỳ khác trong lịch sử Liên xô, là để đền đáp lại tất cả những gì anh hùng đã diễn ra trong quá khứ, là để từ những sai lầm và những tính toán sai rút ra những bài học, chứ không phải là để trả mối thù chính trị hoặc để làm cho đau lòng như người ta thường nói.

Gắn liền với việc đánh giá thời kỳ trên là đánh giá vai trò của người lãnh đạo Đảng và Nhà nước xô viết lúc bấy giờ là Xta-lin. Cho đến nay, cả ở Liên xô lẫn ở nước ngoài, vai trò của Xta-lin trong lịch sử vẫn là một đề tài được người ta tranh luận nhiều. Về vấn đề này, trong báo cáo ngày 2-11-1987 nói

trên, đồng chí M.X. Goóc-ba-trốp cũng đã phát biểu khá chi tiết (*). (Xem: *Nhân dân*, ngày 6-11-1987, tr. 3, 4.)

Dưới đây là một số ý kiến đáng chú ý chung quanh vấn đề này, lược ghi qua báo chí Liên xô trong thời gian gần đây.

● V.A. CÔ-ĐƠ-LÔP, Phó tiến sĩ khoa học lịch sử (*)

Cho tới nay, khoa học lịch sử, trong đó có khoa học lịch sử đảng, vẫn tụt lại sau so với nhịp độ phát triển chung.

Liên quan đến tình hình trên, giáo sư Iu.A-pha-na-xi-ép trong bài « Sức mạnh hiểu biết lịch sử » đăng trên báo *Tin tức Mát-xcơ-va* (số 2, ngày 11-1-1987) đã nêu lên hai điểm:

1 - Trong các sách giáo khoa hiện nay đôi khi người ta vẫn thấy tái hiện lại sơ đồ của Xta-lin rất xa với sự thật về thắng lợi của Tháng Mười và về công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên xô.

2 - Người sinh viên bất hạnh nào mà bị đổ lên đầu một loạt tên gọi do Xta-lin đặt ra như « biến tướng của chủ nghĩa men sê vích », « khuynh hướng men sê vích », « nhóm phản cách mạng », « tay sai của giai cấp phú nông », v.v. thì hẳn phải cần bản mất đi khả năng suy nghĩ của mình về những nhân hiệu đó. Đồng thời, anh ta cũng mất đi khả năng hiểu rõ thực chất những cuộc tranh luận về lý luận và những quan niệm về chủ nghĩa xã hội, khả năng so sánh con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên xô với con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các nước khác.

Không tán thành ý kiến nêu trên, phó giáo sư A.N.Đa-vư-dốp trong một lá thư gửi ban biên tập tạp chí *Những vấn đề lịch sử ĐCS Liên xô* có đặt câu hỏi:

1 - Liệu có thể coi sơ đồ về thắng lợi của Tháng Mười và về công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên xô,

nêu trong sách báo của Đảng ta, chỉ là của Xta-lin không?

2 - Liệu có thể coi những tên gọi một số khuynh hướng (nêu trên) và những nhóm cơ hội chủ nghĩa đã từng có trong hàng ngũ của Đảng ta, chỉ là những tên gọi của Xta-lin không? Bởi vì những tên gọi đó được đưa cả vào những văn kiện của các hội nghị toàn thể của UBTV và của các đại hội của Đảng.

Giữa hai ý kiến khác nhau đó, sự thật ở chỗ nào?

Theo tôi, vấn đề không phải ở chỗ như câu hỏi thứ nhất do A.N.Đa-vư-dốp đặt ra. Bất cứ « sơ đồ » nào, kể cả đề tiện cho mục đích giảng dạy và học thuộc, có lẽ đều không thỏa mãn được các nhu cầu của xã hội về mặt trí tuệ. Hiện nay cần có sự chứng minh và sức thuyết phục ở một mức độ khác, cần khắc phục *bệnh công thức* và *bệnh giản đơn*, những chứng bệnh kinh niên trong việc giải thích những vấn đề gay cấn nhất trong lịch sử Đảng và xã hội xô viết.

Sai lầm lớn trong việc đánh giá quá khứ là đánh giá theo kiểu số học hết sức giản đơn - thay các dấu cộng bằng các dấu trừ.

Quan niệm về sự phát triển « không có mâu thuẫn » trong chủ nghĩa xã hội đã ảnh hưởng trực tiếp tới toàn bộ phép chép sử xã hội xô viết. Nếu như hiện nay chúng ta thấy trong cuộc sống, không phải là « một số thiếu sót nào đấy » được thêm cho phải phép vào những thành tựu không thể bàn

(*) Xem bài « Nhà sử học và công cuộc cải tổ », tạp chí *Những vấn đề lịch sử ĐCS Liên xô*, số 5-1987, tr. 110-122.

cải của chúng ta, mà là một biến những vấn đề đang giải thích và đang đề ra cả những thành tựu lẫn những thiếu sót, thì điều kỳ lạ là trong quá khứ người ta lại không thấy như vậy. Vì vậy mà tiến trình chung của công cuộc cải tổ, tinh thần phê phán sắc sảo của thời kỳ bước ngoặt hiện nay của chúng ta, đang tạo ra những khả năng lý giải một cách có phê phán « ngày hôm qua » của chúng ta.

Lịch sử đang tích cực tham gia những cuộc tranh cãi và những cuộc thảo luận của ngày hôm nay. Và ở đây đôi khi nảy ra xu hướng muốn đưa một cách máy móc những quan niệm của ngày hôm nay vào quá khứ, những mưu toan muốn đánh giá quá khứ như là một « hiện tại kém giá trị ». Muốn hay không muốn, thì với một cách thức như vậy, những sự kiện của quá khứ sẽ được đánh giá không phải trên quan điểm những mâu thuẫn, những vấn đề và những khả năng thực tế của nó, mà trên quan điểm phù hợp hay không phù hợp với những hiểu biết, những ưa thích, những ưu tiên hiện nay của chúng ta, nếu không chỉ là phù hợp với quan điểm của nhà chính luận này hay nhà chính luận khác.

Sự thật trong lịch sử đòi hỏi chúng ta phải giải quyết những vấn đề hết sức nghiêm túc về mặt chuyên môn; sự thật không chỉ là vạch rõ những người phạm tội và đưa ra những bài công kích đầy xúc cảm.

Giai đoạn mới trong sự phát triển của xã hội, về khách quan, trùng với giai đoạn mới trong việc nghiên cứu lịch sử phát triển của xã hội.

Những tính toán sai về phương pháp luận trong việc giải thích lịch sử Đảng và xã hội xô viết dẫn tới những tồn thất nghiêm trọng về mặt giáo dục. Điều này chúng ta thấy rõ nhất ở bức tranh ghép mảnh mà những năm 30 hiện ra trong nhận thức của con người hiện tại: nhiệt tình kỷ lệ

trong những kế hoạch 5 năm đầu tiên và những vi phạm thô bạo đối với pháp chế xã hội chủ nghĩa; sự nâng cao lòng tự trọng ở hàng triệu người và sự sùng bái một người; sự chống lại kịch liệt của kẻ thù giai cấp hoạt động thực sự và những người bị liệt vào hàng ngũ « kẻ thù của nhân dân » gồm nhiều người trung thực và tận tụy là đảng viên và không phải đảng viên. Cần phải biết và nhớ tất cả những sự việc đó. Nhưng đều là xa sự thật như nhau, cả những mưu toan muốn xét những năm 30 theo những quy luật của cuộc sống hiện tại bằng cách trừu tượng hóa đi sự gay gắt của cuộc đấu tranh giai cấp của thời kỳ quá độ, trừu tượng hóa đi những đặc điểm của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một nước, lần ý đồ muốn dùng « hoàn cảnh khác nghiệt của thời kỳ đó » để bào chữa hoàn toàn cho mọi sai lầm, mọi hành động quá đáng, mọi sự vi phạm pháp chế.

Những sai lầm không xóa được những thành tích, nhưng những thành tích cũng không bào chữa được những sai lầm — chân lý này khá rõ. Nhưng điều ngược đời là ở chỗ: mảng « trắng » và mảng « đen » của bức tranh chung những năm 30, lại tồn tại như thể không phụ thuộc vào nhau: một mảng của bức tranh đó thì được xây dựng dưới ảnh hưởng của những công trình nghiên cứu lịch sử mang tính khoa học và khoa học đại chúng, còn mảng kia thì lại được xây dựng trên cơ sở thông tin được khai thác từ những nguồn khác và không được ngành sử học chuyên nghiệp « chế biến » lại. Và kết quả là trong các cuộc thảo luận thường ngày về thời kỳ trước chiến tranh xa xôi và gian khổ, cái thường chiếm ưu thế lại là cái lô gích siêu hình giản đơn: một mực bênh vực hoặc một mực lên án quá khứ. Trong mô hình « lao động » hằng ngày của những năm 30 mà con người hiện tại sử dụng, điều chiếm ưu thế là « khẳng định » hay

« phủ định », nhưng thường lại thiếu phép biện chứng. Do đó mà sự cảm thụ toàn vẹn thời kỳ đó bị phá vỡ.

Nếu xem lịch sử trước và sau chiến tranh là lịch sử sùng bái cá nhân, như một số nhà sử học đề nghị, thì thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, thời kỳ của chủ nghĩa anh hùng, thời kỳ của những chiến công và thời kỳ đấu tranh của nhân dân xô viết, sẽ có nguy cơ trở thành « thời kỳ sùng bái cá nhân ». Như vậy sẽ không công bằng, sẽ là không hiểu biết lịch sử. Chính vì thế hiện nay, thực tế có nhu cầu xã hội là xây dựng một tiêu sử chính trị thật sự khoa học về I.V. Xta-lin...

PHA-DIN I-XCAN-ĐE •

Tin Xta-lin mất đến với tôi đúng trên chuyến xe lửa tôi đi từ Ma-kha-ska-la, nơi tôi đã qua thời gian thực tập của sinh viên. Tôi nhớ ở khắp các ga đầu đầu cùng thấy những đám đông đứng bên cạnh các loa phóng thanh, đầu đầu cũng nghe tiếng nhạc tang, cũng bắt gặp những bộ mặt buồn rầu, đôi mắt đầm lệ. Mặc dù thái độ phê phán đối với Xta-lin ở tôi đã xuất hiện rất sớm, nhưng trong những ngày ấy tôi vẫn chia sẻ nỗi đau thương chung.

Sở dĩ có thái độ như vậy là vì tôi đã được nghe nhiều ý kiến của những người cùng quê với tôi ở Trê-ghe-m về Xta-lin. Họ phải dùng cuộc đời đập dặt trên những cánh đồng nông trang tập thể, cho nên hiển nhiên là họ không tán thành chính sách ruộng đất của Xta-lin.

Nhưng Xta-lin đã mất rồi. Liệu lúc ấy có ai tin chắc hoặc đoán trước rằng một thời đại hoàn toàn mới đang bắt đầu hay không? Cá nhân tôi thì không có ý nghĩ như vậy, nếu không thì tôi đã nhớ điều đó rồi.

Nhưng đúng là mấy ngày sau thì một thời đại mới đã bắt đầu. Trên các báo đều đăng một thông báo cho biết đã kết thúc vụ án khủng khiếp « những thầy thuốc giết người » do thiếu chứng cứ buộc tội. Việc đăng thông báo đó gần liền ngay sau ngày Xta-lin mất để cho người ta thấy ai là kẻ gây nên vụ án khủng khiếp đó.

Ngay sau Đại hội XX mà chúng ta không thể nào quên vì đã làm sống lại niềm hy vọng trong tâm hồn chúng ta, tôi đã nhớ lại câu chuyện sau. Chuyện xảy ra ở Xu-khu-mi. Tôi ngồi tại bàn ăn ở nhà một người bạn học. Chủ nhà là một nữ bác sĩ già được mọi người kính trọng, quả thật suốt ngày từ mờ sáng đến tối mịt bà luôn bận rộn với những bệnh nhân của mình. Quản lý công việc trong nhà là một phụ nữ tốt bụng, giản dị. Tôi biết người phụ nữ này đã nhiều năm. Tên người đó là Ki-li-a. Tôi ngồi tại bàn ăn và đọc to bài thơ của Xlút-xki vừa đăng trên *Báo văn học*. Đây là bài thơ về Xta-lin. Và bỗng nhiên tôi thấy Ki-li-a khóc.

— Ki-li-a, vì sao chị khóc ?—Tôi hỏi.

Chị im lặng.

— Ki-li-a, chị hiểu bài thơ này viết về ai chứ ?

Ki-li-a là một phụ nữ ít học. Tôi chưa bao giờ chú ý làm cho người phụ nữ đó quan tâm tới chính trị hoặc càng ít hơn nữa, tới thơ. Tôi cảm thấy rằng chỉ có một trình độ văn hóa nhất định mới có thể hiểu được bài thơ này của Xlút-xki. Trong bài thơ này Xta-lin không được gọi theo tên: «... còn ông chủ tôi thì không yêu tôi... Ông Trời đi trên bốn xe »...

— Đúng là chị hiểu bài thơ này viết về ai ư ?

— Tất nhiên, chị nói, — về Xta-lin.

(*) Xem bài « Bảy bức ảnh về bảy thập kỷ », báo *Tin tức Mới-xơ-va*, số 45, ngày 8-11-1987, tr. 8.

— Thế vì sao chị khóc ?

— Trong thời gian đói ở U-crai-na, cả thôn chúng tôi chết dần chết mòn. Chỉ có tôi và một bạn gái lết được tới đường sắt và thế là chúng tôi có mặt ở Cáp-ca-dơ...

Đối với tôi, những giọt nước mắt của Ki-li-a mãi mãi là thái độ thực sự của nhân dân đối với Xta-lin. Bất cứ một thái độ nào khác đều là ma mánh. May mắn thay, Ki-li-a còn sống...

ĐMI-TƠ-RI VÔN-CÔ-GÔ-NỐP, Tiến sĩ triết học *

Xta-lin là một trong những nhân vật phức tạp nhất trong lịch sử.

Là những người trung thực trước chân lý, trước lịch sử, thì không thể không thừa nhận sự cống hiến hiển nhiên của I. V. Xta-lin vào cuộc đấu tranh vì chủ nghĩa xã hội và để bảo vệ chủ nghĩa xã hội, cũng như không thể không thừa nhận những sai lầm chính trị và tội ác của ông.

Nói đến Xta-lin là nhiều người trước hết nghĩ ngay tới năm 1937 hi thẩm... Nhưng chính vào những năm đó lại diễn ra việc xây dựng nền móng của tất cả những gì chúng ta bảo vệ hôm nay; chính trong thời gian đó lại diễn ra sự phấn khởi tột độ của những con người xô viết đã đứng vững và chiến thắng chủ nghĩa phát xít trong cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại. Vì vậy, thật là sai lầm về mặt chính trị, không trung thực về mặt đạo đức, nếu buộc tội Xta-lin là nghi ngờ những thành tựu thực tế của chủ nghĩa xã hội, nghi ngờ những khả năng có tính chất nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội.

Không nên đánh giá quá khứ theo quan điểm số học: cái nào ở Xta-lin lớn hơn—công hay tội? Bản thân cách đặt vấn đề như vậy đã là vô đạo đức, bởi vì không một công lao nào có thể biện hộ cho sự vô nhân đạo.

Có ba nguyên nhân khiến cho người ta quan tâm tới cuộc đời của Xta-lin :

Một là, Xta-lin mới mất cách đây chưa đầy bốn thập kỷ, có nghĩa là số phận của Xta-lin liên quan mật thiết với số phận những người đang sống hiện nay, những bậc tiền bối gần gũi của họ.

Hai là, hiện nay có sự hiểu biết mới về những giá trị xã hội và những giá trị chung của loài người như: chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa nhân đạo, sự công bằng, chân lý, những lý tưởng đạo đức. Sự mù quáng do chủ nghĩa giáo điều gây ra rất nguy hại, nó có thể biến hệ tư tưởng thành một thứ tôn giáo.

Ba là, mặc dù có vô số bài báo ca ngợi Xta-lin, vô số chân dung, tượng Xta-lin, vô số tác phẩm của Xta-lin, những người xô viết thực sự vẫn không biết gì về Xta-lin.

Trong việc tìm hiểu cuộc đời Xta-lin có một số khó khăn như :

— Không phải không có sự tham gia của Xta-lin và sự giúp đỡ của các bạn chiến đấu của ông thì trong lịch sử Liên xô sẽ có không những nhiều điểm « trắng », mà cả nhiều chỗ trong đó các chương trong sử biên niên bị xuyên tạc, nếu không phải thật sự là bị vứt bỏ.

— Làm sao có thể giải thích và hiểu được việc Xta-lin thực tế đã trừng trị ngay cả đối với Bu-kha-rin, một nhà hoạt động hết sức nổi tiếng của đảng, một đồng chí thân thiết của đảng.

Về phần tôi, cách đây mấy năm, khi chuẩn bị viết một khảo luận triết học về I.V. Xta-lin, cố gắng khắc họa chân dung chính trị của ông, chẳng hiểu sao tôi lại quan tâm tới những cuốn sách và bài báo viết về các nhà lãnh đạo chuyên chế trong lịch sử như Ma-xê-đoan, Xê-da, Crôm-oen, I-van bạo chúa, Pi-e đệ nhất...

(*) Xem bài « Hiện tượng Xta-lin » trong *Báo văn học*, số 50, ngày 9-12-1987, tr. 3.

**MÁC-TIN ƯỚC-CƠ, phóng viên báo
Người bảo vệ (Anh), ở Mát-xcơ-va (*)**

KHI Xta-lin mất tôi vừa mới vào trường phổ thông. Nhưng tôi nhớ rất rõ hồi đó, bởi vì ở quận Đa-rem, xứ sở của thợ mỏ, nơi tôi ra đời và lớn lên, trong nhiều gia đình Xta-lin được tôn kính như một vị anh hùng. Khi Xta-lin mất, người ta đã dùng vải nhiều đen để phủ ảnh ông. Tôi nhớ một dòng chữ ghi trên một bức tường gạch ở đầu ngõ chúng tôi ở: "I-ô-xíp = vua !".

Tôi nhớ là bố tôi, một người đã chiến đấu 5 năm chống bọn quốc xã và đã từng qua Bắc Phi, I-ta-li-a, Đức, có nói với tôi: nếu không có Xta-lin và Hồng quân, thì trẻ em Anh, trong đó có tôi, sẽ phải sống trên một mảnh đất bị chiếm đóng và bị nó dịch, và giờ đây sẽ phải nói tiếng Đức.

Thầy giáo dạy sử của tôi (đơn vị của ông đã giải phóng trại tập trung Béc-ghen—Ben-den) đã nói với chúng tôi rằng, chỉ có mùi chết nồng nặc là bốc lên từ hàng triệu nạn nhân của Hit-le. Còn từ những nạn nhân của những sự đàn áp của Xta-lin thì mọc lên tòa nhà công nghiệp đồ sộ của Liên xô hiện nay. Người thầy đó là đảng viên Đảng cộng sản Anh cho tới năm 1956. Ông đã bỏ hàng ngũ của đảng sau Đại hội XX của Đảng cộng sản Liên xô, là đại hội đã nói rõ sự thật về những tội ác của Xta-lin và sau khi vụ phản loạn ở Hung-ga-ri bị dập tan. Không ít người cũng đã làm như ông.

Không trở lại thời kỳ Xta-lin, trở lại những sự kiện của cái năm 1936 quyết định ấy, thì không thể nào hiểu được vì sao trong ba mươi năm gần đây, phong trào cánh tả ở châu Âu lại bị chia rẽ và bị tổn thất vì óc bẻ phái và những bất đồng. Một trong những nét tào bạo nhất và lý thú nhất

của công cuộc cải tổ là ở khát vọng kiên trì của người xô viết muốn tìm hiểu lịch sử mới đầy của đất nước mình, muốn lấp đầy những lỗ thủng rộng lớn đen tối trong đó bằng ký ức thật sự của nhân dân. Đó là một quá trình rất đau đớn, dù chỉ vì nó vô tận. Mỗi một thế hệ mới đều viết lại lịch sử cho mình, nhìn những hiện tượng cơ bản của quá khứ với con mắt mới, lắng nghe những âm thanh và tiếng vang mà trước đó người ta không để ý. Những người đang sống hiện nay, sống vào thời kỳ cải tổ, cảm thấy đặc biệt sâu sắc nhu cầu nghiên cứu, thảo luận và một lần nữa đưa ra cách giải thích của mình về thời kỳ Xta-lin.

Có thể chúng ta sẽ không bao giờ hoàn toàn nhất trí với nhau về những đánh giá đối với thời kỳ đó. Và lại muốn một sự nhất trí như vậy cũng chẳng có ý nghĩa gì. Vì sao? Hãy đến xem bức tranh toàn cảnh về trận chiến đấu Bô-rô-di-nô ở đại lộ Cu-tu-dốp ở Mát-xcơ-va. Nhìn về bên phải, ta thấy một căn nhà gỗ đang bốc cháy; nhìn về bên trái, ta thấy những viện binh Nga đang tiến bước; còn ở đằng kia, ta lại thấy mở đầu cuộc tiến công của kỵ binh Pháp. Cùng một lúc ta không thể thấy được tất cả những cảnh đó: không thể bằng một cái nhìn mà bao quát được cảnh chiến đấu rộng lớn.

Cũng tương tự như vậy khi chúng ta nhìn vào thời kỳ Xta-lin. Nhìn từ phía này, ta chỉ thấy năm 1937, chỉ thấy những cuộc đàn áp và những vụ án nặng nề đã miêu tả như là các tội phạm quốc gia ngay cả những nhân vật có tầm cỡ như Bu-kha-rin. Nhưng nhìn từ phía khác ta lại thấy công trình Ma-nhi-tô-goóc-xcơ đã được xây dựng như thế nào, điện đã đến với các làng bản ở vùng Trung Á ra sao để người dân ở đó có thể học đọc học

(*) Xem bài "Vì sao cần biết lịch sử ?", báo *Tin tức Mát-xcơ-va*, số 42, ngày 13-10-1987, tr 13.

viết. Nhìn sang bên một chút ta lại thấy hiện rõ trước mắt những đau khổ của người nông dân trong thời kỳ tập thể hóa cưỡng bức. Nhìn con kênh Biền Trắng tuyệt đẹp vừa hoàn thành, bên cạnh đó ta lại thấy những người xây dựng nó trong bộ quần áo tù. Nhìn về phía này ta thấy một bộ phận ưu tú sĩ quan Hồng quân bị bắt giữ, bị xét xử và bị xử bắn như thế nào. Nhưng liền bên cạnh, trong các ngôi trường lại đang lớn lên các em nhỏ sẵn sàng chiến đấu quên mình chống bọn phát xít và sẵn sàng hy sinh với tên gọi Xta-lin trên môi. Chỉ cần nhìn sang phía khác một chút ta lại thấy những công nhân hào phóng biết chừng nào khi trao số lương ít ỏi của mình vào quỹ giúp đỡ nước Cộng hòa Tây ban nha đang đấu tranh chống bọn phát xít. Và bên cạnh đó lại hiện lên lời mở sổ phần khủng khiếp của Mi-kha-in Cờn-txốp và nhiều cụ chiến binh khác trong thời kỳ chiến tranh Tây ban nha sau khi họ trở về Mát-xcơ-va.

Không thể nhìn bao quát tất cả chiến trường. Nhưng chúng ta lại có thể quay đầu liên tục để nhìn vì hiểu rằng nên nhìn nó từ mọi góc độ. Không có một vị trí nào từ đó mở ra toàn cảnh đầy đủ về tấn bi kịch và sự cao cả, cũng như chúng ta không thể nào đọc trong cùng một lúc « Kinh cầu nguyện » của A-khơ-ma-tô-va và « Sông Đông êm đềm » của Sô-lô-khốp.

Nhưng nên cố gắng. Nên làm như vậy, dù chỉ vì Liên xô ở thời kỳ cải tổ lúc này không phải là nước duy nhất đang phải đau đớn đánh giá lại quá khứ. Tất cả các dân tộc sớm muộn đều phải làm như vậy. Phải nhìn lại phía sau và cố tìm hiểu xem vì sao chúng ta lại ở vào tình trạng như hiện nay, những hạt nào gieo vào thời Xta-lin, đã nảy nở vào thời kỳ cải tổ lúc này...

Qua các bài thuyết trình của giám đốc viện Iu-ri A-pha-na-xi-ép tại

Viện lưu trữ — lịch sử, có thể biết rằng tất cả các tài liệu lưu trữ và văn kiện đều được bảo quản, và nhiều người chứng kiến lịch sử đang còn sống. Mà điều chủ yếu nhất là có một cử tọa rộng lớn khao khát hiểu biết, cử tọa này hiểu rõ tầm quan trọng của những cuộc tranh luận và tìm kiếm sự thật, nhưng đồng thời cũng lại biết rằng sự thật trọn vẹn — đó là một lý tưởng mong ước thôi, chứ hầu như không thể đạt tới được.

Tôi tin rằng các nhà sử học xô viết và thỉnh giả của họ hiểu rõ rằng thời kỳ Xta-lin chỉ là một phần trong quá trình rộng lớn, rằng đang có sự cần thiết cấp bách phải xem xét lại và phân tích những thời kỳ quan trọng khác trong lịch sử xô viết, chẳng hạn, « thời kỳ tri tri », thời kỳ Brê-giơ-nép, thời kỳ Khor-rút-sốp, những năm cuối cùng của Lê-nin. Theo chỗ tôi biết, vở kịch mới của Mi-kha-in Sa-tơ-rốp là nói về Đại hội X của Đảng năm 1921; tạp chí « Iu-nốt » (« Thanh niên ») đã đăng tiểu thuyết của E-li-da-vê-ta Đráp-ki-na viết về cuộc nổi loạn Crôn-stát, còn Phê-do Buốc-lát-xki thì đang viết một vở kịch nhan đề « Năm 1927 ». Những cuộc đấu tranh gay gắt chống chủ nghĩa Xta-lin dường như đang chuyển từ lịch sử năm 1937 đã biết sang một vấp đề lý thú gây chấn động mạnh hơn là vấn đề làm thế nào mà nói chung Xta-lin đã có thể tập trung vào tay mình một quyền lực ghê gớm đến như vậy?...

LÊ DUNG

Chọn và lược dịch

NHỮNG BÀI HỌC CỦA CUỘC

KHỦNG HOẢNG NĂM 1968-Ở TIỆP KHẮC *

... Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Tiệp khắc, nơi mà trong những năm gần đây đã đạt được không ít những thành tích, đã diễn ra không phải là không có những vấn đề. Nguyên nhân của những vấn đề đó là ở chỗ xã hội mới đã được hình thành trong những điều kiện của các trận chiến đấu ác liệt có tính giai cấp ở trong nước và của sự gây sức ép thường xuyên của đế quốc quốc tế, đồng thời, là ở chỗ đảng cộng sản là lực lượng chính trị chủ chốt của xã hội đã phải giải quyết các nhiệm vụ hoàn toàn mới. Những sai lầm và thiếu sót nghiêm trọng, tính chủ quan trong việc đánh giá trình độ đã đạt được của sự phát triển công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và trong việc xác định những mục tiêu của nó, sự vi phạm những tiêu chuẩn lệ nin nít trong sinh hoạt đảng và trong việc quản lý nhà nước, việc không giải quyết được các vấn đề tích tụ đã dẫn đến cuộc khủng hoảng xã hội sâu sắc vào những năm 60, cuộc khủng hoảng này đã bị các thế lực xét lại và chống chủ nghĩa xã hội lợi dụng để phá hoại những cơ sở của chủ nghĩa xã hội. Các sự kiện diễn ra trong những năm 1968 và 1969 đã không xuất hiện trong một ngày. Cuộc khủng hoảng trong đảng và trong xã hội đã chín muồi một cách dần dần, và những thế lực mà sau hội nghị toàn thể trung ương đảng cộng sản Tiệp khắc hồi tháng giêng đây lên chiến dịch chống chủ nghĩa xã hội, đã chuẩn bị từ trước cho "thời điểm quyết định".

Trận tiến công của các lực lượng cánh hữu ở trong nước đã có quan hệ chặt chẽ với hoạt động của các trung tâm chống cộng ở phương Tây, đó là

những trung tâm mà sau khi cuộc phản cách mạng ở Hung-ga-ri bị thất bại, đã chọn Tiệp khắc làm đối tượng hành động chủ yếu. Trong hoạt động của mình, chúng đã đặt hy vọng vào các giới tiêu tư sản hòng xây dựng trên nền móng đó một phong trào chính trị mà phong trào này sẽ liên kết với những tàn dư của các đảng phái tư sản và tích cực chống lại chủ nghĩa xã hội. Đồng thời đòn chủ yếu là được nhằm đánh vào đảng cộng sản để làm suy yếu đảng và biến nó thành đảng có khuynh hướng xã hội - dân chủ. Chính vì vậy, bộ máy tuyên truyền của chủ nghĩa tư bản sau năm 1968 đã ủng hộ nhiệt tình những kẻ đại diện cho trào lưu xét lại ở trong đảng và gọi họ là "những người đổi mới" chủ nghĩa xã hội.

Ngày nay chúng ta trở lại những sự kiện cuối những năm 60 không phải vì sắp "tròn" một khoảng thời gian, mà là để một lần nữa khẳng định: chính đảng cộng sản đã trở thành lực lượng có thể khắc phục được những hiện tượng tiêu cực như vi phạm các tiêu chuẩn lệ nin nít, tính chủ quan, những thiếu sót trong việc áp dụng vào thực tế những nguyên tắc tập trung dân chủ và dân chủ trong đảng, những thiếu sót trong việc lập kế hoạch và phát triển kinh tế. Đường lối của đảng là sự thể hiện ý chí của đa số các đảng viên trong đảng, những người chủ trương phải giải quyết các vấn đề đã nảy sinh và kêu gọi đấu tranh chống những hiện tượng tiêu cực. Chính sự tuyên truyền của chủ nghĩa tư bản

* Xem bài "Vi sao dẫn đến cuộc khủng hoảng" của K. Go-rác đăng trên tuần báo "Tribuna" của ĐCS Tiệp Khắc số ra gần đây.

cũng như những kẻ xét lại và những kẻ tham gia trực tiếp vào các hoạt động chống chủ nghĩa xã hội sống lưu vong ở nước ngoài cũng như ở trong nước đã ra sức bằng mọi cách lờ đi sự việc này. Họ nhào nặn các sự việc và mưu toan chứng minh rằng cuộc đấu tranh khắc phục các thiếu sót là do các lực lượng có những lập trường xét lại lãnh đạo, nhưng sự thực là sau tháng giêng năm 1968 các lực lượng này đã trở thành những người tổ chức tiên tiến phát triển chống chủ nghĩa xã hội nhằm thủ tiêu những thành quả của cuộc Cách mạng Tháng Hai của nhân dân lao động.

Chiến thuật như vậy của kẻ thù của chủ nghĩa xã hội mang một ý nghĩa sâu xa. Chúng mưu toan chứng minh rằng trong những năm khủng hoảng dường như đã diễn ra không phải là tiến trình phản cách mạng mà là tiến trình phục hồi chủ nghĩa xã hội, và vì thế cho nên cần phải phục hồi danh dự cho những ai trong những năm đó đứng đầu cái gọi là « quá trình đổi mới », tức là những kẻ đại diện cho cả lực lượng xét lại và chống chủ nghĩa xã hội. Nhưng mưu đồ được thực hiện là dễ vô hiệu hóa những bài học về sự phát triển khủng hoảng trong đảng và trong xã hội sau Đại hội lần thứ 13 Đảng cộng sản Tiệp khắc mà những bài học đó phân tích sâu sắc những hiện tượng khủng hoảng và rút ra từ đó những kết luận cần thiết.

Không phải ngẫu nhiên mà đại diện của những quan điểm như vậy đã đẩy mạnh hoạt động sau Đại hội lần thứ 27 Đảng cộng sản Liên xô và Đại hội lần thứ 17 Đảng cộng sản Tiệp khắc. Nhưng cụ đại diện của các thế lực cánh hữu và cơ quan tuyên truyền của tư sản đã tìm được « cơ hội » cho mình trong chiến lược cải tổ và đẩy nhanh do đại hội của những người cộng sản Liên xô vạch ra. Họ bắt đầu tiến hành so sánh đủ mọi kiểu nhằm theo đuổi mục tiêu, chứng minh rằng

chính họ đã là những người tiền thân của công cuộc cải tổ hiện nay ở Liên xô, đồng thời cũng lờ đi một « điều vật vãnh » là đảng cộng sản đang lãnh đạo công cuộc cải tổ ở Liên xô, mà mục tiêu của nó là củng cố chủ nghĩa xã hội. Còn mục tiêu của các thế lực cánh hữu ở Tiệp khắc là thủ tiêu những thành quả của chủ nghĩa xã hội.

Và ngày nay, những mưu đồ của những ai định thông qua phương tiện thông tin của tư sản cho chúng ta « những lời khuyên » nên tiến hành công cuộc cải tổ như thế nào, về thực chất không khác với những mục tiêu của những kẻ phản cách mạng trong những năm khủng hoảng.

Đảng cộng sản Tiệp khắc trong hoạt động của mình xuất phát từ kinh nghiệm được tích lũy trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Một trong những kinh nghiệm đó là vẫn phải thường xuyên củng cố sự thống nhất của đảng về tư tưởng và tổ chức, có quyết định kịp thời về các vấn đề đã chín muồi, tăng cường những tiêu chuẩn lễ nín nít trong sinh hoạt nội bộ đảng, phát huy sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lê-nin. Chính vì vậy, phù hợp với các nghị quyết của Đại hội lần thứ 17 Đảng cộng sản Tiệp khắc, xã hội Tiệp khắc đã bắt đầu cải tổ cơ cấu kinh tế và tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Mục tiêu của quá trình này là củng cố chủ nghĩa xã hội, tạo mọi điều kiện để sử dụng một cách tối đa những khả năng và năng lực của tất cả các công dân.

Đường lối do đại hội đảng đề ra đáp ứng hoàn toàn và đầy đủ những nhu cầu của giai đoạn phát triển mới. Sự bảo đảm cho việc thực hiện đường lối đó là những cơ sở vững chắc của chủ nghĩa xã hội, những thành quả của nhân dân lao động mà chiến lược cải tổ và đẩy nhanh sự phát triển kinh tế xã hội của xã hội là sự tiếp tục một cách lô gích những cái đó.

ТАПТИ КОНГШАН № 2 – 1988

ПЕРЕДОВАЯ – Большие руководящие идеи плана социально-экономического развития на пятилетие (1986 – 1990 гг.) и 1988 г.
ДАНГ ХЫУ – Активизировать реализацию Комплексной программы научно-технического прогресса на период до 2000 г.
НГУЕН КХИЕМ – Экономия – большая государственная политика
ХОНГ ТЬЫОНГ – О компании обновления.
ВУ НЯТ КХАЙ – Повысить функции критики, преобразования марксистско-ленинской теории.
НГУЕН КЮЕН ШИНЬ – Расширить туризм, больше привлекать иностранных туристов.
ФАН ЗОАН НАМ – Некоторые соображения об обновлении в области внешнеполитической деятельности.
ИССЛЕДОВАНИЕ. ОБМЕН МНЕНИЯМИ – Об инфляции – Куанг Тьюэ, Динь Фьонг.

REVIEW OF COMMUNISM № 2 – 1988

EDITORIAL – Major guiding ideas of the 5-year plan of social and economic development for 1986 – 1990 in general and for the year 1988 in particular.
ĐẢNG HỮU – Stepping up the implementation of the General Programme of scientific and technological achievements until the year 2000.
NGUYỄN KHIÊM – Thrift-practising, a momentous national policy.
HỒNG CHƯƠNG – On the campaign for restructuring.
VŨ NHẬT KHẢI – Heightening the reformative and critical function of the Marxist-Leninist theory.
NGUYỄN QUYỀN SINH – Broadening tourism to attract the influx of foreign visitors.
PHAN ĐOÀN NAM – Some ideas on thinking renewal on foreign activities.
RESEARCH – EXCHANGE OF OPINIONS – On the problem of inflation by Quang Tuệ, Định Phương.

REVUE DU COMMUNISME № 2 – 1988

EDITORIAL – Les grandes pensées directrices du plan de développement socio-économique du quinquennat 1986 – 1990 et de 1988.
ĐẢNG HỮU – Impulser la réalisation du « programme global de progrès scientifique-techniques jusqu' à l'an 2000 ». **NGUYỄN KHIÊM** – Economiser – une grande politique nationale.
HỒNG CHƯƠNG – Sur le mouvement pour le renouveau.
VŨ NHẬT KHẢI – Rehausser la fonction critique et transformatrice de la théorie marxiste-léniniste.
NGUYỄN QUYỀN SINH – Développer le tourisme, attirer vigoureusement la clientèle étrangère.
PHAN ĐOÀN NAM – Quelques idées sur le renouveau de la pensée dans les relations extérieures.
ETUDES – ECHANGE DE VUES – Sur l'inflation – Quang Trệ, Định Phương.

REVISTA DEL COMUNISMO № 2 – 1988

EDITORIAL – Grandes pensamientos orientadores del Plan Quinquenal de desarrollo socio-económico 1986 – 1990 y de 1988.
ĐẢNG HỮU – Impulsar « el programa global de los progresos científicos y técnicos hasta el año 2000 ». **NGUYỄN KHIÊM** – Economía – una política nacional.
HỒNG CHƯƠNG – Acerca de la movilización renovadora.
VŨ NHẬT KHẢI – Mejorar la función crítica y transformadora de la teoría marxista-leninista.
NGUYỄN QUYỀN SINH – Canalizar más el turismo para atraer a los extranjeros.
PHAN ĐOÀN NAM – Algunas consideraciones sobre la renovación del pensamiento en las relaciones exteriores.
ESTUDIOS – INTERCAMBIOS – Sobre la inflación.
Quang Tuệ, Định Phương.

XÃ LUẬN - Những tư tưởng chỉ đạo lớn của kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội 5 năm 1986 - 1990 và năm 1988	1
ĐẶNG HỮU - Đẩy mạnh thực hiện « chương trình tổng hợp tiến bộ khoa học kỹ thuật đến năm 2000 »	8
NGUYỄN KHIÊM - Tiết kiệm - một quốc sách lớn	15
TRẦN HỒ - Sự lạc hậu về nhận thức lý luận kinh tế	20
HỒNG CHUÔNG - Về cuộc vận động đổi mới	25
VŨ NHẬT KHẢI - Nâng cao chức năng phê phán, cải tạo của lý luận Mác - Lê-nin	32
HỒ VĂN THÔNG - Về hoạt động lý luận, tư tưởng hiện nay	37
HỒNG LONG - Đào tạo công nhân kỹ thuật - một yêu cầu cấp bách	41
NGUYỄN QUYỀN SINH - Mở rộng du lịch, khơi mạnh luồng khách quốc tế	46
PHAN DOãn NAM - Một vài suy nghĩ về đổi mới tư duy đối ngoại	50
Nghiên cứu - Trao đổi - Về vấn đề lạm phát ★ QUANG TUỆ, DỊNH PHƯƠNG	55
Sinh hoạt tư tưởng - THUẬN TRUNG: Chớ cầm dao sắc đằng lưỡi	65
Chúng tôi phỏng vấn	69
Thư gửi Bộ biên tập ★ BÙI THIẾT, TRẦN TRUNG NÔNG, BÙT NGUYỄN TỬ	76
Qua sách báo các nước anh em ★ Công cuộc cải tổ và vấn đề lịch sử. Những bài học của cuộc khủng hoảng năm 1968 ở Tiệp khắc	80

Trụ sở Bộ biên tập:

1. Nguyễn Thượng Hiền - Hà nội. Dãy nói: 52061 - 52062

Trụ sở cơ quan thường trú tại miền Nam:

19. Phạm Ngọc Thạch - T. P. Hồ Chí Minh. Dãy nói: 25768 - 22040

Các bạn tìm đọc :

TRƯỜNG CHINH :

- Tuyên tập (tập I)

PHẠM VĂN ĐỒNG :

- Những bài nói và viết chọn lọc (tập I)

TRẦN ĐỘ :

- Văn hóa, văn nghệ dưới ánh sáng Đại hội VI của Đảng

HỮU THỌ :

- Đổi mới tư duy — Nông nghiệp phải thực sự là mặt trận kinh tế hàng đầu

TRẦN ĐÌNH VĂN :

- Người tử tù khám lớn

★ ★ ★

- Nghiên cứu văn kiện đại hội VI
- Xây dựng chính quyền và các ngành luật (phần I)
- Chính sách kinh tế mới — Soạn thảo và thực hiện (phần I)

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

U.C. BERKELEY LIBRARIES



C035975882